

Số: **2060/QĐ-BKHCN**

*Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2023*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ**

**BỘ TRƯỞNG  
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ và Chánh Văn phòng Bộ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Ban hành mới 40 thủ tục hành chính cấp trung ương và 03 thủ tục hành chính cấp tỉnh quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ 28 thủ tục hành chính cấp trung ương và 02 thủ tục hành chính cấp tỉnh trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa



học và Công nghệ đã được công bố tại Quyết định số 3675/QĐ-BKHCN ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Điều 3.** Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thủ trưởng;
- Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, SHTT, VP.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Giang





**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH/BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2060/QĐ-BKHCN ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ**

TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>A. Thủ tục hành chính cấp trung ương</b>			
1	Thủ tục yêu cầu thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế của người thứ ba	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
2	Thủ tục đền bù cho chủ sở hữu sáng chế vì sự chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành được phẩm	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
3	Thủ tục xử lý đơn La Hay có chỉ định Việt Nam	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
4	Thủ tục xử lý đơn Madrid có nguồn gốc Việt Nam	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
5	Thủ tục xử lý đơn Madrid có chỉ định Việt Nam	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
6	Thủ tục chuyển đổi đăng ký quốc tế nhãn hiệu thành đơn nộp theo thể thức quốc gia	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
7	Thủ tục yêu cầu ghi nhận thay đổi người nộp đơn	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
8	Thủ tục sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
9	Thủ tục tách đơn đăng ký SHCN	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
10	Thủ tục rút đơn đăng ký SHCN	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
11	Thủ tục duy trì hiệu lực Văn bằng bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
12	Thủ tục gia hạn hiệu lực Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
13	Thủ tục chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
14	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
15	Thủ tục sửa đổi thông tin trên văn bằng bảo hộ, thay đổi thông tin trong Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ



16	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
17	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
18	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
19	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
20	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
21	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
22	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng SHCN	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
23	Thủ tục giao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân khác	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
24	Thủ tục cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
25	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
26	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
27	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
28	Thủ tục thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
29	Thủ tục ghi nhận Người đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
30	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
31	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
32	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ



	hữu công nghiệp		
33	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
34	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
35	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
36	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
37	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên SHCN	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
38	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
39	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
40	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định SHCN	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ

#### **B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh**

1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	UBND cấp tỉnh
2	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Sở hữu trí tuệ	UBND cấp tỉnh
3	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định SHCN	Sở hữu trí tuệ	UBND cấp tỉnh

#### **2. Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ**

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
<b>A. Thủ tục hành chính cấp trung ương</b>					
1	1.005260	Thủ tục đăng ký sáng chế theo Hiệp ước PCT có chọn Việt Nam	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
2	1.005262	Thủ tục đăng ký sáng chế theo Hiệp ước PCT có nguồn gốc Việt Nam	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
3	1.005285	Thủ tục đăng ký quốc tế nhãn hiệu có nguồn gốc Việt Nam	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
4	1.005263	Thủ tục đăng ký quốc tế nhãn hiệu có chỉ định Việt Nam	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
5	1.005272	Thủ tục sửa đổi, bổ sung, tách	Nghị định	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu



		đơn đăng ký sở hữu công nghiệp	65/2023/NĐ-CP		trí tuệ
6	1.005268	Thủ tục yêu cầu ghi nhận chuyển giao đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
7	1.005274	Thủ tục duy trì hiệu lực Văn bằng bảo hộ sáng chế	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
8	1.005275	Thủ tục gia hạn hiệu lực Văn bằng bảo hộ	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
9	1.005276	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
10	1.005278	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
11	1.005281	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
12	1.005282	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
13	1.005284	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
14	1.003469	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
15	1.004748	Thủ tục chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
16	1.003987	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
17	1.003947	Thủ tục sửa đổi Văn bằng bảo hộ	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
18	1.003927	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
19	1.003834	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
20	1.003808	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
21	1.003789	Thủ tục ghi nhận Người đại	Nghị định	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu



		diện sở hữu công nghiệp	65/2023/NĐ-CP		trí tuệ
22	1.003686	Thủ tục ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
23	1.003661	Thủ tục ghi nhận thay đổi về tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp/Người đại diện sở hữu công nghiệp	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
24	1.003629	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
25	1.003617	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
26	1.003594	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
27	1.003574	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ
28	1.003557	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Cục Sở hữu trí tuệ

#### **B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh**

1	1.003542	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ
2	2.001483	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp	Nghị định 65/2023/NĐ-CP	Sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ



## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

### **I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG**

#### **1. Thủ tục yêu cầu thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế của người thứ ba**

##### ***a. Trình tự thực hiện:***

##### **- Bước 1: Tiếp nhận đơn**

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế đến Cục Sở hữu trí tuệ.

##### **- Bước 2: Xử lý đơn**

+ Trong vòng 03 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu, Cục Sở hữu trí tuệ thông báo cho người nộp đơn đăng ký sáng chế về yêu cầu thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế;

+ Trường hợp yêu cầu không hợp lệ, trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu, Cục Sở hữu trí tuệ thông báo và ấn định thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra thông báo để người yêu cầu thẩm định nội dung sửa chữa thiếu sót. Trường hợp không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo từ chối thẩm định nội dung đơn.

+ Trường hợp yêu cầu hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ tiến hành thẩm định nội dung đơn theo quy định và thông báo kết quả thẩm định nội dung đơn cho người có yêu cầu.

##### ***b. Cách thức thực hiện:***

- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

##### ***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

##### **- Thành phần hồ sơ, bao gồm:**

+ Tờ khai yêu cầu thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I Nghị định 65/2023/NĐ-CP;

+ Giấy uỷ quyền (nếu nộp hồ sơ thông qua đại diện);

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

##### ***d. Thời hạn giải quyết:***

Không quá 18 tháng kể từ ngày công bố đơn nếu yêu cầu thẩm định nội dung được nộp



trước ngày công bố đơn hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu thẩm định nội dung nếu yêu cầu đó được nộp sau ngày công bố đơn.

**d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo kết quả thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế.

**h. Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định: 900.000 đồng (cho mỗi yêu cầu bảo hộ độc lập)
- + Phí thẩm định nội dung:  $80\% \times 900.000$  đồng (mỗi yêu cầu bảo hộ độc lập)
- + Bản mô tả có trên 6 trang, từ trang thứ 7 trở đi phải nộp thêm 40.000 đồng/trang
- Phí tra cứu thông tin nhằm phục vụ việc thẩm định: 600.000 đồng (cho mỗi yêu cầu bảo hộ độc lập).

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai yêu cầu thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I Nghị định 65/2023/NĐ-CP.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.



**TỜ KHAI  
YÊU CẦU THẨM ĐỊNH  
NỘI DUNG ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

Người có tên dưới đây yêu cầu thẩm định nội dung đơn  
đăng ký sáng chế<sup>2</sup>

**① ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ ĐƯỢC YÊU CẦU THẨM ĐỊNH NỘI DUNG**

Số đơn:

**② NGƯỜI YÊU CẦU THẨM ĐỊNH NỘI DUNG**

(Tổ chức, cá nhân yêu cầu thẩm định nội dung)

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Số căn cước công dân (nếu có):

Điện thoại:

Email:

☐ là người nộp đơn

☐ là người thứ ba

**③ ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI YÊU CẦU**

☐ là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu thẩm định nội dung

Mã số đại diện:

☐ là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền  
của người yêu cầu thẩm định nội dung

☐ là người khác được uỷ quyền của người yêu cầu thẩm định nội dung

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

E-mail:

**④ PHÍ, LỆ PHÍ**

Loại phí, lệ phí	Số đối tượng tính phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Phí tra cứu thông tin phục vụ việc thẩm định nội dung	.....điểm yêu cầu bảo hộ độc lập	
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định nội dung	.....điểm yêu cầu bảo hộ độc lập	
<input type="checkbox"/> Bản mô tả có trên 6 trang (từ trang thứ 7 trở đi)	..... trang	

**Tổng số phí, lệ phí nộp theo đơn là:**

Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan  
quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):

**⑤ NGƯỜI YÊU CẦU/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI YÊU CẦU KÝ TÊN**

<sup>1</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp

<sup>2</sup> Trong Tờ khai này, người yêu cầu/đại diện của người yêu cầu đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau  
các ô vuông là phù hợp.



<b>⑤ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i>
<input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm.....trang <input type="checkbox"/> Văn bản ủy quyền bằng tiếng..... <div style="margin-left: 40px;"> <input type="checkbox"/> Bản gốc  <input type="checkbox"/> Bản sao ( <input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau  <div style="margin-left: 80px;"><input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....)</div> <input type="checkbox"/> Bản dịch tiếng Việt, gồm.....trang </div> <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp)	<div style="display: flex; align-items: center;"> <div style="flex: 1;"> <input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 10px; flex: 1; text-align: center;"> <b>Cán bộ nhận đơn</b>  <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i> </div> </div>
<b>⑥ CAM KẾT CỦA NGƯỜI YÊU CẦU/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI YÊU CẦU</b>  Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.  <div style="text-align: right;"> <i>Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ...</i>  Chữ ký, họ tên người yêu cầu/đại diện của người yêu cầu  <i>(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</i> </div>	



## **2. Thủ tục đền bù cho chủ sở hữu sáng chế vì sự chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành được phẩm**

### **a. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tiếp nhận đơn

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu đền bù cho chủ sở hữu sáng chế vì sự chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành được phẩm đến Cục Sở hữu trí tuệ.

- Bước 2: Xử lý đơn

Cục Sở hữu trí tuệ thông báo cho chủ Bằng độc quyền sáng chế về phương án đền bù và thực hiện các thủ tục sau:

+ Không thu phí sử dụng Bằng độc quyền sáng chế cho khoảng thời gian thủ tục đăng ký lưu hành được phẩm được sản xuất theo Bằng độc quyền sáng chế đó bị chậm trong quá trình xử lý yêu cầu duy trì hiệu lực;

+ Trong trường hợp phí sử dụng Bằng độc quyền sáng chế cho khoảng thời gian đó đã được nộp, khấu trừ số phí đã được nộp trong quá trình xử lý yêu cầu duy trì hiệu lực ở kỳ tiếp theo;

+ Trong trường hợp chủ Bằng độc quyền sáng chế không tiếp tục duy trì hiệu lực hoặc Bằng độc quyền sáng chế hết hiệu lực, hoàn trả phí sử dụng cho chủ Bằng độc quyền sáng chế trong vòng 03 tháng kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu theo quy định.

### **b. Cách thức thực hiện:**

- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai yêu cầu đền bù do chậm cấp phép lưu hành lần đầu đối với được phẩm sản xuất theo bằng độc quyền sáng chế theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I Nghị định 65/2023/NĐ-CP);

+ Tài liệu xác nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp phép lưu hành được phẩm về việc thủ tục đăng ký lưu hành được phẩm được sản xuất theo Bằng độc quyền sáng chế đó bị chậm.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

### **d. Thời hạn giải quyết:**

(i) theo thời hạn xử lý yêu cầu duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế trong trường hợp Bằng độc quyền sáng chế được tiếp tục duy trì hiệu lực (tối đa là 03 tháng kể từ ngày nộp yêu cầu duy trì hiệu lực);



(ii) trong vòng 03 tháng kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu trong trường hợp chủ Bằng độc quyền sáng chế không tiếp tục duy trì hiệu lực hoặc Bằng độc quyền sáng chế hết hiệu lực.

**d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo về phương án đền bù và thủ tục được Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện.

**h. Phí, lệ phí:** Không có.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai yêu cầu đền bù do chậm cấp phép lưu hành lần đầu đối với dược phẩm sản xuất theo bằng độc quyền sáng chế theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I Nghị định 65/2023/NĐ-CP.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Thủ tục đăng ký lưu hành lần đầu của dược phẩm được sản xuất theo Bằng độc quyền sáng chế đó tại Việt Nam bị chậm và được cơ quan có thẩm quyền cấp phép lưu hành cấp Giấy xác nhận thủ tục đăng ký lưu hành dược phẩm lần đầu bị chậm.
- Yêu cầu phải được nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày dược phẩm được cấp phép lưu hành.
- Đối với dược phẩm được sản xuất theo nhiều Bằng độc quyền sáng chế khác nhau thì được miễn phí sử dụng của tất cả các Bằng độc quyền sáng chế liên quan.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.



**TỜ KHAI**

**YÊU CẦU ĐỀN BÙ DO CHẠM CẤP PHÉP LƯU HÀNH LẦN ĐẦU ĐỐI VỚI DƯỢC PHẨM SẢN XUẤT THEO BẢNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ**

**DẤU NHẬN ĐƠN**

(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây đề nghị thực hiện quy định đền bù do chậm cấp phép lưu hành dược phẩm sản xuất theo Bảng độc quyền sáng chế<sup>2</sup>

**①****NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Tổ chức, cá nhân là chủ Bảng độc quyền sáng chế có yêu cầu đền bù)

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Số căn cước công dân (nếu có):

Điện thoại:

Email:

**②****ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**☐ là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn☐ là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền của người nộp đơn☐ là người khác được uỷ quyền của người nộp đơn

Mã số đại diện:

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

**③****GIẤY PHÉP LƯU HÀNH DƯỢC PHẨM**

Tên dược phẩm:

Số đăng ký:

Ngày cấp:

Ngày hết hạn:

Khoảng thời gian thủ tục đăng ký lưu hành dược phẩm lần đầu bị chậm<sup>3</sup>:**④****BẢNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ**

Tên sáng chế:

Số văn bằng bảo hộ:

Ngày cấp:

Kỳ hạn nộp phí sử dụng Bảng độc quyền sáng chế gần nhất:

Phí sử dụng Bảng độc quyền sáng chế trong thời gian thủ tục đăng ký lưu hành dược phẩm lần đầu bị chậm:

☐ Đã nộp ☐ Chưa nộp

Trong trường hợp đã nộp phí sử dụng, đề nghị:

☐ Khấu trừ vào kỳ duy trì hiệu lực tiếp theo☐ Hoàn trả cho chủ Bảng độc quyền sáng chế, hình thức hoàn trả: ☐ tiền mặt ☐ chuyển khoản

(Nếu chuyển khoản, ghi rõ:

Số tài khoản:

Chủ tài khoản:

Ngân hàng (nếu rõ chi nhánh):

**⑤ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN**<sup>1</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.<sup>2</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.<sup>3</sup> Được xác định theo khoản 2 và khoản 3 Điều 131a Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022.



⑤ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN

- ☐ Tờ khai, gồm.....trang
- ☐ Tài liệu xác nhận về việc chậm cấp giấy phép lưu hành được phẩm, gồm.....trang
- ☐ Văn bản uỷ quyền bằng tiếng.....
- ☐ bản dịch tiếng Việt, gồm.....trang
- ☐ bản gốc
- ☐ bản sao ( ☐ bản gốc sẽ nộp sau
- ☐ bản gốc đã nộp theo đơn số:.....)
- ☐ Tài liệu khác, cụ thể:

## KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU

(Dành cho cán bộ nhân đơn)

Cán bộ nhân đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

⑥ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘ ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘ ĐƠN

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn

(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)



### **3. Thủ tục xử lý Đơn La Hay có chỉ định Việt Nam**

#### **a. Trình tự thực hiện:**

##### **- Bước 1: Tiếp nhận đơn**

Đơn đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp nộp theo Thỏa ước La Hay có chỉ định Việt Nam sẽ được Cục Sở hữu trí tuệ tải về từ Công báo trực tuyến đơn đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp của Văn phòng quốc tế (WIPO).

##### **- Bước 2: Thẩm định nội dung đơn**

Sau khi nhận được thông báo của Văn phòng quốc tế về đơn La Hay có chỉ định Việt Nam, Cục Sở hữu trí tuệ tiến hành thẩm định nội dung như đối với đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp nộp theo thể thức quốc gia để đánh giá khả năng được bảo hộ của đối tượng nêu trong đơn theo các điều kiện bảo hộ, qua đó xác định phạm vi bảo hộ tương ứng.

##### **- Bước 3: Ra quyết định chấp nhận bảo hộ/thông báo từ chối bảo hộ kiểu dáng công nghiệp đăng ký quốc tế tại Việt Nam:**

+ Trường hợp kiểu dáng công nghiệp trong đơn đáp ứng điều kiện bảo hộ theo quy định của pháp luật Việt Nam và đơn không có thiếu sót, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định chấp nhận bảo hộ kiểu dáng công nghiệp đăng ký quốc tế trong đơn, ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp (Phần Kiểu dáng công nghiệp đăng ký quốc tế), gửi Văn phòng quốc tế tuyên bố chấp nhận bảo hộ cho kiểu dáng công nghiệp đăng ký quốc tế và công bố quyết định trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định.

+ Trường hợp kiểu dáng công nghiệp trong đơn không đáp ứng điều kiện bảo hộ hoặc đơn còn thiếu sót (thiếu ảnh chụp/bản vẽ khiến bộ ảnh chụp/bản vẽ không bộc lộ đầy đủ các đặc điểm tạo dáng của kiểu dáng công nghiệp hoặc đăng ký quốc tế không đáp ứng các tuyên bố của Việt Nam hoặc có thông tin cần phải xác minh v.v...), Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo từ chối, trong đó nêu rõ nội dung và lý do từ chối và gửi thông báo đó cho Văn phòng quốc tế.

+ Trường hợp một số kiểu dáng công nghiệp đăng ký không đáp ứng điều kiện bảo hộ hoặc đơn còn có thiếu sót đối với một số kiểu dáng (thiếu ảnh chụp/bản vẽ khiến bộ ảnh chụp/bản vẽ không bộc lộ đầy đủ các điều kiện tạo dáng của kiểu dáng công nghiệp hoặc đăng ký quốc tế không đáp ứng các tuyên bố của Việt Nam hoặc có thông tin cần phải xác minh v.v...), Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện các thủ tục sau:

(i) Ra thông báo từ chối đối với kiểu dáng công nghiệp không đáp ứng điều kiện bảo hộ hoặc còn thiếu sót, trong đó nêu rõ nội dung và lý do từ chối và gửi thông báo đó cho Văn phòng quốc tế;



(ii) Ra quyết định chấp nhận bảo hộ đối với các kiểu dáng công nghiệp đáp ứng điều kiện bảo hộ và không có thiếu sót, ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp (Phần Kiểu dáng công nghiệp đăng ký quốc tế) và gửi cho Văn phòng quốc tế tuyên bố trong đó chỉ rõ kiểu dáng công nghiệp được chấp nhận bảo hộ và công bố quyết định trên Công báo Sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định.

**b. Cách thức thực hiện:**

+ Nộp đơn: nộp trực tuyến qua hệ thống nộp đơn đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp của Văn phòng quốc tế hoặc nộp đơn giấy thông qua các cơ quan sở hữu công nghiệp của các quốc gia thành viên Thỏa ước La Hay.

+ Sửa chữa thiếu sót hoặc phản đối ý kiến từ chối của Cục Sở hữu trí tuệ: nộp thông qua đại diện theo thể thức quốc gia, tức là nộp yêu cầu: (i) Trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ, hoặc (ii) Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Theo yêu cầu của quy tắc số 7 Quy chế thi hành chung Thỏa ước La Hay

**d. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Văn phòng quốc tế ra thông báo về việc đơn có chỉ định Việt Nam, Cục Sở hữu trí tuệ ra kết luận về khả năng bảo hộ của kiểu dáng công nghiệp.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định chấp nhận bảo hộ kiểu dáng công nghiệp đăng ký quốc tế tại Việt Nam.
- Thông báo từ chối chấp nhận bảo hộ kiểu dáng công nghiệp đăng ký quốc tế tại Việt Nam.

**h. Phí, lệ phí:** Theo quy định của Văn phòng quốc tế

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Theo quy định của Văn phòng quốc tế

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện sau có quyền đăng ký kiểu dáng công nghiệp:
  - + Tác giả tạo ra kiểu dáng công nghiệp bằng công sức và chi phí của mình;
  - + Tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất cho tác giả dưới hình thức giao việc, thuê việc, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;



- + Trường hợp nhiều tổ chức, cá nhân cùng nhau tạo ra hoặc đầu tư để tạo ra kiểu dáng công nghiệp thì các tổ chức, cá nhân đó đều có quyền đăng ký và quyền đăng ký đó chỉ được thực hiện nếu được tất cả các tổ chức, cá nhân đó đồng ý;
- + Tổ chức, cá nhân được chuyển giao quyền đăng ký từ tổ chức, cá nhân có quyền đăng ký quy định dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản, để thừa kế hoặc kế thừa theo quy định của pháp luật, kể cả trường hợp đã nộp đơn đăng ký;
- + Tổ chức, cá nhân được giao quyền đăng ký (tương ứng với tỷ lệ phần ngân sách nhà nước) kiểu dáng công nghiệp là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đầu tư bằng nhiều nguồn vốn, trong đó có một phần ngân sách nhà nước.
- Cá nhân/tổ chức là công dân hoặc thường trú hoặc có cơ sở sản xuất, kinh doanh tại các quốc gia thành viên của Thỏa ước La Hay.

#### ***1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.



#### **4. Thủ tục xử lý đơn Madrid có nguồn gốc Việt Nam**

##### **a. Trình tự thực hiện:**

###### **- Bước 1: Tiếp nhận đơn**

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ Đơn Madrid có nguồn gốc Việt Nam đến Cục Sở hữu trí tuệ.

###### **- Bước 2: Xử lý hồ sơ**

+ Trường hợp đơn có thiếu sót, Cục Sở hữu trí tuệ thông báo để người nộp đơn sửa chữa thiếu sót. Trường hợp người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo, đơn coi như bị rút bỏ;

+ Trường hợp đơn không có thiếu sót hoặc có thiếu sót nhưng người nộp đơn đã sửa chữa thiếu sót đạt yêu cầu, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo các khoản phí, lệ phí người nộp đơn cần phải nộp trực tiếp cho Văn phòng quốc tế, ký xác nhận đơn và chuyển đơn cho Văn phòng quốc tế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra thông báo về phí, lệ phí;

##### **b. Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

##### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

###### **- Thành phần hồ sơ, bao gồm:**

+ Tờ khai đăng ký quốc tế nhãn hiệu có nguồn gốc Việt Nam theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II Nghị định 65/2023/NĐ-CP;

+ 02 Tờ khai MM2 theo mẫu của Văn phòng quốc tế bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp;

+ 02 mẫu nhãn hiệu đúng như nhãn hiệu trong đơn đăng ký đã được nộp tại Việt Nam (đơn cơ sở) hoặc giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (đăng ký cơ sở) ;

+ 02 tờ khai MM18 bằng tiếng Anh (nếu đơn có chỉ định Hoa Kỳ);

+ Văn bản ủy quyền bằng tiếng Việt (trường hợp yêu cầu được nộp thông qua đại diện);

+ Chứng từ nộp phí thực hiện thủ tục đăng ký quốc tế nhãn hiệu có nguồn gốc Việt Nam.

+ Các tài liệu khác có liên quan (nếu cần).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày nhận được đủ tài liệu hợp lệ theo quy định.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.



**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: Cục Sở hữu trí tuệ thông báo về việc nộp lệ phí cho đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu theo hệ thống Madrid và chuyển đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu cho Văn phòng quốc tế;
- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: Người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót trong thời hạn, đơn coi như bị rút bỏ.

**h. Phí, lệ phí:**

- Phí thực hiện thủ tục đăng ký quốc tế nhãn hiệu - không bao gồm các khoản phí phải nộp cho Văn phòng quốc tế: 2.000.000 đồng.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đăng ký quốc tế nhãn hiệu có nguồn gốc Việt Nam theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II Nghị định 65/2023/NĐ-CP.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu chỉ định nước muốn được đăng ký bảo hộ là thành viên của Nghị định thư Madrid.
- Người đã nộp đơn đăng ký nhãn hiệu tại Việt Nam và người đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu tại Việt Nam có quyền đăng ký quốc tế nhãn hiệu tương ứng theo hệ thống Madrid.
- Cá nhân/tổ chức là công dân hoặc cư trú hoặc có cơ sở kinh doanh tại một nước thành viên của Thỏa ước hoặc Nghị định thư.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.



**TỜ KHAI**  
**ĐĂNG KÝ QUỐC TẾ NHÃN HIỆU**  
**CÓ NGUỒN GỐC VIỆT NAM**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây đề nghị thực hiện thủ tục đăng ký quốc tế nhãn hiệu thông qua hệ thống Madrid<sup>2</sup>

① NHÃN HIỆU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ QUỐC TẾ	
<b>Mẫu nhãn hiệu</b>	<b>Thông tin Đơn cơ sở nộp tại Việt Nam hoặc Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cơ sở đã được cấp tại Việt Nam</b>
<div></div>	<div><input type="checkbox"/> Đơn đăng ký nhãn hiệu cơ sở <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận (GCN) đăng ký nhãn hiệu cơ sở</div> <div>Số đơn/Số GCN: Ngày nộp đơn/Ngày cấp GCN: Nhóm hàng hoá, dịch vụ của đơn/GCN: Nhóm hàng hóa, dịch vụ được yêu cầu đăng ký quốc tế:</div>
② <b>NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Tổ chức, cá nhân yêu cầu đăng ký quốc tế)	
Tên đầy đủ: Địa chỉ: Số căn cước công dân (nếu có):                      Điện thoại:                      Email:	
③ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN	

<sup>1</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

<sup>2</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.



<b>③ ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b>	
<input type="checkbox"/> là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn <input type="checkbox"/> là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền của người nộp đơn <input type="checkbox"/> là người khác được uỷ quyền của người nộp đơn	
<div style="border: 1px solid black; display: inline-block; padding: 2px 10px;">Mã số đại diện:</div>	
Tên đầy đủ: _____ Địa chỉ: _____ Điện thoại: _____ Email: _____	
<b>④ THÀNH VIÊN ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH</b>	
1. Tên thành viên: _____ Mã thành viên: _____ 2. Tên thành viên: _____ Mã thành viên: _____ 3. Tên thành viên: _____ Mã thành viên: _____ 4. Tên thành viên: _____ Mã thành viên: _____	5. Tên thành viên: _____ Mã thành viên: _____ 6. Tên thành viên: _____ Mã thành viên: _____ 7. Tên thành viên: _____ Mã thành viên: _____ 8. Tên thành viên: _____ Mã thành viên: _____
<b>⑤ PHÍ, LỆ PHÍ</b>	
<b>Loại phí, lệ phí</b>	<b>Số tiền</b>
Phí thực hiện thủ tục đăng ký quốc tế nhãn hiệu có nguồn gốc Việt Nam (không bao gồm các khoản phí phải nộp cho Văn phòng quốc tế)	
<input type="checkbox"/> Nộp trực tiếp	
<input type="checkbox"/> Nộp bằng hình thức chuyển khoản hoặc qua dịch vụ bưu chính (ghi rõ thông tin giao dịch):	
<b>⑦ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>	



## ⑥ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN

- ☐ Tờ khai, gồm ..... trang x ....bản
- ☐ Tờ khai MM2, làm bằng tiếng..... gồm.....trang x ....bản
- ☐ Tờ khai MM18 (nếu đơn có chỉ định Hoa Kỳ) x ....bản
- ☐ Mẫu nhãn hiệu, gồm.....mẫu
- ☐ Văn bản uỷ quyền x 01 bản
  - ☐ bản gốc
  - ☐ bản sao (☐ bản gốc sẽ nộp sau
  - ☐ bản gốc đã nộp theo đơn số:.....)
- ☐ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp)
- ☐ Tài liệu khác, cụ thể ...
- ☐ Có ... trang bổ sung, bao gồm (nêu cụ thể)

## KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU

(Dành cho cán bộ nhân đơn)

- □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

Cán bộ nhận đơn  
(Ký và ghi rõ họ tên)

⑦

**CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘ ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘ ĐƠN**

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: .....ngày ... tháng ... năm ...  
 Chữ ký, họ tên của người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn  
 (Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)



## **5. Thủ tục xử lý Đơn Madrid có chỉ định Việt Nam**

### **a. Trình tự thực hiện:**

#### **- Bước 1: Tiếp nhận đơn**

Đơn Madrid có chỉ định Việt Nam được Cục Sở hữu trí tuệ tải về qua đường dẫn trực tuyến do Văn phòng quốc tế của WIPO cung cấp.

#### **- Bước 2: Thẩm định nội dung đơn**

Sau khi nhận được thông báo của Văn phòng quốc tế về đơn Madrid có chỉ định Việt Nam, Cục Sở hữu trí tuệ tiến hành thẩm định nội dung như đối với đơn đăng ký nhãn hiệu nộp theo thể thức quốc gia để đánh giá khả năng được bảo hộ của đối tượng nêu trong đơn theo các điều kiện bảo hộ, qua đó xác định phạm vi bảo hộ tương ứng.

#### **- Bước 3: Ra quyết định chấp nhận/từ chối chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký quốc tế tại Việt Nam:**

+ Nếu đối tượng nêu trong đơn đáp ứng các điều kiện bảo hộ theo quy định của pháp luật Việt Nam, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký quốc tế tại Việt Nam, ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp (Phần Nhãn hiệu đăng ký quốc tế), gửi cho Văn phòng quốc tế tuyên bố bảo hộ và công bố quyết định trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định.

+ Nếu đối tượng nêu trong đơn có một phần hoặc toàn bộ hàng hóa, dịch vụ không đáp ứng điều kiện bảo hộ hoặc nhãn hiệu đáp ứng điều kiện bảo hộ nhưng đăng ký quốc tế còn có thiếu sót (thiếu quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, thiếu ảnh chụp hoặc hình vẽ thể hiện hình phối cảnh nhãn hiệu ba chiều v.v...), Cục Sở hữu trí tuệ sẽ ra quyết định chấp nhận bảo hộ một phần hoặc quyết định từ chối chấp nhận bảo hộ và gửi cho Văn phòng quốc tế. Quyết định chấp nhận bảo hộ một phần được công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định.

### **b. Cách thức thực hiện:**

+ Nộp qua cơ quan sở hữu trí tuệ quốc gia các nước thành viên hệ thống Madrid đến Văn phòng quốc tế của WIPO.

+ Trường hợp sửa chữa thiếu sót hoặc phản đối ý kiến từ chối: nộp thông qua đại diện hợp pháp tại Việt Nam theo thể thức quốc gia, tức là nộp yêu cầu: (i) Trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ, hoặc (ii) Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:** Theo yêu cầu của Nghị định thư Madrid



**d. Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Văn phòng quốc tế ra thông báo về việc đơn có chỉ định Việt Nam

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký quốc tế tại Việt Nam.
- Quyết định từ chối chấp nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký quốc tế tại Việt Nam.

**h. Phí, lệ phí:** Theo quy định của Văn phòng quốc tế

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Theo quy định của Văn phòng quốc tế.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện sau có quyền đăng ký nhãn hiệu:
  - + Tổ chức, cá nhân có quyền đăng ký nhãn hiệu dùng cho hàng hoá do mình sản xuất hoặc dịch vụ do mình cung cấp;
  - + Tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động thương mại hợp pháp có quyền đăng ký nhãn hiệu cho sản phẩm mà mình đưa ra thị trường nhưng do người khác sản xuất với điều kiện người sản xuất không sử dụng nhãn hiệu đó cho sản phẩm và không phản đối việc đăng ký đó;
  - + Tổ chức tập thể được thành lập hợp pháp có quyền đăng ký nhãn hiệu tập thể để các thành viên của mình sử dụng theo quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể; đối với dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hoá, dịch vụ, tổ chức có quyền đăng ký là tổ chức tập thể của các tổ chức, cá nhân tiến hành sản xuất, kinh doanh tại địa phương đó; đối với địa danh, dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý, đặc sản địa phương của Việt Nam thì việc đăng ký phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;
  - + Tổ chức có chức năng kiểm soát, chứng nhận chất lượng, đặc tính, nguồn gốc hoặc tiêu chí khác liên quan đến hàng hoá, dịch vụ có quyền đăng ký nhãn hiệu chứng nhận với điều kiện không tiến hành sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đó; đối với địa danh, dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý, đặc sản địa phương của Việt Nam thì việc đăng ký phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;
  - + Hai hoặc nhiều tổ chức, cá nhân có quyền cùng đăng ký một nhãn hiệu để trở thành đồng chủ sở hữu với điều kiện (i) việc sử dụng nhãn hiệu đó phải nhân danh tất cả các đồng chủ sở hữu hoặc sử dụng cho hàng hóa, dịch vụ mà tất cả các đồng chủ sở hữu đều tham gia vào quá trình sản xuất, kinh doanh; (ii) việc sử dụng nhãn hiệu đó không gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của hàng hóa, dịch vụ.
- Người có quyền đăng ký, kể cả người đã nộp đơn đăng ký có quyền chuyển giao quyền đăng ký cho tổ chức, cá nhân khác dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản, để



thừa kế hoặc kế thừa theo quy định của pháp luật với điều kiện các tổ chức, cá nhân được chuyển giao phải đáp ứng các điều kiện đối với người có quyền đăng ký tương ứng.

- Đối với nhãn hiệu được bảo hộ tại một nước là thành viên của Điều ước quốc tế có quy định cấm người đại diện hoặc đại lý của chủ sở hữu nhãn hiệu đăng ký nhãn hiệu đó mà Việt Nam cũng là thành viên thì người đại diện hoặc đại lý đó không được phép đăng ký nhãn hiệu nếu không được sự đồng ý của chủ sở hữu nhãn hiệu, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

- Người nộp đơn phải là công dân hoặc cư trú hoặc có cơ sở kinh doanh tại một nước thành viên của Thỏa ước hoặc Nghị định thư.

#### ***1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;

- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.



## **6. Thủ tục chuyển đổi đăng ký quốc tế nhãn hiệu thành đơn nộp theo thể thức quốc gia**

### **a. Trình tự thực hiện:**

#### **- Bước 1: Tiếp nhận đơn**

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu chuyển đổi đăng ký quốc tế nhãn hiệu thành đơn nộp theo thể thức quốc gia đến Cục Sở hữu trí tuệ.

#### **- Bước 2: Thẩm định hình thức đơn**

+ Đối với trường hợp chuyển đổi từ đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu chuyển đổi thành đơn nộp theo thể thức quốc gia: Cục Sở hữu trí tuệ kiểm tra việc tuân thủ các quy định về điều kiện chuyển đổi và hình thức đối với đơn, từ đó đưa ra kết luận đơn có được coi là hợp lệ hay không và thực hiện như sau:

(i) Trường hợp đơn hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định chấp nhận đơn hợp lệ;

(ii) Trường hợp đơn không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ từ chối chấp nhận đơn.

+ Đối với trường hợp chuyển đổi từ đăng ký quốc tế đã được chấp nhận bảo hộ tại Việt Nam: Cục Sở hữu trí tuệ thẩm định việc tuân thủ các quy định về điều kiện chuyển đổi

#### **- Bước 3: Công bố đơn**

Sau khi có quyết định chấp nhận đơn hợp lệ, đơn sẽ được công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp.

#### **- Bước 4: Thẩm định nội dung đơn**

+ Đối với trường hợp chuyển đổi từ đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu: Đánh giá khả năng được bảo hộ của đối tượng nêu trong đơn theo các điều kiện bảo hộ, qua đó xác định phạm vi bảo hộ tương ứng.

+ Đối với trường hợp chuyển đổi từ đăng ký quốc tế đã được chấp nhận bảo hộ tại Việt Nam: Cục Sở hữu trí tuệ không tiến hành thẩm định lại nội dung

#### **- Bước 5: Ra quyết định cấp/từ chối cấp văn bằng bảo hộ:**

+ Nếu đối tượng nêu trong đơn không đáp ứng các điều kiện bảo hộ, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ ra quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ;

+ Nếu đối tượng nêu trong đơn đáp ứng được các yêu cầu về bảo hộ và người nộp đơn nộp phí, lệ phí đầy đủ, đúng hạn thì Cục Sở hữu trí tuệ sẽ ra quyết định cấp văn bằng bảo hộ, ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về nhãn hiệu và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp.

### **b. Cách thức thực hiện:**

- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;



- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký nhãn hiệu được chuyển đổi từ đăng ký quốc tế nhãn hiệu bị mất hiệu lực theo Điều 9<sup>quinquies</sup> của Nghị định thư Madrid theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II Nghị định 65/2023/NĐ-CP;

+ Mẫu nhãn hiệu (05 mẫu kích thước 80 x 80 mm) và danh mục hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu;

+ Giấy ủy quyền (nếu nộp đơn thông qua đại diện);

+ Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên, nếu yêu cầu hưởng quyền ưu tiên;

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:**

- Thẩm định hình thức: 01 tháng từ ngày nộp đơn;

- Công bố đơn: trong thời hạn 02 tháng từ ngày chấp nhận đơn hợp lệ;

- Thẩm định nội dung đơn: không quá 09 tháng kể từ ngày công bố đơn.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định cấp/từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

- Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo Mẫu số 13 tại Phụ lục II Nghị định 65/2023/NĐ-CP).

**h. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí nộp đơn: 150.000 đồng.

- Phí thẩm định yêu cầu hưởng quyền ưu tiên: 600.000 đồng/mỗi đơn/mỗi yêu cầu.

- Phí công bố đơn: 120.000 đồng.

- Phí thẩm định nội dung: 550.000 đồng (cho mỗi nhóm có 6 sản phẩm/dịch vụ)(từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi trong mỗi nhóm: 120.000 đồng/1 sản phẩm/dịch vụ).

- Phí tra cứu thông tin nhằm phục vụ việc thẩm định: 180.000 đồng (cho mỗi nhóm có 6 sản phẩm/dịch vụ, từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi: 30.000 đồng/1 sản phẩm/dịch vụ).



- Phí phân loại quốc tế hàng hóa/dịch vụ: 100.000 đồng (cho mỗi nhóm có 6 sản phẩm/dịch vụ, từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi: 20.000 đồng/1 sản phẩm/dịch vụ)
- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu: 120.000 đồng (cho 1 nhóm sản phẩm/dịch vụ đầu tiên, từ nhóm sản phẩm/dịch vụ thứ 2 trở đi: 100.000 đồng/1 nhóm)
- Phí đăng bạ Quyết định cấp Văn bằng bảo hộ: 120.000 đồng
- Phí công bố Quyết định cấp Văn bằng bảo hộ: 120.000 đồng.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Tờ khai đăng ký nhãn hiệu được chuyển đổi từ đăng ký quốc tế nhãn hiệu bị mất hiệu lực theo Điều 9<sup>quinquies</sup> của Nghị định thư Madrid theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II Nghị định 65/2023/NĐ-CP.

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

- Đăng ký quốc tế nhãn hiệu tại Việt Nam của chủ sở hữu nhãn hiệu là cá nhân, tổ chức thành viên của Nghị định thư Madrid bị mất hiệu lực theo Điều 6 của Nghị định thư Madrid, người đó có quyền nộp đơn chuyển đổi cho Cục Sở hữu trí tuệ để đăng ký bảo hộ chính nhãn hiệu đó đối với một phần hoặc toàn bộ hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ đã được ghi nhận trong đăng ký quốc tế nhãn hiệu nhưng bị mất hiệu lực theo quy định tại Điều 9<sup>quinquies</sup> của Nghị định thư Madrid;
- Đơn đăng ký nhãn hiệu chuyển đổi được nộp trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày ghi nhận vào Sổ đăng bạ quốc tế về việc đăng ký quốc tế tương ứng bị mất hiệu lực;
- Đăng ký quốc tế chưa từng là đối tượng của việc từ chối, chấm dứt hoặc hủy bỏ toàn bộ tại Việt Nam.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.

**Phụ lục II - Mẫu số 03  
Nghị định số 65/2023/NĐ-CP**



**TỜ KHAI**  
**ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI TỪ**  
**ĐĂNG KÝ QUỐC TẾ NHÃN HIỆU BỊ MẤT**  
**HIỆU LỰC THEO ĐIỀU 9<sup>quinques</sup> CỦA**  
**NGHỊ ĐỊNH THƯ MADRID**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
*(Dành cho cán bộ nhận đơn)*

Kính gửi<sup>1</sup>: .....  
 Người nộp đơn dưới đây đề nghị thực hiện việc đăng ký  
 nhãn hiệu quốc gia được chuyển đổi từ đăng ký quốc tế  
 nhãn hiệu (ĐKQT) đã bị mất hiệu lực theo Điều 9<sup>quinques</sup>  
 của Nghị định thư Madrid<sup>2</sup>

<b>① NHÃN HIỆU ĐƯỢC YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI</b>	
<p style="text-align: center;"><b>Mẫu nhãn hiệu</b></p> <div style="border: 1px dashed black; height: 200px; margin: 10px auto; width: 80%;"></div>	<p style="text-align: center;"><b>Thông tin về ĐKQT bị mất hiệu lực</b></p> <p>Số ĐKQT bị mất hiệu lực:</p> <p>Ngày ĐKQT:</p> <p>Ngày chỉ định sau (trong trường hợp có chỉ định sau vào Việt Nam):</p> <p>Ngày ưu tiên của ĐKQT (nếu có):</p> <p style="padding-left: 40px;">Ngày ghi nhận việc mất hiệu lực trong Sổ đăng bạ quốc tế của Văn phòng quốc tế:</p>
<b>② NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Tổ chức, cá nhân yêu cầu chuyển đổi)	
<p>Tên đầy đủ:</p> <p>Địa chỉ:</p> <p>Số căn cước công dân (nếu có):                      Điện thoại:                      Email:</p>	
<b>③ ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b>	
<p><input type="checkbox"/> Là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn</p> <p><input type="checkbox"/> Là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền của người nộp đơn</p> <p><input type="checkbox"/> Là người khác được uỷ quyền của người nộp đơn</p> <p>Tên đầy đủ:</p> <p>Địa chỉ:</p> <p>Điện thoại:                      E-mail:</p>	
<b>④ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>	

<sup>1</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

<sup>2</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.



④ LỆ PHÍ		
Loại phí, lệ phí	Số đối tượng tính phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Lệ phí nộp đơn	đơn	
<input type="checkbox"/> Phí phân loại quốc tế về nhãn hiệu	..... nhóm	
<input type="checkbox"/> Mỗi nhóm có trên 6 sản phẩm/dịch vụ (từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi)	..... sản phẩm/dịch vụ	
<input type="checkbox"/> Phí công bố đơn (trường hợp đăng ký quốc tế nhãn hiệu chưa được chấp nhận bảo hộ tại Việt Nam)	đơn	
<input type="checkbox"/> Phí tra cứu phục vụ việc thẩm định	..... nhóm	
<input type="checkbox"/> Mỗi nhóm có trên 6 sản phẩm/dịch vụ (từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi)	..... sản phẩm/dịch vụ	
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định đơn	..... nhóm	
<input type="checkbox"/> Mỗi nhóm có trên 6 sản phẩm/dịch vụ (từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi)	..... sản phẩm/dịch vụ	
<input type="checkbox"/> Nộp trực tiếp		
<input type="checkbox"/> Nộp bằng hình thức chuyển khoản hoặc qua dịch vụ bưu chính (ghi rõ thông tin giao dịch):		
<b>⑤ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b> <input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm.....trang x .....bản <input type="checkbox"/> Mẫu nhãn hiệu, gồm .... mẫu <input type="checkbox"/> Văn bản ủy quyền x 01 bản <div style="margin-left: 20px;"> <input type="checkbox"/> bản gốc  <input type="checkbox"/> bản sao ( <input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau  <input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....) </div> <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp) <input type="checkbox"/> Tài liệu khác, cụ thể:.... <input type="checkbox"/> Có... trang bổ sung, bao gồm (nêu cụ thể). <input type="checkbox"/> Bản sao ĐKQT bị mất hiệu lực		<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-top: 10px;"> <b>Cán bộ nhận đơn</b>  <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i> </div>
<b>⑥ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>		



⑥

**DANH MỤC VÀ PHÂN NHÓM HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MANG NHÃN HIỆU CHUYÊN ĐỜI***(Danh mục hàng hóa, dịch vụ phải nhỏ hơn hoặc bằng danh mục bị mất hiệu lực trong đăng ký quốc tế.**Ghi thứ tự nhóm theo Bảng phân loại quốc tế về hàng hoá, dịch vụ theo Thỏa ước Ni-xơ; sử dụng dấu ":" giữa các sản phẩm, dịch vụ trong nhóm; kết thúc mỗi nhóm ghi tổng số sản phẩm, dịch vụ trong nhóm đó)*

⑦

**CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật

*Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ...*

Chữ ký, họ tên của người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn

*(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)*



(TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN  
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU**  
Số:

**Chủ Giấy chứng nhận<sup>1</sup>:**

**Số đơn:**

**Ngày nộp đơn:**

Cấp theo Quyết định số: ....., ngày:.....

Có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn).

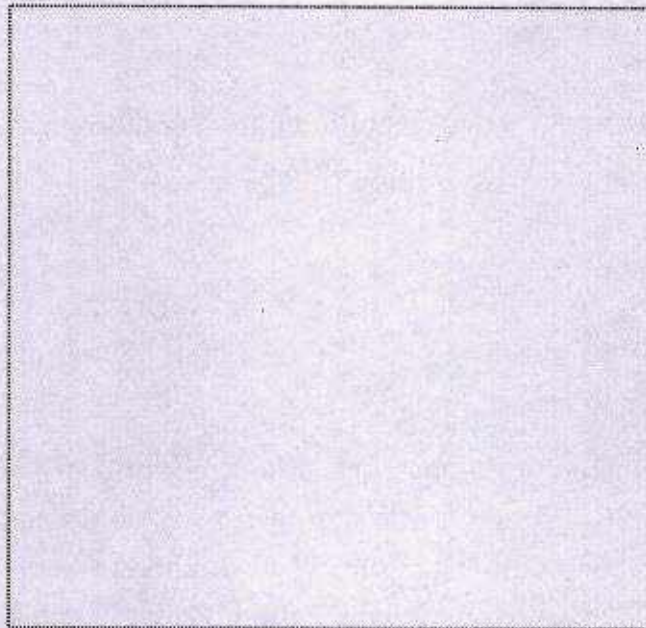
(Mã vạch)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**



## **GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU SỐ:**

**Mẫu nhãn hiệu:**



**Màu sắc nhãn hiệu:**

**Loại nhãn hiệu:**

**Nội dung khác:**

**Danh mục sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu:**

**Chủ Giấy chứng nhận khác<sup>1</sup>:**

**Gia hạn:**

**Sửa đổi:**

---

<sup>1</sup> Thông tin điền trong mục này bao gồm tên, quốc tịch (viết tắt theo tiêu chuẩn của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới) và địa chỉ của chủ Giấy chứng nhận khác theo thứ tự trong danh sách các tổ chức, cá nhân do người nộp đơn cung cấp trong Tờ khai.



## **7. Thủ tục yêu cầu ghi nhận thay đổi người nộp đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp**

### ***a. Trình tự thực hiện:***

#### **- Bước 1: Tiếp nhận đơn**

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu ghi nhận thay đổi người nộp đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

#### **- Bước 2: Xử lý đơn**

+ Trường hợp đơn không có thiếu sót, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo ghi nhận thay đổi người nộp đơn và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp nếu đơn đã được chấp nhận hợp lệ;

+ Trường hợp đơn có thiếu sót, không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ ra thông báo dự định từ chối ghi nhận thay đổi người nộp đơn, nêu rõ lý do để người yêu cầu sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Nếu người yêu cầu không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng thì Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo từ chối ghi nhận thay đổi người nộp đơn.

### ***b. Cách thức thực hiện:***

- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

### ***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

#### **- Thành phần hồ sơ, bao gồm:**

+ Tờ khai yêu cầu ghi nhận chuyển nhượng đơn đăng ký sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II Nghị định 65/2023/NĐ-CP (đối với trường hợp thay đổi người nộp đơn do chuyển nhượng đơn) hoặc Tờ khai sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký sở hữu công nghiệp theo Mẫu 04 tại Phụ lục II Nghị định 65/2023/NĐ-CP (đối với trường hợp thay đổi người nộp đơn trên cơ sở thừa kế, kế thừa tài sản khi hợp nhất, sáp nhập, chia, tách pháp nhân, liên doanh, liên kết, thành lập pháp nhân mới của cùng chủ sở hữu, chuyển đổi hình thức kinh doanh hoặc theo quyết định của Tòa án hoặc của cơ quan có thẩm quyền khác);

+ Tài liệu chuyển nhượng đơn đăng ký sở hữu công nghiệp;

+ Tài liệu chứng minh người được thừa kế, kế thừa quyền đăng ký.

+ Giấy uỷ quyền (nếu nộp hồ sơ thông qua đại diện);



+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo ghi nhận thay đổi người nộp đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp/Thông báo từ chối ghi nhận thay đổi người nộp đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp.

**h. Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định yêu cầu chuyển nhượng đơn: 160.000 đồng

- Phí công bố chuyển nhượng đơn: 120.000 đồng

- Phí sửa đổi, bổ sung đơn: 160.000 đồng

- Phí công bố sửa đổi, bổ sung đơn: 120.000 đồng

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Tờ khai yêu cầu ghi nhận chuyển nhượng đơn đăng ký sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II Nghị định 65/2023/NĐ-CP (đối với trường hợp thay đổi người nộp đơn do chuyển nhượng đơn);

+ Tờ khai sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký sở hữu công nghiệp theo Mẫu 04 tại Phụ lục II Nghị định 65/2023/NĐ-CP (đối với trường hợp thay đổi người nộp đơn trên cơ sở thừa kế, kế thừa tài sản khi hợp nhất, sáp nhập, chia, tách pháp nhân, liên doanh, liên kết, thành lập pháp nhân mới của cùng chủ sở hữu, chuyển đổi hình thức kinh doanh hoặc theo quyết định của Tòa án hoặc của cơ quan có thẩm quyền khác).

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người nhận chuyển nhượng phải đáp ứng các yêu cầu về quyền đăng ký.

- Yêu cầu ghi nhận thay đổi người nộp đơn phải được thực hiện trước khi Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối chấp nhận đơn, quyết định cấp hoặc từ chối cấp văn bằng bảo hộ.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;



- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.



**TỜ KHAI**  
**YÊU CẦU GHI NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG ĐƠN**  
**ĐĂNG KÝ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>2</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu ghi nhận việc chuyển nhượng đơn đăng ký sở hữu công nghiệp<sup>3</sup>

<b>① NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Tổ chức, cá nhân yêu cầu ghi nhận việc chuyển nhượng đơn)		
Tên đầy đủ:		
Địa chỉ:		
Số căn cước công dân (nếu có):	Điện thoại:	Email:
<input type="checkbox"/> là bên chuyển nhượng		
<input type="checkbox"/> là bên nhận chuyển nhượng		
<b>② ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b>		
<input type="checkbox"/> là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn		Mã số đại diện:
<input type="checkbox"/> là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền của người nộp đơn		
<input type="checkbox"/> là người khác được uỷ quyền của người nộp đơn		
Tên đầy đủ:		
Địa chỉ:		
Điện thoại:	E-mail:	
<b>③ BÊN THỨ HAI TRONG HỢP ĐỒNG (KHÔNG ĐÚNG TÊN NGƯỜI NỘP ĐƠN)</b>		
Tên đầy đủ:		
Địa chỉ:		
Điện thoại:	E-mail:	
<b>④ ĐƠN ĐƯỢC CHUYỂN NHƯỢNG</b>		
<input type="checkbox"/> Đơn đăng ký sáng chế	Số đơn:	
<input type="checkbox"/> Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp		
<input type="checkbox"/> Đơn đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn		
<input type="checkbox"/> Đơn đăng ký nhãn hiệu		
<b>⑤ PHÍ, LỆ PHÍ</b>		
<b>Loại phí, lệ phí</b>	<b>Số đối tượng tính phí</b>	<b>Số tiền</b>
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu chuyển nhượng đơn	..... đơn	
<input type="checkbox"/> Phí công bố thông tin chuyển nhượng đơn	..... đơn	
<b>Tổng số phí, lệ phí nộp theo đơn là:</b>		
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):		
<b>⑦ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>		

<sup>2</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp

<sup>3</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.



<b>⑥ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b>	
<div> <input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm .....trang         </div> <div> <input type="checkbox"/> Văn bản chuyển nhượng đơn, bằng tiếng.....         </div> <div> <input type="checkbox"/> Văn bản đồng ý của những người nộp đơn khác (trường hợp nhiều người cùng có quyền nộp đơn)         </div> <div> <input type="checkbox"/> Bản dịch tiếng Việt, gồm .....trang         </div> <div> <input type="checkbox"/> Văn bản uỷ quyền bằng tiếng.....         </div> <div> <input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt, gồm.....trang         </div> <div> <input type="checkbox"/> bản gốc         </div> <div> <input type="checkbox"/> bản sao ( <input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau           <div> <input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....           </div> </div> <div> <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp)         </div> <div> <input type="checkbox"/> Tài liệu khác, cụ thể:         </div>	<div>           (Dành cho cán bộ nhận đơn)         </div> <div> <input type="checkbox"/> </div> <div> <input type="checkbox"/> </div> <div> <input type="checkbox"/> </div> <div> <input type="checkbox"/> </div> <div> <input type="checkbox"/> </div> <div> <input type="checkbox"/> </div> <div> <input type="checkbox"/> </div> <div> <input type="checkbox"/> </div> <div> <input type="checkbox"/> </div> <div> <input type="checkbox"/> </div>	<div>           Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)         </div>
<div> <b>⑦ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> </div> <div>           Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.         </div> <div> <div>           Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ...         </div> <div>           Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn (Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)         </div> </div>		



**TỜ KHAI  
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐƠN ĐĂNG KÝ  
SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký sở hữu công nghiệp<sup>2</sup>

<b>① NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Tổ chức, cá nhân yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký sở hữu công nghiệp)	
Tên đầy đủ: Địa chỉ: Số căn cước công dân (nếu có):                      Điện thoại:                      Email:	
<b>② ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> <input type="checkbox"/> là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn <input type="checkbox"/> là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền của người nộp đơn <input type="checkbox"/> là người khác được uỷ quyền của người nộp đơn <div style="border: 1px solid black; width: 150px; float: right; padding: 2px;">Mã số đại diện:</div> Tên đầy đủ: Địa chỉ: Điện thoại:                      E-mail:	
<b>③ ĐƠN YÊU CẦU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG</b> <input type="checkbox"/> Đơn đăng ký sáng chế <input type="checkbox"/> Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp <input type="checkbox"/> Đơn đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn <input type="checkbox"/> Đơn đăng ký nhãn hiệu <input type="checkbox"/> Đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý	Số đơn:
<b>④ NỘI DUNG YÊU CẦU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG</b> <input type="checkbox"/> Tên người nộp đơn <input type="checkbox"/> Địa chỉ của người nộp đơn <input type="checkbox"/> Nội dung khác:	<b>Đề nghị sửa đổi, bổ sung lại thành:</b> (Có thể dùng trang bổ sung, nếu cần)
<b>⑦ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>	

<sup>1</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp

<sup>2</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.



<b>⑤ PHÍ, LỆ PHÍ</b>		
Loại phí, lệ phí	Số đối tượng tính phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu sửa đổi đơn	... nội dung sửa đổi (của mỗi đơn)	
<input type="checkbox"/> Phí công bố thông tin sửa đổi	đơn	
<input type="checkbox"/> Đơn có trên 1 hình (từ hình thứ 2 trở đi)	..... hình	
<input type="checkbox"/> Bản mô tả sáng chế có trên 6 trang (từ trang thứ 7 trở đi)	..... trang	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>		
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):		
<b>⑥ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>  <input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm.....trang <input type="checkbox"/> Tài liệu xác nhận việc sửa đổi hợp pháp, bằng tiếng..... <input type="checkbox"/> Bản dịch tiếng Việt, gồm .....trang <input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh sự thay đổi người nộp đơn do thừa kế, kế thừa <input type="checkbox"/> Văn bản ủy quyền bằng tiếng..... <input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt, gồm .....trang <input type="checkbox"/> bản gốc <input type="checkbox"/> bản sao ( <input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau <input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:..... ) <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp) <input type="checkbox"/> Tài liệu khác, cụ thể:	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i>  <div style="display: flex; align-items: center;"> <div style="flex: 1;"> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 10px; flex: 1; text-align: center;"> <b>Cán bộ nhận đơn</b>  <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i> </div> </div>	
<b>⑦ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. <div style="text-align: center;">           Khai tại:.....ngày..... tháng.....năm.....            Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn  <i>(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</i> </div>		



## **8. Thủ tục sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký sở hữu công nghiệp**

### ***a. Trình tự thực hiện:***

#### **- Bước 1: Tiếp nhận đơn**

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

#### **- Bước 2: Xử lý đơn**

+ Trường hợp đơn không có thiếu sót, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo ghi nhận sửa đổi đơn và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp nếu đơn đã được chấp nhận hợp lệ;

+ Trường hợp đơn có thiếu sót, không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ ra thông báo dự định từ chối chấp nhận sửa đổi, bổ sung đơn, nêu rõ lý do để người yêu cầu sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Nếu người yêu cầu không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng thì Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo từ chối chấp nhận yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn.

### ***b. Cách thức thực hiện:***

- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

### ***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

#### **- Thành phần hồ sơ, bao gồm:**

+ Tờ khai sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II Nghị định 65/2023/NĐ-CP;

+ Tài liệu yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn:

#### **(i) Đối với yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung đơn:**

Một phần hoặc toàn bộ bản mô tả, bản tóm tắt sáng chế (đối với đơn đăng ký sáng chế); 04 bộ ảnh chụp hoặc bộ bản vẽ, bản mô tả mạch tích hợp sản xuất theo thiết kế bố trí (đối với đơn đăng ký thiết kế bố trí); 04 bộ bản vẽ hoặc 04 bộ ảnh chụp, bản mô tả (đối với đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp); 05 mẫu nhãn hiệu, danh mục hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu (đối với đơn đăng ký nhãn hiệu); Bản mô tả tính chất đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, bản đồ khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý (đối với đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý).

Đối với yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký sáng chế, đơn đăng ký thiết kế bố trí và đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp phải nộp kèm theo bản thuyết minh chi tiết nội dung sửa đổi, bổ sung so với tài liệu ban đầu đã nộp.



(ii) Đối với trường hợp sửa đổi tên, địa chỉ, mã nước của người nộp đơn, tên, quốc tịch của tác giả, người nộp đơn phải nộp tài liệu xác nhận (bản gốc hoặc bản sao có chứng thực) hoặc tài liệu pháp lý (bản sao có chứng thực) chứng minh việc thay đổi (quyết định đổi tên, địa chỉ; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ghi nhận việc thay đổi tên, địa chỉ v.v...).

(iii) Đối với trường hợp sửa đổi đại diện sở hữu công nghiệp, người nộp đơn phải nộp tuyên bố thay đổi đại diện sở hữu công nghiệp.

+ Giấy uỷ quyền (nếu nộp hồ sơ thông qua đại diện);

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp sửa đổi, bổ sung đơn trước khi đơn được chấp nhận hợp lệ: 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ;

- Trường hợp sửa đổi, bổ sung liên quan đến bản chất của đối tượng nêu trong đơn hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung đơn sau khi có thông báo dự định từ chối hoặc cấp văn bằng bảo hộ hoặc thay đổi người nộp đơn: thời hạn xử lý đơn sẽ được kéo dài thêm 06 tháng đối với đơn đăng ký sáng chế, 02 tháng và 10 ngày đối với đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, 03 tháng đối với đơn đăng ký nhãn hiệu và 02 tháng đối với đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý.

**d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo chấp nhận sửa đổi, bổ sung/Thông báo từ chối chấp nhận sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký sở hữu công nghiệp.

**h. Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định yêu cầu sửa đổi đơn: 160.000 đồng

- Phí công bố thông tin sửa đổi: 120.000 đồng (từ hình thứ 2 trở đi: 60.000 đồng/hình)

- Phí công bố bản mô tả từ trang thứ 7 trở đi: 10.000 đồng/trang.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II Nghị định 65/2023/NĐ-CP.

- Trường hợp sửa đổi, bổ sung đơn do người nộp đơn chủ động thực hiện sau khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp chấp nhận đơn hợp lệ, kể cả thay đổi về đại diện hợp pháp tại Việt Nam, đơn yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải được làm theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II của Nghị định này;



- Trường hợp sửa đổi, bổ sung đơn trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp chấp nhận hoặc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ hoặc sửa đổi, bổ sung đơn trên cơ sở thông báo của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp liên quan đến đơn đó, yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải được thể hiện bằng văn bản trong đó nêu rõ nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung;

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

- Việc sửa đổi, bổ sung đơn không được mở rộng phạm vi (khối lượng) bảo hộ đã bộc lộ trong bản mô tả đối với đơn sáng chế, bộ ảnh chụp, bản vẽ và bản mô tả kiểu dáng công nghiệp được thể hiện trong bộ ảnh chụp, bản vẽ đối với kiểu dáng công nghiệp, trong mẫu nhãn hiệu và danh mục hàng hóa, dịch vụ đối với đơn đăng ký nhãn hiệu và không được làm thay đổi bản chất của đối tượng nêu trong đơn.

- Nếu việc sửa đổi làm mở rộng phạm vi (khối lượng) bảo hộ hoặc làm thay đổi bản chất đối tượng thì người nộp đơn phải nộp đơn mới và mọi thủ tục được tiến hành lại từ đầu.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;

- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.



**TỜ KHAI  
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐƠN ĐĂNG KÝ  
SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn  
đăng ký sở hữu công nghiệp<sup>2</sup>

<b>① NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Tổ chức, cá nhân yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký sở hữu công nghiệp)	
Tên đầy đủ:	
Địa chỉ:	
Số căn cước công dân (nếu có):	Điện thoại: Email:
<b>② ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b>	
<input type="checkbox"/> là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn	
<input type="checkbox"/> là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền của người nộp đơn	Mã số đại diện:
<input type="checkbox"/> là người khác được uỷ quyền của người nộp đơn	
Tên đầy đủ:	
Địa chỉ:	
Điện thoại:	E-mail:
<b>③ ĐƠN YÊU CẦU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG</b>	Số đơn:
<input type="checkbox"/> Đơn đăng ký sáng chế	
<input type="checkbox"/> Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Đơn đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn	
<input type="checkbox"/> Đơn đăng ký nhãn hiệu	
<input type="checkbox"/> Đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý	
<b>④ NỘI DUNG YÊU CẦU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG</b>	<b>Đề nghị sửa đổi, bổ sung lại thành:</b> (Có thể dùng trang bổ sung, nếu cần)
<input type="checkbox"/> Tên người nộp đơn	
<input type="checkbox"/> Địa chỉ của người nộp đơn	
<input type="checkbox"/> Nội dung khác:	
<b>⑦ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>	

<sup>1</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp

<sup>2</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.







## **9. Thủ tục tách đơn đăng ký sở hữu công nghiệp**

### **a. Trình tự thực hiện:**

#### **- Bước 1: Tiếp nhận đơn**

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu tách đơn đăng ký sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

#### **- Bước 2: Xử lý đơn**

+ Đơn tách được mang số đơn mới và được lấy ngày nộp đơn của đơn ban đầu hoặc (các) ngày ưu tiên của đơn ban đầu.

+ Trường hợp đơn không có thiếu sót, đơn tách được Cục Sở hữu trí tuệ thẩm định về hình thức và tiếp tục được xử lý theo các thủ tục chưa hoàn tất đối với đơn ban đầu. Đơn tách được công bố lại nếu việc tách đơn được thực hiện sau khi đã có thông báo chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn ban đầu. Đơn ban đầu (sau khi bị tách) tiếp tục được xử lý theo thủ tục xử lý đơn hoặc theo thủ tục sửa đổi đơn.

+ Trường hợp đơn có thiếu sót, không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ ra thông báo dự định từ chối chấp nhận tách đơn, nêu rõ lý do để người yêu cầu sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Nếu người yêu cầu không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng thì Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo từ chối chấp nhận yêu cầu tách đơn.

### **b. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu theo Mẫu số 01, 07, 08 Phụ lục I Nghị định 65/2023/NĐ-CP;

+ Bản thuyết minh về đối tượng yêu cầu bảo hộ và nội dung thay đổi so với đơn ban đầu khi nộp đơn tách;

+ Giấy uỷ quyền (nếu nộp hồ sơ thông qua đại diện);

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

### **d. Thời hạn giải quyết:** theo thời hạn xử lý đơn ban đầu



**d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo ghi nhận sửa đổi/Thông báo từ chối ghi nhận tách đơn đăng ký sở hữu công nghiệp.

**h. Phí, lệ phí:**

Người nộp đơn phải nộp lệ phí nộp đơn, phí công bố và phí thẩm định như thông thường cho mỗi đơn mới.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Tờ khai đăng ký sáng chế theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I Nghị định 65/2023/NĐ-CP;
- Tờ khai đăng ký kiểu dáng công nghiệp theo Mẫu số 07 tại Phụ lục I Nghị định 65/2023/NĐ-CP;
- Tờ khai đăng ký nhãn hiệu theo Mẫu số 08 tại Phụ lục I Nghị định 65/2023/NĐ-CP.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Trước khi Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối chấp nhận đơn, quyết định cấp hoặc từ chối cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có thể tách đơn (tách một hoặc một số giải pháp kỹ thuật trong đơn sáng chế, một hoặc một số kiểu dáng công nghiệp trong đơn kiểu dáng công nghiệp, một phần danh mục hàng hóa, dịch vụ trong đơn đăng ký nhãn hiệu sang một hoặc nhiều đơn mới).

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.



**TỜ KHAI  
ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>18</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu xem xét đơn và cấp<sup>19</sup>:

☐ Bằng độc quyền sáng chế (☐ Bản giấy)

☐ Bằng độc quyền giải pháp hữu ích (☐ Bản giấy)

<b>① NGUỒN GỐC ĐƠN</b>	
<input type="checkbox"/> Đơn này được nộp trên cơ sở đơn PCT số: ..... Ngày nộp đơn quốc tế: ..... Công bố quốc tế số: ..... ngày: ..... <input type="checkbox"/> Có sửa đổi, bổ sung tại thời điểm vào giai đoạn quốc gia (thuyết minh nội dung sửa đổi khai tại trang bổ sung)	
<input type="checkbox"/> Đơn tách: Đơn này được tách ra từ đơn số: ..... Ngày nộp đơn: .....	
<input type="checkbox"/> Đơn chuyển đổi: Đơn này được chuyển đổi từ đơn số: ..... Ngày nộp đơn: .....	
<input type="checkbox"/> Sáng chế là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước Tên cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ: ..... Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ: ..... Mã số nhiệm vụ khoa học và công nghệ: .....	
<b>② TÊN SÁNG CHẾ</b> .....	<b>PHÂN LOẠI SÁNG CHẾ QUỐC TẾ (IPC)<sup>20</sup></b> (Chỉ tiết đến chỉ số hạng thứ ba)
<b>③ NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích)	
Tên đầy đủ: ..... Địa chỉ: ..... Số căn cước công dân (nếu có): ..... Điện thoại: ..... Email: ..... <input type="checkbox"/> Người nộp đơn đồng thời là tác giả sáng chế <input type="checkbox"/> Ngoài người nộp đơn khai tại mục này còn có những người nộp đơn khác khai tại trang bổ sung	
<b>④ ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b>	
<input type="checkbox"/> là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn <input type="checkbox"/> là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền của người nộp đơn <input type="checkbox"/> là người khác được uỷ quyền của người nộp đơn Tên đầy đủ: ..... Địa chỉ: ..... Điện thoại: ..... Email: ..... <div style="border: 1px solid black; width: 150px; float: right; padding: 2px;">Mã số đại diện:</div>	
<b>⑤ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>	

<sup>18</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

<sup>19</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

<sup>20</sup> Nếu người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn không tự phân loại hoặc phân loại không chính xác thì cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp sẽ thực hiện việc này và người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn phải nộp phí phân loại theo quy định.



<b>⑤ TÁC GIẢ</b>			
Tên đầy đủ		Quốc tịch:	
Địa chỉ:			
Điện thoại:		Email:	
<input type="checkbox"/> Ngoài tác giả khai tại mục này còn có những tác giả khác khai tại trang bổ sung			
<b>⑥ YÊU CẦU HƯỚNG QUYỀN ƯU TIÊN</b>		<b>CHỈ DẪN VỀ ĐƠN (CÁC ĐƠN) LÀ CĂN CỨ ĐỂ XÁC ĐỊNH NGÀY ƯU TIÊN</b>	
<input type="checkbox"/> Theo đơn (các đơn) đầu tiên nộp tại Việt Nam <input type="checkbox"/> Theo đơn (các đơn) nộp theo Công ước Paris <input type="checkbox"/> Theo thỏa thuận khác:	Số đơn	Ngày nộp đơn	Nước nộp đơn
<b>⑦ YÊU CẦU THẨM ĐỊNH NỘI DUNG</b>			
<input type="checkbox"/> Yêu cầu thẩm định nội dung			
<b>⑧ PHÍ, LỆ PHÍ</b>			
<b>Loại phí, lệ phí</b>	<b>Số đối tượng tính phí</b>		<b>Số tiền</b>
<input type="checkbox"/> Lệ phí nộp đơn (áp dụng cho cả đơn tách, đơn chuyển đổi)	đơn		
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hình thức	..... điểm yêu cầu bảo hộ độc lập		
<input type="checkbox"/> Bản mô tả có trên 6 trang (từ trang thứ 7 trở đi)	..... trang		
<input type="checkbox"/> Phí phân loại quốc tế về sáng chế	..... phân nhóm		
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu hướng quyền ưu tiên	..... yêu cầu/đơn ưu tiên		
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu sửa đổi đơn (đối với đơn quốc tế có sửa đổi, bổ sung khi vào giai đoạn quốc gia)	..... nội dung sửa đổi		
<input type="checkbox"/> Phí công bố đơn	đơn		
<input type="checkbox"/> Yêu cầu công bố trên 1 hình vẽ đặc trưng (từ hình thứ 2 trở đi)	..... hình		
<input type="checkbox"/> Yêu cầu công bố bản mô tả có trên 6 trang (từ trang thứ 7 trở đi)	..... trang		
<input type="checkbox"/> Phí tra cứu thông tin phục vụ việc thẩm định nội dung	..... điểm yêu cầu bảo hộ độc lập		
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định nội dung	..... điểm yêu cầu bảo hộ độc lập		
<input type="checkbox"/> Bản mô tả có trên 6 trang (từ trang thứ 7 trở đi)	..... trang		
<b>Tổng số phí, lệ phí nộp theo đơn là:</b>			
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):			
<b>⑨ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>			



<b>⑨ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i>
<b>Tài liệu tối thiểu:</b>	
<input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm ..... trang	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bản mô tả, bằng tiếng ....., gồm ..... trang	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp)	<input type="checkbox"/>
<b>Tài liệu khác:</b>	
<input type="checkbox"/> Bản tóm tắt, bằng tiếng ....., gồm ..... trang	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bản dịch tiếng Việt, gồm ..... trang	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Văn bản ủy quyền bằng tiếng .....	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt, gồm ..... trang	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> bản gốc	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> bản sao ( <input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau <input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....)	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bản sao đơn đầu tiên, gồm ..... bản	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Giấy chuyển nhượng quyền ưu tiên (nếu thụ hưởng từ người khác)	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Tài liệu xác nhận quyền đăng ký (nếu thụ hưởng từ người khác)	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Có tài liệu bổ trợ khai tại trang bổ sung	<input type="checkbox"/>
<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; display: inline-block;"> Cán bộ nhận đơn  <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i> </div>	
<b>⑩ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b>	
Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.	
Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ... Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn <i>(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</i>	

Còn ... trang bổ sung Trang bổ sung số:

<b>NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG</b>	<b>Thuyết minh sửa đổi, bổ sung:</b> <b>(Có thể dùng trang bổ sung, nếu cần)</b>
<input type="checkbox"/> Tên người nộp đơn <input type="checkbox"/> Địa chỉ của người nộp đơn	<b>44</b>







**TỜ KHAI**  
**ĐĂNG KÝ KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu xem xét đơn và cấp  
Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp<sup>2</sup> ( ☐ Bản giấy)

☐ Đơn tách: Đơn này được tách ra từ đơn số:

Ngày nộp đơn:

☐ Kiểu dáng công nghiệp là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

Tên cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

Mã số nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

**① TÊN KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP**

**PHÂN LOẠI QUỐC TẾ KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP<sup>3</sup>**

**LĨNH VỰC SỬ DỤNG KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP**

**② NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp)

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Số căn cước công dân (nếu có):

Điện thoại:

Email:

☐ Người nộp đơn đồng thời là tác giả kiểu dáng công nghiệp

☐ Ngoài người nộp đơn khai tại mục này còn có những người nộp đơn khác khai tại trang bổ sung

**③ ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**

☐ là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn

☐ là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền của người nộp đơn

☐ là người khác được uỷ quyền của người nộp đơn

Mã số đại diện:

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

**④ TÁC GIẢ**

Tên đầy đủ:

Quốc tịch:

Địa chỉ:

Số căn cước công dân (nếu có):

Điện thoại:

Email:

☐ Ngoài tác giả khai tại mục này còn có những tác giả khác khai tại trang bổ sung

**⑤ YÊU CẦU HƯỞNG QUYỀN ƯU TIÊN**

**CHỈ DẪN VỀ ĐƠN (CÁC ĐƠN) LÀ CĂN CỨ ĐỂ  
XÁC ĐỊNH NGÀY ƯU TIÊN**

☐ Theo đơn (các đơn) đầu tiên nộp tại Việt Nam

☐ Theo đơn (các đơn) nộp theo Công ước Paris

☐ Theo thoả thuận khác:

Số đơn

Ngày nộp đơn

Nước nộp đơn

**⑥ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN**

☐ **YÊU CẦU CÔNG BỐ MUỘN<sup>4</sup>**

Thời điểm công bố muộn: tháng thứ..... (kể từ ngày nộp đơn)

**⑥**

**PHÍ, LỆ PHÍ**

**Loại phí, lệ phí**

**Số đối tượng tính phí**

**Số tiền**

☐ Lệ phí nộp đơn

đơn

<sup>1</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

<sup>2</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

<sup>3</sup> Nếu người nộp đơn không tự phân loại hoặc phân loại không chính xác thì cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp sẽ thực hiện việc này và người nộp đơn phải nộp phí phân loại theo quy định.

<sup>4</sup> Đơn có thể được công bố vào thời điểm muộn hơn nhưng không quá 7 tháng kể từ ngày nộp đơn.



<input type="checkbox"/> Phí phân loại quốc tế về kiểu dáng công nghiệp	..... phân nhóm	
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu hưởng quyền ưu tiên	..... yêu cầu/đơn ưu tiên	
<input type="checkbox"/> Phí tra cứu thông tin phục vụ việc thẩm định đơn	..... phương án (của mỗi sản phẩm)	
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định đơn	..... phương án (của mỗi sản phẩm)	
<input type="checkbox"/> Phí công bố đơn	đơn	
<input type="checkbox"/> Đơn có trên 1 hình (từ hình thứ 2 trở đi)	..... hình	
<b>Tổng số phí, lệ phí nộp theo đơn là:</b>		
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):		
<b>⑦ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b> <b>Tài liệu tối thiểu:</b> <input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm.....trang <input type="checkbox"/> Bản mô tả bằng tiếng....., gồm.....trang <input type="checkbox"/> Bộ ảnh chụp/bản vẽ, gồm.....ảnh x.....bộ <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp) <b>Tài liệu khác:</b> <input type="checkbox"/> Văn bản ủy quyền bằng tiếng..... <input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt, gồm.....trang <input type="checkbox"/> bản gốc <input type="checkbox"/> bản sao ( <input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau <input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....) <input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên: <input type="checkbox"/> Bản sao đơn đầu tiên, gồm.....bản <input type="checkbox"/> Giấy chuyển nhượng quyền ưu tiên (nếu thụ hưởng từ người khác) <input type="checkbox"/> Tài liệu xác nhận quyền đăng ký (nếu thụ hưởng từ người khác) <input type="checkbox"/> Có tài liệu bổ trợ khai tại trang bổ sung		<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> (Dành cho cán bộ nhận đơn)  <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>  <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content;">         Cán bộ nhận đơn          (ký và ghi rõ họ tên)       </div>
<b>⑧ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.  <div style="text-align: right;">         Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ...          Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn          (ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)       </div>		

Còn...trang bổ sung

Trang bổ sung số:

<b>② NGƯỜI NỘP ĐƠN KHÁC</b> (Ngoài người nộp đơn thứ nhất đã khai tại trang đầu tiên)		
Tên đầy đủ:		
Địa chỉ:		
Số căn cước công dân (nếu có):	Điện thoại:	Email:
<input type="checkbox"/> Người nộp đơn này đồng thời là tác giả kiểu dáng công nghiệp <input type="checkbox"/> Có yêu cầu cấp Phô bản bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp		



Tên đầy đủ:		
Địa chỉ:		
Số căn cước công dân (nếu có):	Điện thoại:	Email:
<input type="checkbox"/> Người nộp đơn này đồng thời là tác giả kiểu dáng công nghiệp <input type="checkbox"/> Có yêu cầu cấp Phó bản bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp		
<b>④ TÁC GIẢ KHÁC</b> (Ngoài tác giả thứ nhất đã khai tại trang đầu tiên)		
Tên đầy đủ:		Quốc tịch:
Địa chỉ:		
Số căn cước công dân (nếu có):	Điện thoại:	Email:
Tên đầy đủ:		Quốc tịch:
Địa chỉ:		
Số căn cước công dân (nếu có):	Điện thoại:	Email:
<b>⑦ CÁC TÀI LIỆU KHÁC</b> (Khai chi tiết từng loại tài liệu: tên, số trang...)		
<b>⑨ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>		

*Còn ... trang bổ sung*



**TỜ KHAI  
ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>5</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu xem xét đơn và cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu<sup>6</sup> (☐ Bản giấy)

☐ Đơn tách: Đơn này được tách ra từ đơn số:

Ngày nộp đơn:

①

**NHÃN HIỆU**

Mẫu nhãn hiệu

Loại nhãn hiệu yêu cầu đăng ký<sup>7</sup>:

- ☐ Nhãn hiệu tập thể  
☐ Nhãn hiệu chứng nhận  
☐ Nhãn hiệu âm thanh  
☐ Nhãn hiệu ba chiều

Mô tả nhãn hiệu:

Màu sắc:

Mô tả:

②

**NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu)

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Số căn cước công dân (nếu có):

Điện thoại:

Email:

☐ Ngoài người nộp đơn khai tại mục này còn có những người nộp đơn khác khai tại trang bổ sung

③

**ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**

- ☐ là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn  
☐ là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền của người nộp đơn  
☐ là người khác được uỷ quyền của người nộp đơn

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Mã số đại diện:

Điện thoại:

Email:

④ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN

④ YÊU CẦU HƯỞNG QUYỀN ƯU TIÊN

CHỈ DẪN VỀ ĐƠN (CÁC ĐƠN) LÀ CĂN CỨ ĐỂ XÁC ĐỊNH NGÀY ƯU TIÊN

<sup>5</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

<sup>6</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

<sup>7</sup> Nếu nhãn hiệu đăng ký không thuộc các trường hợp này thì người nộp đơn không cần đánh dấu.



<input type="checkbox"/> Theo đơn (các đơn) đầu tiên nộp tại Việt Nam <input type="checkbox"/> Theo đơn (các đơn) nộp theo Công ước Paris <input type="checkbox"/> Theo thoả thuận khác:	Số đơn	Ngày nộp đơn	Nước nộp đơn
--	--------	--------------	--------------

<b>⑤ PHÍ, LỆ PHÍ</b>		
Loại phí, lệ phí	Số đối tượng tính phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Lệ phí nộp đơn	đơn	
<input type="checkbox"/> Phí phân loại quốc tế về nhãn hiệu	..... nhóm	
<input type="checkbox"/> Mỗi nhóm có trên 6 sản phẩm/dịch vụ (từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi )	..... sản phẩm/dịch vụ	
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu hưởng quyền ưu tiên	..... yêu cầu/đơn ưu tiên	
<input type="checkbox"/> Phí công bố đơn	đơn	
<input type="checkbox"/> Phí tra cứu phục vụ việc thẩm định đơn	..... nhóm	
<input type="checkbox"/> Mỗi nhóm có trên 6 sản phẩm/dịch vụ (từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi )	..... sản phẩm/dịch vụ	
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định đơn	.....nhóm	
<input type="checkbox"/> Mỗi nhóm có trên 6 sản phẩm/dịch vụ (từ sản phẩm/dịch vụ thứ 7 trở đi )	..... sản phẩm/dịch vụ	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>		
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):		
<b>⑥ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>		



<b>⑥ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i>
<b>Tài liệu tối thiểu:</b>	
<input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm...trang (có danh mục sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu)	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Mẫu nhãn hiệu, gồm.....mẫu	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp)	<input type="checkbox"/>
<b>Tài liệu khác:</b>	
<input type="checkbox"/> Văn bản uỷ quyền bằng tiếng .....	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> bản gốc	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> bản sao ( <input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....)	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt, gồm ..... trang	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Tài liệu xác nhận được phép sử dụng các dấu hiệu đặc biệt (biểu tượng, cờ, huy hiệu, con dấu...), gồm.....trang	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Tài liệu xác nhận quyền đăng ký nhãn hiệu	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Tài liệu xác nhận thụ hưởng quyền đăng ký từ người khác	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể/chứng nhận, gồm.....trang	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bản sao đơn đầu tiên, gồm.....bản	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bản dịch tiếng Việt, gồm.....bản	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Giấy chuyển nhượng quyền ưu tiên	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bản đồ khu vực địa lý	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho phép sử dụng địa danh hoặc dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý của đặc sản địa phương	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Có tài liệu bổ trợ khai tại trang bổ sung	<input type="checkbox"/>
<b>⑦ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>	

Cán bộ nhận đơn  
(ký và ghi rõ họ tên)



⑦

**DANH MỤC VÀ PHÂN LOẠI HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MANG NHÃN HIỆU<sup>4</sup>**

(Ghi tuần tự từng nhóm theo Bảng phân loại quốc tế về hàng hoá, dịch vụ theo Thỏa ước Ni-xơ; sử dụng dấu “;” giữa các sản phẩm, dịch vụ trong nhóm; kết thúc mỗi nhóm ghi tổng số sản phẩm/dịch vụ trong nhóm đó)

⑧

**MÔ TẢ TÓM TẮT ĐẶC TÍNH CỦA HÀNG HÓA/DỊCH VỤ ĐƯỢC CHỨNG NHẬN**  
(đối với nhãn hiệu chứng nhận)☐ Nguồn gốc địa lý:☐ Chất lượng:☐ Đặc tính khác:

⑨

**CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN**

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại: .....ngày..... tháng..... năm.....

Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp

đơn

(ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)

Còn.....trang bổ sung

<sup>4</sup> Nếu người nộp đơn không tự phân loại hoặc phân loại không chính xác thì cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp sẽ thực hiện việc này và người nộp đơn phải nộp phí phân loại theo quy định.



*Trang bổ sung*

②

**NGƯỜI NỘP ĐƠN KHÁC**

(Ngoài người nộp đơn thứ nhất đã khai tại trang đầu tiên)

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Số căn cước công dân (nếu có):

Điện thoại:

Email:

☐ Có yêu cầu cấp phó bản Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Số căn cước công dân (nếu có):

Điện thoại:

Email:

☐ Có yêu cầu cấp phó bản Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Số căn cước công dân (nếu có):

Điện thoại:

Email:

☐ Có yêu cầu cấp phó bản Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Số căn cước công dân (nếu có):

Điện thoại:

Email:

☐ Có yêu cầu cấp phó bản Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu

⑥

**CÁC TÀI LIỆU KHÁC**

(Khai chi tiết từng loại tài liệu: tên, số trang ....)

⑨ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN

Còn ..... trang bổ sung **10. Thủ tục rút đơn đăng ký sở hữu công nghiệp**



**a. Trình tự thực hiện:**

**- Bước 1: Tiếp nhận yêu cầu**

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu rút đơn đăng ký sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

**- Bước 2: Xử lý đơn**

+ Trường hợp yêu cầu rút đơn không có thiếu sót, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo chấp nhận rút đơn, ghi nhận việc rút đơn trong hồ sơ đơn. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp đã rút không thể được khôi phục mà chỉ có thể dùng làm căn cứ để yêu cầu hưởng quyền ưu tiên.

+ Trường hợp yêu cầu rút đơn có thiếu sót, không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ ra thông báo dự định từ chối chấp nhận rút đơn, nêu rõ lý do để người yêu cầu sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Nếu người yêu cầu không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng thì Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo từ chối chấp nhận yêu cầu rút đơn.

**b. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tuyên bố rút đơn bằng văn bản;

+ Văn bản ủy quyền (nếu nộp hồ sơ thông qua đại diện), trong đó nêu rõ việc ủy quyền rút đơn hoặc phải kèm theo thư lệnh chỉ rõ số đơn cần rút;

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** 02 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo chấp nhận /Thông báo từ chối chấp nhận rút đơn đăng ký sở hữu công nghiệp.

**h. Phí, lệ phí:** Không có.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.



**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Trước khi Cục Sở hữu trí tuệ quyết định cấp hoặc từ chối cấp văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có quyền tuyên bố rút đơn đăng ký sở hữu công nghiệp.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.



## **11. Thủ tục duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích**

### **a. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tiếp nhận yêu cầu

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích đến Cục Sở hữu trí tuệ.

- Bước 2: Xử lý yêu cầu

+ Trường hợp yêu cầu hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo về việc duy trì, ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ra thông báo.

+ Trường hợp yêu cầu có thiếu sót hoặc không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo và ấn định thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra thông báo để người yêu cầu sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Nếu kết thúc thời hạn đã ấn định, người yêu cầu không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối nhưng không xác đáng, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối duy trì hiệu lực văn bằng *bảo hộ*.

### **b. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai gia hạn/duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích theo Mẫu số 07 tại Phụ lục II của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP;

+ Văn bản ủy quyền (nếu nộp yêu cầu thông qua đại diện);

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** 01 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu và phí, lệ phí duy trì hiệu lực.

**d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**



- Thông báo về việc duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ và ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp;
- Quyết định từ chối duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ.

#### ***h. Phí, lệ phí:***

- Lệ phí duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ sáng chế: 100.000 đồng (mỗi năm cho mỗi điểm độc lập của yêu cầu bảo hộ).
- Phí thẩm định yêu cầu duy trì: 160.000 đồng (mỗi đơn).
- Phí công bố thông tin: 120.000 đồng.
- Phí đăng bạ thông tin: 120.000 đồng.
- Phí sử dụng văn bằng bảo hộ (mỗi năm):
  - + Năm thứ nhất, năm thứ 2: 300.000 đồng
  - + Năm thứ 3, năm thứ 4: 500.000 đồng.
  - + Năm thứ 5, năm thứ 6: 800.000 đồng.
  - + Năm thứ 7, năm thứ 8: 1.200.000 đồng.
  - + Năm thứ 9, năm thứ 10: 1.800.000 đồng.
  - + Năm thứ 11 - năm thứ 13: 2.500.000 đồng.
  - + Năm thứ 14 - năm thứ 16: 3.300.000 đồng.
  - + Năm thứ 17 - năm thứ 20: 4.200.000 đồng.

#### ***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

Tờ khai gia hạn/duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 07 tại Phụ lục II của Nghị định số 65/2023/NĐ.

#### ***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

- Chủ Văn bằng bảo hộ phải nộp lệ phí duy trì hiệu lực trong vòng 06 tháng trước ngày kết thúc kỳ hạn hiệu lực.
- Lệ phí duy trì hiệu lực có thể được nộp muộn hơn thời hạn quy định, nhưng không được quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ hạn hiệu lực trước và chủ văn bằng bảo hộ phải nộp lệ phí cho mỗi tháng bị muộn theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

#### ***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;



- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.



**TỜ KHAI**  
**GIA HẠN/DUY TRÌ HIỆU LỰC VĂN BẰNG BẢO HỘ**  
**ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu gia hạn/duy trì hiệu lực  
văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp<sup>2</sup>

<b>① NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Tổ chức, cá nhân yêu cầu gia hạn/duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ)	
Tên đầy đủ: Địa chỉ: Số căn cước công dân (nếu có):                      Điện thoại:                      Email:	
<b>② ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> <input type="checkbox"/> là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn <input type="checkbox"/> là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền của người nộp đơn                      Mã số đại diện: <input type="checkbox"/> là người khác được uỷ quyền của người nộp đơn Tên đầy đủ: Địa chỉ: Điện thoại:                      Email:	
<b>③ ĐỐI TƯỢNG YÊU CẦU GIA HẠN/DUY TRÌ</b>	
<input type="checkbox"/> Bảng độc quyền kiểu dáng công nghiệp	Số văn bằng bảo hộ: Các phương án cần gia hạn:
<input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu	Số văn bằng bảo hộ: Các nhóm hoặc sản phẩm, dịch vụ cần gia hạn:
<input type="checkbox"/> Bảng độc quyền sáng chế <input type="checkbox"/> Bảng độc quyền giải pháp hữu ích	Số Bảng độc quyền: Số điểm yêu cầu bảo hộ độc lập: Năm duy trì hiệu lực:
<b>④ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>	

<sup>1</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp

<sup>2</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.



④ PHÍ, LỆ PHÍ		
Loại phí, lệ phí	Số đối tượng tính phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu gia hạn/duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ	văn bằng bảo hộ	
<input type="checkbox"/> Lệ phí gia hạn/duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ	....nhóm sản phẩm/dịch vụ	
	....phương án của từng sản phẩm	
	....điểm yêu cầu bảo hộ độc lập	
<input type="checkbox"/> Lệ phí gia hạn/duy trì hiệu lực muộn	....tháng nộp muộn	
<input type="checkbox"/> Phí sử dụng văn bằng bảo hộ	....nhóm sản phẩm/dịch vụ	
	....phương án của từng sản phẩm	
	....điểm yêu cầu bảo hộ độc lập	
<input type="checkbox"/> Phí đăng bạ quyết định gia hạn/thông báo duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ	văn bằng bảo hộ	
<input type="checkbox"/> Phí công bố quyết định gia hạn/thông báo duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ	quyết định/thông báo	
<b>Tổng số phí, lệ phí nộp theo đơn là:</b>		
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):		
<b>⑤ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b> <input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm .....trang <input type="checkbox"/> Bản gốc văn bằng bảo hộ (nếu yêu cầu ghi nhận gia hạn vào văn bằng bảo hộ) ( <input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....) <input type="checkbox"/> Văn bản uỷ quyền bằng tiếng..... <input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt, gồm.....trang <input type="checkbox"/> bản gốc <input type="checkbox"/> bản sao ( <input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau <input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....) <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp) <input type="checkbox"/> Tài liệu khác, cụ thể:		<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> (Dành cho cán bộ nhận đơn) <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-top: 10px;">           Cán bộ nhận đơn            (Ký và ghi rõ họ tên)         </div>
<b>⑥ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. <div style="text-align: right; margin-top: 10px;">           Khai tại: ..... ngày ..... tháng ..... năm .....            Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn            (Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)         </div>		



## **12. Thủ tục gia hạn hiệu lực Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu**

### ***a. Trình tự thực hiện:***

- Bước 1: Tiếp nhận yêu cầu

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu gia hạn hiệu lực Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đến Cục Sở hữu trí tuệ.

- Bước 2: Xử lý yêu cầu

+ Trường hợp đơn không có thiếu sót, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định gia hạn, ghi nhận vào Văn bằng bảo hộ (nếu có yêu cầu), đăng bạ và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ra quyết định;

+ Trường hợp đơn có thiếu sót, không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ ra thông báo dự định từ chối gia hạn, nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 02 tháng để người yêu cầu sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Nếu người yêu cầu không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng thì Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ.

### ***b. Cách thức thực hiện:***

- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

### ***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai gia hạn/duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 07 tại Phụ lục II của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP;

+ Bản gốc Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (trường hợp văn bằng bảo hộ được cấp dưới dạng giấy và có yêu cầu ghi nhận việc gia hạn vào văn bằng bảo hộ);

+ Văn bản uỷ quyền (nếu nộp hồ sơ thông qua đại diện);

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***d. Thời hạn giải quyết:*** 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Cá nhân, tổ chức.



**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định gia hạn/Quyết định từ chối gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ.

**h. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ: đối với nhãn hiệu (10 năm) cho mỗi nhóm sản phẩm/dịch vụ; đối với kiểu dáng công nghiệp (05 năm) cho mỗi phương án của từng sản phẩm: 100.000 đồng.

- Phí thẩm định yêu cầu gia hạn: 160.000 đồng.

- Phí sử dụng văn bằng bảo hộ: đối với nhãn hiệu (10 năm) cho mỗi nhóm sản phẩm/dịch vụ; đối với kiểu dáng công nghiệp (05 năm) cho mỗi phương án của từng sản phẩm: 700.000 đồng.

- Phí công bố Quyết định gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ: 120.000 đồng.

- Phí đăng bạ Quyết định gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ: 120.000 đồng.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Tờ khai gia hạn/duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 07 tại Phụ lục II của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp được gia hạn nhiều nhất 02 lần liên tiếp, mỗi lần 05 năm. Trường hợp kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ có nhiều phương án thì Bằng độc quyền có thể được gia hạn đối với tất cả hoặc một số phương án, trong đó phải có phương án cơ bản.

- Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu có thể được gia hạn nhiều lần liên tiếp, mỗi lần 10 năm đối với toàn bộ hoặc một phần danh mục hàng hóa, dịch vụ.

- Để được gia hạn, trong vòng 06 tháng trước ngày Văn bằng bảo hộ hết hiệu lực, chủ Văn bằng bảo hộ phải nộp đơn yêu cầu gia hạn cho Cục Sở hữu trí tuệ.

- Đơn yêu cầu gia hạn có thể nộp muộn hơn thời hạn quy định nhưng không được quá 06 tháng kể từ ngày Văn bằng bảo hộ hết hiệu lực và chủ văn bằng bảo hộ phải nộp lệ phí cho mỗi tháng bị muộn theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;



- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.



**TỜ KHAI**  
**GIA HẠN/DUY TRÌ HIỆU LỰC VĂN BẰNG BẢO HỘ**  
**ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu gia hạn/duy trì hiệu lực  
văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp<sup>2</sup>

<b>① NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Tổ chức, cá nhân yêu cầu gia hạn/duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ)	
Tên đầy đủ: Địa chỉ: Số căn cước công dân (nếu có):                      Điện thoại:                      Email:	
<b>② ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> <input type="checkbox"/> là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn <input type="checkbox"/> là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền của người nộp đơn      Mã số đại diện: <input type="checkbox"/> là người khác được uỷ quyền của người nộp đơn Tên đầy đủ: Địa chỉ: Điện thoại:                      Email:	
<b>③ ĐỐI TƯỢNG YÊU CẦU GIA HẠN/DUY TRÌ</b>	
<input type="checkbox"/> Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp	Số văn bằng bảo hộ: Các phương án cần gia hạn:
<input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu	Số văn bằng bảo hộ: Các nhóm hoặc sản phẩm, dịch vụ cần gia hạn:
<input type="checkbox"/> Bằng độc quyền sáng chế <input type="checkbox"/> Bằng độc quyền giải pháp hữu ích	Số Bằng độc quyền: Số điểm yêu cầu bảo hộ độc lập: Năm duy trì hiệu lực:
<b>④ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>	

<sup>1</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp

<sup>2</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.



④ PHÍ, LỆ PHÍ		
Loại phí, lệ phí	Số đối tượng tính phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu gia hạn/duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ	văn bằng bảo hộ	
<input type="checkbox"/> Lệ phí gia hạn/duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ	.....nhóm sản phẩm/dịch vụ	
	.....phương án của từng sản phẩm	
	.....điểm yêu cầu bảo hộ độc lập	
<input type="checkbox"/> Lệ phí gia hạn/duy trì hiệu lực muộn	.....tháng nộp muộn	
<input type="checkbox"/> Phí sử dụng văn bằng bảo hộ	.....nhóm sản phẩm/dịch vụ	
	.....phương án của từng sản phẩm	
	.....điểm yêu cầu bảo hộ độc lập	
<input type="checkbox"/> Phí đăng bạ quyết định gia hạn/thông báo duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ	văn bằng bảo hộ	
<input type="checkbox"/> Phí công bố quyết định gia hạn/thông báo duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ	quyết định/thông báo	
<b>Tổng số phí, lệ phí nộp theo đơn là:</b>		
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):		
<b>⑤ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b> <input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm .....trang <input type="checkbox"/> Bản gốc văn bằng bảo hộ (nếu yêu cầu ghi nhận gia hạn vào văn bằng bảo hộ) ( <input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....) <input type="checkbox"/> Văn bản uỷ quyền bằng tiếng..... <input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt, gồm.....trang <input type="checkbox"/> bản gốc <input type="checkbox"/> bản sao ( <input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau <input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....) <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp) <input type="checkbox"/> Tài liệu khác, cụ thể:		<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> (Dành cho cán bộ nhận đơn) <div style="display: flex; align-items: center;"> <div style="flex: 1;"> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; flex: 1; text-align: center;"> <b>Cán bộ nhận đơn</b>          (Ký và ghi rõ họ tên)       </div> </div>
<b>⑥ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. <div style="text-align: right; margin-top: 10px;">           Khai tại: ..... ngày ..... tháng ..... năm .....            Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn            (Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)         </div>		



### **13. Thủ tục chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ**

#### ***a. Trình tự thực hiện:***

##### **- Bước 1: Tiếp nhận đơn**

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

##### **- Bước 2: Xử lý đơn**

Trường hợp chủ văn bằng tự yêu cầu chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ:

- + Kiểm tra đơn về mặt hình thức và đưa ra kết luận về tính hợp lệ của đơn;
- + Kiểm tra hiệu lực của văn bằng bảo hộ yêu cầu chấm dứt;
- + Ra quyết định chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ theo yêu cầu của người nộp đơn.

Trường hợp yêu cầu chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ do người thứ ba thực hiện:

- + Kiểm tra đơn về mặt hình thức (bằng chứng, lý do yêu cầu chấm dứt) và đưa ra kết luận về tính hợp lệ của đơn;
- + Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo cho chủ văn bằng về ý kiến của người thứ ba, để chủ văn bằng có ý kiến. Cục Sở hữu trí tuệ có thể tổ chức việc trao đổi ý kiến trực tiếp giữa người thứ ba và chủ văn bằng;
- + Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định chấm dứt một phần/toàn bộ hiệu lực văn bằng bảo hộ hoặc thông báo từ chối chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ;
- + Quyết định chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ được ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày ra quyết định.

#### ***b. Cách thức thực hiện:***

- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

#### ***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

##### **- Thành phần hồ sơ, bao gồm:**

- + Tờ khai chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II của Nghị định số 65/2023/NĐ;
- + Chứng cứ (nếu có);



- + Văn bản ủy quyền (trường hợp yêu cầu được nộp thông qua đại diện);
- + Bản giải trình lý do yêu cầu (nêu rõ số văn bằng bảo hộ, lý do, căn cứ pháp luật, nội dung đề nghị chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hiệu lực văn bằng bảo hộ) và các tài liệu liên quan;
- + Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***d. Thời hạn giải quyết:***

- Trường hợp chính chủ văn bằng bảo hộ yêu cầu chấm dứt: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.
- Trường hợp người thứ ba yêu cầu chấm dứt:
  - + 03 tháng kể từ ngày kết thúc thời hạn 02 tháng khi Cục Sở hữu trí tuệ thông báo bằng văn bản về ý kiến của người thứ ba cho chủ văn bằng bảo hộ mà không có ý kiến phản hồi hoặc kể từ ngày nhận được ý kiến của chủ văn bằng bảo hộ;
  - + Thời hạn này có thể kéo dài thêm tối đa 03 tháng nếu chủ văn bằng bảo hộ có ý kiến khác với chủ đơn yêu cầu chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ.
- Thời gian thực hiện các thủ tục liên quan khác cần thiết để giải quyết yêu cầu chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ không được tính vào thời hạn nêu trên.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Cá nhân, tổ chức.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Cục Sở hữu trí tuệ.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Quyết định chấm dứt một phần/toàn bộ hiệu lực văn bằng bảo hộ/Quyết định từ chối chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ.

***h. Phí, lệ phí:***

- Lệ phí yêu cầu chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ: 50.000 đồng (mỗi đối tượng).
- Phí thẩm định yêu cầu chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ: 180.000 đồng
- Phí đăng bạ Quyết định chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ: 120.000 đồng
- Phí công bố Quyết định chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ: 120.000 đồng.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (Mẫu kèm theo):*** Tờ khai chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II của Nghị định số 65/2023/NĐ.

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***



- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.



**TỜ KHAI**  
**CHẤM DỨT/HỦY BỎ HIỆU LỰC VĂN BẰNG BẢO HỘ**  
**ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu chấm dứt/hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp<sup>2</sup>

<b>① NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Tổ chức, cá nhân yêu cầu chấm dứt/hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ)	
Tên đầy đủ:	
Địa chỉ:	
Số căn cước công dân (nếu có):	Điện thoại: Email:
<b>② ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b>	
<input type="checkbox"/> là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn	
<input type="checkbox"/> là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được ủy quyền của người nộp đơn	
<input type="checkbox"/> là người khác được ủy quyền của người nộp đơn	
Mã số đại diện:	
Tên đầy đủ:	
Địa chỉ:	
Điện thoại: Email:	
<b>③ VĂN BẰNG BẢO HỘ BỊ YÊU CẦU CHẤM DỨT/HỦY BỎ</b>	Số văn bằng bảo hộ:
<input type="checkbox"/> Bằng độc quyền sáng chế	
<input type="checkbox"/> Bằng độc quyền giải pháp hữu ích	
<input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn	
<input type="checkbox"/> Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu	
<input type="checkbox"/> Đăng ký quốc tế nhãn hiệu	
<input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý	
<b>④ NỘI DUNG YÊU CẦU</b>	
<input type="checkbox"/> Chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ	
<input type="checkbox"/> Hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ	
<b>Lý do:</b>	
<b>⑤ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>	

<sup>1</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp

<sup>2</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.



<b>⑤ PHÍ, LỆ PHÍ</b>		
Loại phí, lệ phí	Số đối tượng tính phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Lệ phí yêu cầu chấm dứt/huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ	..... đối tượng	
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu chấm dứt/huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ	văn bằng bảo hộ	
<input type="checkbox"/> Phí đăng bạ quyết định chấm dứt/huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ	văn bằng bảo hộ	
<input type="checkbox"/> Phí công bố quyết định chấm dứt/huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ	quyết định	
<b>Tổng số phí, lệ phí nộp theo đơn là:</b>		
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):		
<b>⑥ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>  <input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm..... trang <input type="checkbox"/> Bản thuyết minh lý do yêu cầu chấm dứt/huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ <input type="checkbox"/> Văn bản uỷ quyền bằng tiếng..... <input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt, gồm.....trang <input type="checkbox"/> bản gốc <input type="checkbox"/> bản sao ( <input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau <input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....) <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp) <input type="checkbox"/> Tài liệu khác, cụ thể:	<div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="width: 60%;"> <b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b>            (Dành cho cán bộ nhận đơn)   <div style="display: flex;"> <div style="flex: 1;"> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> </div> <div style="flex: 1; border: 1px solid black; padding: 5px; margin-left: 10px;"> Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên) </div> </div> </div> </div>	
<b>⑦ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.  <div style="text-align: right; margin-right: 50px;">           Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm .....            Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn            (Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)         </div>		



## **14. Thủ tục huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ**

### **a. Trình tự thực hiện:**

#### **- Bước 1: Tiếp nhận đơn**

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

#### **- Bước 2: Xử lý đơn:**

Trường hợp chủ văn bằng tự yêu cầu huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ:

- + Kiểm tra về mặt hình thức và đưa ra kết luận về tính hợp lệ của yêu cầu huỷ bỏ;
- + Kiểm tra hiệu lực của văn bằng bảo hộ bị yêu cầu huỷ bỏ;
- + Ra quyết định huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ theo yêu cầu của người nộp đơn.

Trường hợp yêu cầu huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ do người thứ ba thực hiện:

- + Kiểm tra bằng chứng, lý do yêu cầu huỷ bỏ;
- + Cục Sở hữu trí tuệ thông báo bằng văn bản cho chủ văn bằng bảo hộ về ý kiến của người thứ ba để chủ văn bằng có ý kiến. Cục Sở hữu trí tuệ có thể tổ chức việc trao đổi ý kiến trực tiếp giữa người thứ ba và chủ văn bằng bảo hộ;
- + Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định huỷ bỏ một phần/toàn bộ hiệu lực văn bằng bảo hộ hoặc thông báo từ chối huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ.
- + Quyết định huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ được công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp và được ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký quyết định;

### **b. Cách thức thực hiện:**

- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **- Thành phần hồ sơ, bao gồm:**

- + Tờ khai chấm dứt/huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II Nghị định 65/2023/NĐ-CP;
- + Chứng cứ (nếu có);
- + Giấy uỷ quyền (nếu nộp đơn thông qua đại diện);



- + Bản giải trình lý do yêu cầu;
- + Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:**

- Trường hợp chính chủ văn bằng bảo hộ yêu cầu hủy bỏ: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.
- Trường hợp người thứ ba yêu cầu hủy bỏ: 03 tháng kể từ ngày kết thúc thời hạn 02 tháng tính từ ngày Cục Sở hữu trí tuệ thông báo bằng văn bản về ý kiến của người thứ ba cho chủ văn bằng bảo hộ mà không có ý kiến phản hồi hoặc kể từ ngày nhận được ý kiến của chủ văn bằng bảo hộ. Thời hạn này có thể kéo dài thêm tối đa 03 tháng nếu chủ văn bằng bảo hộ có ý kiến khác với chủ đơn yêu cầu hủy bỏ.
- Thời gian thực hiện các thủ tục liên quan khác cần thiết để giải quyết yêu cầu hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ không được tính vào thời hạn nêu trên.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hủy bỏ một phần/toàn bộ hiệu lực văn bằng bảo hộ/Quyết định từ chối hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ.

**h. Phí, lệ phí:**

- Lệ phí yêu cầu hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ: 50.000 đồng (mỗi đối tượng).
- Phí thẩm định yêu cầu hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ: 390.000 đồng
- Phí đăng bạ Quyết định hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ: 120.000 đồng.
- Phí công bố Quyết định hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ: 120.000 đồng.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai chấm dứt/hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II Nghị định 65/2023/NĐ-CP.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;



- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.



**TỜ KHAI**  
**CHẤM DỨT/HỦY BỎ HIỆU LỰC VĂN BẰNG BẢO HỘ**  
**ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu chấm dứt/hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp<sup>2</sup>

<b>① NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Tổ chức, cá nhân yêu cầu chấm dứt/hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ)	
Tên đầy đủ: Địa chỉ: Số căn cước công dân (nếu có):                      Điện thoại:                      Email:	
<b>② ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> <input type="checkbox"/> là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn <input type="checkbox"/> là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền của người nộp đơn <input type="checkbox"/> là người khác được uỷ quyền của người nộp đơn Mã số đại diện: Tên đầy đủ: Địa chỉ: Điện thoại:                      Email:	
<b>③ VĂN BẰNG BẢO HỘ BỊ YÊU CẦU CHẤM DỨT/HỦY BỎ</b> <input type="checkbox"/> Bằng độc quyền sáng chế <input type="checkbox"/> Bằng độc quyền giải pháp hữu ích <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn <input type="checkbox"/> Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp <input type="checkbox"/> Đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu <input type="checkbox"/> Đăng ký quốc tế nhãn hiệu <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý	Số văn bằng bảo hộ:
<b>④ NỘI DUNG YÊU CẦU</b> <input type="checkbox"/> Chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ <input type="checkbox"/> Hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ <b>Lý do:</b>	
<b>⑤ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>	

<sup>1</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp

<sup>2</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.



<b>⑤ PHÍ, LỆ PHÍ</b>		
Loại phí, lệ phí	Số đối tượng tính phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Lệ phí yêu cầu chấm dứt/huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ	..... đối tượng	
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu chấm dứt/huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ	văn bằng bảo hộ	
<input type="checkbox"/> Phí đăng bạ quyết định chấm dứt/huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ	văn bằng bảo hộ	
<input type="checkbox"/> Phí công bố quyết định chấm dứt/huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ	quyết định	
<b>Tổng số phí, lệ phí nộp theo đơn là:</b>		
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):		
<b>⑥ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>  <input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm..... trang <input type="checkbox"/> Bản thuyết minh lý do yêu cầu chấm dứt/huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ <input type="checkbox"/> Văn bản uỷ quyền bằng tiếng..... <input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt, gồm.....trang <input type="checkbox"/> bản gốc <input type="checkbox"/> bản sao ( <input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau <input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....) <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp) <input type="checkbox"/> Tài liệu khác, cụ thể:	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i>  <div style="display: flex; align-items: center;"> <div style="flex: 1;"> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 10px; flex: 1; text-align: center;">             Cán bộ nhận đơn              (Ký và ghi rõ họ tên)           </div> </div>	
<b>⑦ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.  <div style="text-align: right; margin-right: 100px;">           Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm .....            Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn            (Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)         </div>		



## **15. Thủ tục sửa đổi thông tin trên Văn bằng bảo hộ, thay đổi thông tin trong Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp**

### **a. Trình tự thực hiện:**

#### **- Bước 1: Tiếp nhận đơn**

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu sửa đổi thông tin trên Văn bằng bảo hộ, thay đổi thông tin trong Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

#### **- Bước 2: Xử lý đơn**

+ Trường hợp đơn không có thiếu sót, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định ghi nhận sửa đổi Văn bằng bảo hộ và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp;

+ Trường hợp đơn có thiếu sót, không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ ra thông báo dự định từ chối chấp nhận việc sửa đổi Văn bằng bảo hộ, nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 02 tháng để người yêu cầu sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Nếu người yêu cầu không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng thì Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối yêu cầu sửa đổi Văn bằng bảo hộ.

### **b. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **- Thành phần hồ sơ, bao gồm:**

+ Tờ khai sửa đổi văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 06 tại Phụ lục II Nghị định số 65/2023/NĐ-CP;

+ Bản gốc Văn bằng bảo hộ trong trường hợp văn bằng bảo hộ được cấp dưới dạng giấy;

+ Tài liệu xác nhận việc thay đổi tên, địa chỉ (bản gốc hoặc bản sao có chứng thực); quyết định đổi tên, địa chỉ; giấy phép đăng ký kinh doanh có ghi nhận việc thay đổi tên, địa chỉ; các tài liệu pháp lý khác chứng minh việc thay đổi tên, địa chỉ) đối với trường hợp nội dung yêu cầu sửa đổi là tên, địa chỉ;

+ Tài liệu chứng minh việc chuyển dịch quyền sở hữu, nếu yêu cầu thay đổi chủ Văn bằng bảo hộ (tài liệu chứng minh việc thừa kế, kế thừa, sáp nhập, chia, tách, hợp nhất, liên doanh, liên kết, thành lập pháp nhân mới của cùng chủ sở hữu, chuyển đổi hình



thức kinh doanh hoặc theo quyết định của Tòa án hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác);

+ Tài liệu thuyết minh chi tiết nội dung sửa đổi khác;

+ 05 bộ ảnh chụp hoặc bản vẽ đã sửa đổi (đối với kiểu dáng công nghiệp); 02 bản mô tả tính chất/chất lượng/danh tiếng của sản phẩm, bản đồ khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý đã sửa đổi (đối với chỉ dẫn địa lý); 02 quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể, 02 bản quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đã sửa đổi (đối với nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận); 05 mẫu nhãn hiệu đã sửa đổi (đối với nhãn hiệu);

+ Văn bản ủy quyền (trường hợp yêu cầu được nộp thông qua đại diện);

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:**

02 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, không bao gồm thời gian dành cho người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót và thời gian tiến hành thẩm định lại đối với các trường hợp sửa đổi bản mô tả tính chất, đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, khu vực địa lý, quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận; thu hẹp phạm vi bảo hộ

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định sửa đổi Văn bằng bảo hộ/Quyết định từ chối chấp nhận sửa đổi Văn bằng bảo hộ.

**h. Phí, lệ phí:**

- Phí yêu cầu sửa đổi Văn bằng bảo hộ (sửa đổi tên, địa chỉ): 160.000 đồng (mỗi Văn bằng bảo hộ).

- Phí thẩm định yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ:

+ đối với Bằng độc quyền sáng chế: 900.000 đồng.

+ đối với Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp: 700.000 đồng.

+ đối với Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu: 550.000 đồng.

- Phí công bố Quyết định ghi nhận sửa đổi Văn bằng bảo hộ: 120.000 đồng.

- Phí đăng bạ Quyết định ghi nhận sửa đổi Văn bằng bảo hộ: 120.000 đồng

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai sửa đổi văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 06 tại Phụ lục II Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.



***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

- Yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ chỉ được giới hạn ở những nội dung sau:
  - + Yêu cầu giảm bớt một hoặc một số hàng hoá, dịch vụ hoặc nhóm hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục hàng hoá, dịch vụ ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hoặc loại bỏ các chi tiết nhỏ là yếu tố bị loại trừ (không bảo hộ riêng) nhưng không làm thay đổi khả năng phân biệt của nhãn hiệu;
  - + Yêu cầu giảm bớt một hoặc một số điểm độc lập hoặc phụ thuộc thuộc phạm vi (yêu cầu) bảo hộ ghi trong Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích;
  - + Yêu cầu loại bỏ một hoặc một số phương án kiểu dáng công nghiệp, một hoặc một số sản phẩm trong bộ sản phẩm ghi trong Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp.
- Người yêu cầu sửa đổi thông tin trên văn bằng bảo hộ phải là chủ văn bằng bảo hộ, tổ chức, cá nhân được nhà nước cho phép thực hiện quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.



**TỜ KHAI  
SỬA ĐỔI VĂN BẰNG BẢO HỘ  
ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp<sup>2</sup>

<b>① NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Tổ chức, cá nhân yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ)	
Tên đầy đủ: Địa chỉ: Số căn cước công dân (nếu có):                      Điện thoại:                      Email:	
<b>② ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> <input type="checkbox"/> là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn <input type="checkbox"/> là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền của người nộp đơn <input type="checkbox"/> là người khác được uỷ quyền của người nộp đơn Tên đầy đủ: Địa chỉ: Điện thoại:                      Email:                      Mã số đại diện:	
<b>③ VĂN BẰNG BẢO HỘ YÊU CẦU SỬA ĐỔI</b> <input type="checkbox"/> Bằng độc quyền sáng chế <input type="checkbox"/> Bằng độc quyền giải pháp hữu ích <input type="checkbox"/> Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý	Số văn bằng bảo hộ:
<b>④ NỘI DUNG YÊU CẦU SỬA ĐỔI</b> <input type="checkbox"/> Tên chủ văn bằng bảo hộ <input type="checkbox"/> Địa chỉ <input type="checkbox"/> Nội dung khác:	<b>Đề nghị sửa lại thành</b> (Có thể dùng trang bổ sung, nếu cần)
<b>⑤ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>	

<sup>1</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp

<sup>2</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp



<b>PHÍ, LỆ PHÍ</b>		
Loại phí, lệ phí	Số đối tượng tính phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định <sup>3</sup>		
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ	.... mỗi nội dung sửa đổi (của mỗi văn bằng bảo hộ)	
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ		
<input type="checkbox"/> Phí đăng bạ quyết định sửa đổi văn bằng bảo hộ	.... văn bằng bảo hộ	
<input type="checkbox"/> Phí công bố quyết định sửa đổi văn bằng bảo hộ	quyết định	
<input type="checkbox"/> nếu có trên 1 hình (từ hình thứ 2 trở đi)	.... hình	
<input type="checkbox"/> bản mô tả có trên 6 trang (từ trang thứ 7 trở đi)	.... trang	
<b>Tổng số phí, lệ phí nộp theo đơn là:</b>		
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):		
<b>⑥ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i>	
<input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm .....trang	<input type="checkbox"/>	<div style="border: 1px solid black; padding: 10px; width: fit-content; margin: 0 auto;"> Cán bộ nhận đơn  <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i> </div>
<input type="checkbox"/> Tài liệu xác nhận việc sửa đổi hợp pháp bằng tiếng .....	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> Bản dịch tiếng Việt, gồm .....trang	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> Tài liệu thuyết minh chi tiết nội dung sửa đổi	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> Mẫu đối tượng sở hữu công nghiệp đã sửa đổi	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> bộ ảnh chụp hoặc bản vẽ, gồm.....bộ (nếu yêu cầu sửa đổi kiểu dáng công nghiệp)	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> Mẫu nhãn hiệu (nếu yêu cầu sửa đổi mẫu nhãn hiệu)	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> Bản gốc văn bằng bảo hộ	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> ( <input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:..... )	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> Văn bản ủy quyền bằng tiếng.....	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt, gồm.....trang	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> bản gốc	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> bản sao ( <input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:..... )	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp)	<input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/> Tài liệu khác, cụ thể:	<input type="checkbox"/>	
<b>⑦ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ... Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn <i>(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</i>		

<sup>3</sup> Trường hợp yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP, người yêu cầu sửa đổi phải nộp phí thẩm định yêu cầu thu hẹp phạm vi bảo hộ, không phải nộp phí thẩm định yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ.

**⑦ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN**



## **16. Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ**

### **a. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tiếp nhận đơn

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ đến Cục Sở hữu trí tuệ.

- Bước 2: Xử lý đơn

+ Trong trường hợp yêu cầu cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ đáp ứng các quy định, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định cấp phó bản văn bằng bảo hộ, quyết định cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ và ghi nhận vào mục đăng bạ của văn bằng bảo hộ tương ứng trong Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp;

+ Trong trường hợp yêu cầu cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ không đáp ứng được các quy định, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo và ấn định thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra thông báo để người yêu cầu sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản hồi. Nếu kết thúc thời hạn nêu trên, người yêu cầu không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối không xác đáng, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp phó bản văn bằng bảo hộ, quyết định từ chối cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ (có nêu rõ lý do).

### **b. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai cấp phó bản, cấp lại văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 09 tại Phụ lục II Nghị định số 65/2023/NĐ-CP;

+ 02 mẫu nhãn hiệu, 02 bộ ảnh chụp hoặc 02 bộ bản vẽ kiểu dáng công nghiệp trùng với mẫu nhãn hiệu, bộ ảnh chụp hoặc bản vẽ kiểu dáng công nghiệp trong văn bằng bảo hộ gốc;

+ Văn bản ủy quyền (nếu nộp hồ sơ thông qua đại diện);

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).



- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không bao gồm thời gian dành cho người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót).

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định cấp phó bản văn bằng bảo hộ, quyết định cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ.

- Quyết định từ chối cấp phó bản văn bằng bảo hộ, quyết định từ chối cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ.

**h. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai cấp phó bản/cấp lại văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 09 tại Phụ lục II Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Trong trường hợp sau đây, các đồng sở hữu quyền sở hữu công nghiệp có thể yêu cầu cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ:

- Trường hợp quyền sở hữu công nghiệp thuộc sở hữu chung, văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho người đầu tiên trong danh sách những người nộp đơn chung. Các đồng sở hữu khác có thể yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ cấp phó bản văn bằng bảo hộ, với điều kiện phải nộp phí cấp phó bản;

- Trường hợp văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ bị mất hoặc bị hỏng, rách, bẩn, phai mờ đến mức không sử dụng được, bị tháo rời không giữ được niêm phong, chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp có thể yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ, với điều kiện phải nộp phí tương ứng.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;

- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.



**TỜ KHAI**  
**CẤP PHÓ BẢN/CẤP LẠI VĂN BẰNG BẢO HỘ**  
**ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu cấp phó bản/cấp lại<sup>2</sup>

<p><b>① NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp phó bản/cấp lại)</p> <p>Tên đầy đủ: _____ Địa chỉ: _____ Số căn cước công dân (nếu có): _____ Điện thoại: _____ Email: _____</p>	
<p><b>② ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b></p> <p><input type="checkbox"/> là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn <input type="checkbox"/> là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền của người nộp đơn <input type="checkbox"/> là người khác được uỷ quyền của người nộp đơn</p> <p>Tên đầy đủ: _____ Địa chỉ: _____ Điện thoại: _____ Email: _____</p> <p>Mã số đại diện: <span style="border: 1px solid black; padding: 2px 10px;"> </span></p>	
<p><b>③ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÓ BẢN/CẤP LẠI</b></p> <p><input type="checkbox"/> Bảng độc quyền sáng chế <input type="checkbox"/> Bảng độc quyền giải pháp hữu ích <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn <input type="checkbox"/> Bảng độc quyền kiểu dáng công nghiệp <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp</p>	<p>Số văn bằng bảo hộ: _____</p> <p>Số Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp: _____</p>
<p><b>④ NỘI DUNG YÊU CẦU</b></p> <p><input type="checkbox"/> Cấp phó bản văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận (cho đồng chủ sở hữu chung) <input type="checkbox"/> Cấp lại văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận (số lần đã được cấp:.....) <input type="checkbox"/> Cấp lại phó bản văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận (Phó bản số:..... số lần đã được cấp:.....)</p> <p><b>Lý do xin cấp lại:</b></p> <p><input type="checkbox"/> Văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận bị mất <input type="checkbox"/> Văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ...) <input type="checkbox"/> Lý do khác</p>	
<p><b>⑤ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b></p> <p> </p>	

<sup>1</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

<sup>2</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.



<b>⑤ PHÍ, LỆ PHÍ</b>		
Loại phí, lệ phí	Số đối tượng tính phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Phí cấp phó bản/cấp lại văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận <input type="checkbox"/> Văn bằng bảo hộ có trên 4 trang (từ trang thứ 5 trở đi)	văn bằng bảo hộ ..... trang	
<input type="checkbox"/> Phí đăng bạ quyết định cấp phó bản/cấp lại văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận	văn bằng bảo hộ	
<input type="checkbox"/> Phí công bố quyết định cấp phó bản/cấp lại văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận	quyết định	
<b>Tổng số phí, lệ phí nộp theo đơn là:</b>		
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):		
<b>⑥ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>  <input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm.....trang <input type="checkbox"/> Bản gốc văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận bị hỏng <input type="checkbox"/> Mẫu đối tượng sở hữu công nghiệp trùng với mẫu trong văn bằng bảo hộ gốc <input type="checkbox"/> mẫu nhãn hiệu, gồm.....mẫu (đối với nhãn hiệu) <input type="checkbox"/> bộ ảnh chụp hoặc bản vẽ, gồm.....bộ (đối với kiểu dáng công nghiệp) <input type="checkbox"/> Văn bản uỷ quyền bằng tiếng..... <input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt, gồm.....trang <input type="checkbox"/> bản gốc <input type="checkbox"/> bản sao ( <input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau <input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....) <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp) <input type="checkbox"/> Tài liệu khác, cụ thể:	<div style="text-align: center;"> <b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b>  <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i> </div> <div style="display: flex; align-items: center;"> <div style="flex: 1;"> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 10px; flex: 1; margin-left: 10px;"> Cán bộ nhận đơn  <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i> </div> </div>	
<b>⑦ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b>  Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.  <div style="text-align: right; margin-top: 20px;"> Khai tại ..... ngày ..... tháng ..... năm .....  Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn  <i>(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</i> </div>		



## **17. Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp**

### **a. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

- Bước 2: Xử lý hồ sơ

Trường hợp hồ sơ đăng ký không có thiếu sót:

+ Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định ghi nhận chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp;

+ Ghi nhận vào Văn bằng bảo hộ chủ sở hữu mới; trong trường hợp chuyển nhượng một phần danh mục hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu được bảo hộ thì cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu mới cho bên nhận và xác định giới hạn danh mục hàng hóa/dịch vụ trong Văn bằng bảo hộ gốc đối với phần chuyển nhượng đó;

+ Ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp;

+ Công bố quyết định ghi nhận chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định.

Trường hợp hồ sơ đăng ký có thiếu sót:

+ Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo dự định từ chối đăng ký hợp đồng, nêu rõ các thiếu sót của hồ sơ, ấn định thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký thông báo để người nộp hồ sơ sửa chữa các thiếu sót hoặc có ý kiến phản hồi về dự định từ chối đăng ký hợp đồng;

+ Ra quyết định từ chối ghi nhận chuyển nhượng nếu người nộp hồ sơ không sửa chữa hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng về dự định từ chối đăng ký hợp đồng trong thời hạn đã được ấn định.

### **b. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 01 tại Phụ lục IV Nghị định số 65/2023/NĐ-CP;

+ 01 bản hợp đồng (bản gốc hoặc bản sao được chứng thực theo quy định); nếu hợp đồng làm bằng ngôn ngữ khác tiếng Việt thì phải kèm theo bản dịch hợp đồng ra tiếng Việt; hợp



đồng có nhiều trang thì từng trang phải có chữ ký xác nhận của các bên hoặc đóng dấu giáp lai;

- + Bản gốc văn bằng bảo hộ trong trường hợp văn bằng bảo hộ được cấp dưới dạng giấy;
  - + Văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu về việc chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp, nếu quyền sở hữu công nghiệp tương ứng thuộc sở hữu chung;
  - + Văn bản ủy quyền (trường hợp yêu cầu được nộp thông qua đại diện);
  - + Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ);
  - + Đối với hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển nhượng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, cần có thêm các giấy tờ: Quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể, quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận và tài liệu chứng minh quyền nộp đơn của Bên nhận chuyển nhượng (trong trường hợp này Cục Sở hữu trí tuệ sẽ thẩm định lại về quyền nộp đơn và quy chế sử dụng nhãn hiệu, người nộp đơn phải nộp phí thẩm định đơn ngoài các khoản phí, lệ phí đối với hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp theo quy định).
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** 02 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không bao gồm thời gian dành cho người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót).

**d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định ghi nhận chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp/Quyết định từ chối ghi nhận chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp;
- Ghi nhận vào văn bằng bảo hộ chủ sở hữu mới và xác định giới hạn danh mục hàng hóa/dịch vụ trong văn bằng bảo hộ gốc đối với phần chuyển nhượng.

**h. Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp (mỗi đối tượng): 230.000 đồng
- Phí tra cứu nhãn hiệu liên kết (mỗi đối tượng): 600.000 đồng
- Phí thẩm định đơn (mỗi đối tượng): 550.000 đồng (trường hợp chuyển nhượng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận)
- Phí đăng bạ Quyết định chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: 120.000 đồng
- Phí công bố Quyết định chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp: 120.000 đồng.



*i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:* Tờ khai đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 01 tại Phụ lục IV Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

*k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*

- Chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp chỉ được chuyển nhượng quyền của mình trong phạm vi được bảo hộ.
- Quyền đối với chỉ dẫn địa lý không được chuyển nhượng.
- Quyền đối với tên thương mại chỉ được chuyển nhượng cùng với việc chuyển nhượng toàn bộ cơ sở kinh doanh và hoạt động kinh doanh dưới tên thương mại đó.
- Việc chuyển nhượng quyền đối với nhãn hiệu không được gây ra sự nhầm lẫn về đặc tính, nguồn gốc của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu, cụ thể là trong các trường hợp sau:
  - + Nhãn hiệu được chuyển nhượng trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu khác đang được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hoặc đăng ký quốc tế nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của bên chuyển nhượng;
  - + Một phần hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu được chuyển nhượng tương tự với phần hàng hóa, dịch vụ còn lại thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc quyền sở hữu của bên chuyển nhượng và việc sử dụng nhãn hiệu cùng với phần hàng hóa, dịch vụ đó của bên nhận chuyển nhượng có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc thương mại của hàng hóa, dịch vụ (đối với trường hợp phạm vi chuyển nhượng là một phần danh mục hàng hóa, dịch vụ);
  - + Nhãn hiệu được chuyển nhượng có chứa yếu tố là dấu hiệu làm cho người tiêu dùng nhầm lẫn hoặc hiểu sai lệch xuất xứ, chất lượng, giá trị v.v... của hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi chuyển nhượng.
- Quyền đối với nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận chỉ được chuyển nhượng cho tổ chức có quyền đăng ký nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận đó.
- Quyền đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước chỉ được chuyển nhượng cho tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam, cá nhân là công dân Việt Nam và thường trú tại Việt Nam. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền sở hữu phải thực hiện các nghĩa vụ tương ứng của tổ chức chủ trì theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

*l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;



- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.



**TỜ KHAI**  
**ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG**  
**QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu đăng ký hợp đồng  
chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp<sup>2</sup>

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

<b>① NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Tổ chức, cá nhân yêu cầu chuyển nhượng)	
Tên đầy đủ:	
Địa chỉ:	
Số căn cước công dân (nếu có):	Điện thoại: Email:
<input type="checkbox"/> là bên chuyển nhượng	
<input type="checkbox"/> là bên nhận chuyển nhượng	
<b>② ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b>	
<input type="checkbox"/> là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn	
<input type="checkbox"/> là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được ủy quyền của người nộp đơn	Mã số đại diện:
<input type="checkbox"/> là người khác được ủy quyền của người nộp đơn	
Tên đầy đủ:	
Địa chỉ:	
Điện thoại: Email:	
<b>③ ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG</b>	Số văn bản bảo hộ:
<input type="checkbox"/> Bảng độc quyền sáng chế	
<input type="checkbox"/> Bảng độc quyền giải pháp hữu ích	
<input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn	
<input type="checkbox"/> Bảng độc quyền kiểu dáng công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu	
<b>④ BÊN THỨ HAI TRONG HỢP ĐỒNG (KHÔNG ĐÚNG TÊN NGƯỜI NỘP ĐƠN)</b>	
Tên đầy đủ:	
Địa chỉ:	
Điện thoại: Email:	
<b>⑤ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>	

<sup>1</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

<sup>2</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.







## **18. Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp**

### **a. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

- Bước 2: Xử lý hồ sơ

Trường hợp hồ sơ đăng ký không có thiếu sót:

+ Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp;

+ Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, đóng dấu đăng ký vào 02 bản hợp đồng và trao người nộp hồ sơ 01 bản, lưu 01 bản;

+ Ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp;

+ Công bố quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định.

Trường hợp hồ sơ đăng ký có thiếu sót:

+ Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo dự định từ chối đăng ký hợp đồng, nêu rõ các thiếu sót của hồ sơ, ấn định thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký thông báo để người nộp hồ sơ sửa chữa các thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối về dự định từ chối đăng ký hợp đồng;

+ Ra quyết định từ chối đăng ký hợp đồng nếu người nộp hồ sơ không sửa chữa hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng về dự định từ chối đăng ký hợp đồng trong thời hạn đã được ấn định.

### **b. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 02 tại Phụ lục IV Nghị định số 65/2023/NĐ-CP;

+ 02 bản hợp đồng (bản gốc hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực theo quy định); nếu hợp đồng làm bằng ngôn ngữ khác



tiếng Việt thì phải kèm theo bản dịch hợp đồng ra tiếng Việt; nếu hợp đồng có nhiều trang thì từng trang phải có chữ ký xác nhận của các bên hoặc đóng dấu giáp lai;

+ Văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu về việc chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, nếu quyền sở hữu công nghiệp tương ứng thuộc sở hữu chung;

+ Văn bản ủy quyền (trường hợp yêu cầu được nộp thông qua đại diện);

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** 02 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không bao gồm thời gian dành cho người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót).

**Đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp/Quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp;

- Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.

**h. Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (mỗi đối tượng): 230.000 đồng.

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp: 120.000 đồng.

- Phí đăng bạ Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp: 120.000 đồng.

- Phí công bố Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng công nghiệp: 120.000 đồng.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 02 tại Phụ lục IV Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, tên thương mại không được chuyển giao.

- Quyền sử dụng nhãn hiệu tập thể không được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của chủ sở hữu nhãn hiệu tập thể đó.



- Bên được chuyển quyền không được ký kết hợp đồng thứ cấp với bên thứ ba, trừ trường hợp bên chuyển quyền cho phép.
- Bên được chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu có nghĩa vụ ghi chỉ dẫn trên hàng hóa, bao bì hàng hóa về việc hàng hóa đó được sản xuất theo hợp đồng sử dụng nhãn hiệu.
- Bên được chuyển quyền sử dụng sáng chế theo hợp đồng độc quyền có nghĩa vụ sử dụng sáng chế như chủ sở hữu sáng chế theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.
- Mỗi hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp chỉ được ghi nhận cho một bước chuyển giao. Trường hợp đối tượng sở hữu công nghiệp được chuyển giao nhiều bước thì mỗi bước chuyển giao phải nộp một hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp riêng.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.



**TỜ KHAI**  
**ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHUYỂN QUYỀN**  
**SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp<sup>2</sup>

<b>① NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Tổ chức, cá nhân yêu cầu chuyển quyền sử dụng)	
Tên đầy đủ:	
Địa chỉ:	
Số căn cước công dân (nếu có):	Điện thoại: Email:
<input type="checkbox"/> là bên chuyển quyền sử dụng	
<input type="checkbox"/> là bên nhận chuyển quyền sử dụng	
<b>② ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b>	
<input type="checkbox"/> là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn	
<input type="checkbox"/> là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền của người nộp đơn	Mã số đại diện:
<input type="checkbox"/> là người khác được uỷ quyền của người nộp đơn	
Tên đầy đủ:	
Địa chỉ:	
Điện thoại: Email:	
<b>③ ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG</b>	Số văn bản bảo hộ:
<input type="checkbox"/> Bằng độc quyền sáng chế	
<input type="checkbox"/> Bằng độc quyền giải pháp hữu ích	
<input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn	
<input type="checkbox"/> Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu	
<b>④ BÊN THỨ HAI TRONG HỢP ĐỒNG (KHÔNG ĐÙNG TÊN NGƯỜI NỘP ĐƠN)</b>	
Tên đầy đủ:	
Địa chỉ:	
Điện thoại: Email:	

<sup>1</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

<sup>2</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.



<b>⑤ PHẠM VI CHUYỂN GIAO</b>		
Lãnh thổ chuyển giao: Thời hạn chuyển giao:		
<b>⑥ PHÍ, LỆ PHÍ</b>		
Loại phí, lệ phí	Số đối tượng tính phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ đơn đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp (chuyển quyền sử dụng)	...văn bằng bảo hộ	
<input type="checkbox"/> Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng	Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng	
<input type="checkbox"/> Phí đăng bạ quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng	...văn bằng bảo hộ	
<input type="checkbox"/> Phí công bố quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng	quyết định	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>		
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):		
<b>⑦ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>  <input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm .....trang <input type="checkbox"/> Hợp đồng chuyển quyền sử dụng, bằng tiếng.....gồm.....trang <input type="checkbox"/> ... Bản gốc <input type="checkbox"/> ... Bản sao <input type="checkbox"/> Bản dịch hợp đồng ra tiếng Việt, gồm..... trang <input type="checkbox"/> Văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu (trong trường hợp đối tượng chuyển giao thuộc sở hữu chung), gồm.....trang <input type="checkbox"/> Văn bản uỷ quyền bằng tiếng..... <input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt, gồm.....trang <input type="checkbox"/> bản gốc <input type="checkbox"/> bản sao ( <input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau <input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:..... ) <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp) <input type="checkbox"/> Tài liệu khác, cụ thể:	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i>  <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	<div style="border: 1px solid black; padding: 10px; margin: 10px auto; width: 80%;"> <b>Cán bộ nhận đơn</b>  <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i> </div>
<b>⑧ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b>		
Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.		
Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ... Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn <i>(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</i>		



## **19. Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp**

### **a. Trình tự thực hiện:**

#### **- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ**

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ

#### **- Bước 2: Xử lý hồ sơ**

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, không có thiếu sót:

+ Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định ghi nhận sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực trước thời hạn của hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp;

+ Ghi nhận các nội dung sửa đổi, gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp vào Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp;

+ Ghi nhận các nội dung sửa đổi, gia hạn, chấm dứt hiệu lực trước thời hạn hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp;

+ Công bố các quyết định ghi nhận sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực trước thời hạn hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định.

Trường hợp hồ sơ đăng ký có thiếu sót:

+ Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo dự định từ chối ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực trước thời hạn hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ các thiếu sót của hồ sơ và ấn định thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra thông báo dự định từ chối để người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối về dự định từ chối đăng ký hợp đồng;

+ Ra quyết định từ chối ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực trước thời hạn hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp nếu người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng trong thời hạn đã được ấn định.

### **b. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ.



- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai yêu cầu ghi nhận việc sửa đổi nội dung/gia hạn/chấm dứt hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 03 tại Phụ lục IV Nghị định số 65/2023/NĐ-CP;

+ Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (trường hợp đăng ký sửa đổi nội dung, gia hạn hiệu lực của hợp đồng);

+ Tài liệu chứng minh việc sửa đổi tên, địa chỉ của các bên trong hợp đồng;

+ Thỏa thuận, tài liệu ghi nhận về những điều khoản cụ thể cần sửa đổi, bổ sung trong hợp đồng, kể cả việc gia hạn hoặc chấm dứt hiệu lực của hợp đồng trước thời hạn;

+ Văn bản uỷ quyền (trường hợp yêu cầu được nộp thông qua đại diện);

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (không bao gồm thời gian dành cho người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót).

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định ghi nhận/từ chối ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực trước thời hạn hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp;

- Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đã được ghi nhận các nội dung sửa đổi, gia hạn, chấm dứt hiệu lực trước thời hạn hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.

**h. Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định yêu cầu sửa đổi, gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (mỗi đối tượng): 160.000 đồng;

- Phí đăng bạ Quyết định ghi nhận các nội dung sửa đổi, gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp: 120.000 đồng;

- Phí công bố Quyết định ghi nhận các nội dung sửa đổi, gia hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp: 120.000 đồng.



**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai yêu cầu ghi nhận việc sửa đổi nội dung/gia hạn/chấm dứt hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 03 tại Phụ lục IV Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.



**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu ghi nhận việc sửa đổi nội dung/gia hạn/chấm dứt hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp<sup>2</sup>

<b>① NGƯỜI NỘP ĐƠN</b>	
(Tổ chức, cá nhân yêu cầu sửa đổi/gia hạn/chấm dứt hiệu lực hợp đồng)	
Tên đầy đủ:	
Địa chỉ:	
Số căn cước công dân (nếu có):	Điện thoại: Email:
<input type="checkbox"/> là bên chuyển quyền sử dụng <input type="checkbox"/> là bên nhận chuyển quyền sử dụng	
<b>② ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b>	
<input type="checkbox"/> là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn <input type="checkbox"/> là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền của người nộp đơn <input type="checkbox"/> là người khác được uỷ quyền của người nộp đơn	
Tên đầy đủ: Địa chỉ: Điện thoại: Email:	
<b>③ NỘI DUNG YÊU CẦU</b>  <input type="checkbox"/> Sửa đổi tên, địa chỉ của: <input type="checkbox"/> Bên chuyển quyền <input type="checkbox"/> Bên nhận chuyển quyền  <input type="checkbox"/> Sửa đổi, bổ sung điều khoản trong hợp đồng <input type="checkbox"/> ... văn bằng bảo hộ liên quan đến nội dung sửa đổi  <input type="checkbox"/> Gia hạn hợp đồng <input type="checkbox"/> Chấm dứt hiệu lực hợp đồng	<b>④ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHUYÊN QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP</b>  Số Giấy chứng nhận: Ngày cấp:
<b>⑤ BÊN THỨ HAI TRONG HỢP ĐỒNG (KHÔNG ĐỪNG TÊN NGƯỜI NỘP ĐƠN)</b>	
Tên đầy đủ:	
Địa chỉ:	
Điện thoại: Email:	
<b>⑥ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>	

2. Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.



PHÍ, LỆ PHÍ		
Loại phí, lệ phí	Số đối tượng tính phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định yêu cầu sửa đổi/gia hạn/chấm dứt thời hạn hiệu lực hợp đồng đã ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng		
<input type="checkbox"/> sửa đổi phạm vi chuyển giao, kéo dài thời hạn hợp đồng	... văn bằng bảo hộ	
<input type="checkbox"/> sửa đổi khác, bao gồm cả chấm dứt hiệu lực hợp đồng trước thời hạn	hợp đồng	
<input type="checkbox"/> Phí đăng bạ quyết định sửa đổi/gia hạn/chấm dứt hiệu lực hợp đồng đã ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng	... văn bằng bảo hộ	
<input type="checkbox"/> Phí công bố quyết định sửa đổi/gia hạn/chấm dứt hiệu lực hợp đồng đã ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng	quyết định	
<b>Tổng số phí, lệ phí nộp theo đơn là:</b>		
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):		
<b>⑦ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>		<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i>
<input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm .....trang <input type="checkbox"/> Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng (trường hợp sửa đổi nội dung, gia hạn hiệu lực hợp đồng) <input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh việc sửa đổi tên, địa chỉ của các bên trong hợp đồng <input type="checkbox"/> Thỏa thuận, tài liệu ghi nhận các điều khoản cụ thể cần sửa đổi bổ sung, gia hạn hoặc chấm dứt hiệu lực hợp đồng <input type="checkbox"/> Văn bản uỷ quyền bằng tiếng,..... <input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt, gồm.....trang <input type="checkbox"/> bản gốc <input type="checkbox"/> bản sao ( <input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau <input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....)		<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp) <input type="checkbox"/> Tài liệu khác, cụ thể:		<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;"> <b>Cán bộ nhận đơn</b>  <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i> </div>
<b>⑧ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. <div style="text-align: right;">           Khai tại:.....ngày..... tháng.....năm.....            Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn  <i>(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</i> </div>		

## 20. Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế

### a. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ



+ Đối với trường hợp mà việc sử dụng sáng chế nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng bệnh, chữa bệnh, dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội hoặc nhằm đáp ứng nhu cầu về dược phẩm để phòng, chữa bệnh của quốc gia khác có đủ điều kiện nhập khẩu theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên: 01 hồ sơ yêu cầu gửi đến Bộ và các cơ quan ngang Bộ quản lý lĩnh vực liên quan.

+ Đối với các trường hợp khác: 01 bộ hồ sơ yêu cầu nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ.

- Bước 2: Thẩm định hồ sơ

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ (yêu cầu ra quyết định chuyển giao quyền sử dụng sáng chế không có căn cứ xác đáng):

+ Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ/Bộ trưởng hoặc Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ra thông báo dự định từ chối, có nêu rõ lý do từ chối và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người nộp hồ sơ có ý kiến về dự định từ chối;

+ Nếu người nộp hồ sơ không có ý kiến hoặc có ý kiến không xác đáng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ/Bộ trưởng hoặc Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ra thông báo từ chối buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế;

Trường hợp hồ sơ hợp lệ:

+ Yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế trong các trường hợp mà việc sử dụng sáng chế nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng bệnh, chữa bệnh, dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội hoặc nhằm đáp ứng nhu cầu về dược phẩm để phòng, chữa bệnh của quốc gia khác có đủ điều kiện nhập khẩu theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên:

- Bộ hoặc cơ quan ngang Bộ sao gửi hồ sơ lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Cục Sở hữu trí tuệ);

- Cục Sở hữu trí tuệ cho ý kiến và báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Bộ hoặc cơ quan ngang Bộ gửi ý kiến phản hồi đối với ý kiến của Cục Sở hữu trí tuệ (nếu không đồng ý, nêu rõ lý do);

- Bộ trưởng hoặc Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ra quyết định chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế.

+ Yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế liên quan đến các trường hợp khác:

- Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo về yêu cầu chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc cho người nắm giữ độc quyền sáng chế và yêu cầu người đó có ý kiến bằng văn bản;



- Yêu cầu các bên thương thảo lại để ký hợp đồng chuyển giao (nếu cần thiết);
- Nếu các bên liên quan không đạt được thoả thuận, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế.

+ Ghi nhận quyết định vào Sổ đăng ký quốc gia về chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp trong vòng 01 tháng và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký quyết định.

**b. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:
  - + Tờ khai yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I tại Nghị định số 65/2023/NĐ-CP;
  - + Tài liệu chứng minh yêu cầu ra quyết định buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế là có căn cứ xác đáng theo quy định pháp luật;
  - + Văn bản ủy quyền (trường hợp yêu cầu được nộp thông qua đại diện);
  - + Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** 02 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế.

**h. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai yêu cầu bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I tại Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Việc sử dụng sáng chế nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng bệnh, chữa bệnh, dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội.



- Người nắm độc quyền sử dụng sáng chế không thực hiện nghĩa vụ sử dụng sáng chế sau khi kết thúc bốn năm kể từ ngày nộp đơn đăng ký sáng chế và kết thúc ba năm kể từ ngày cấp Bằng độc quyền sáng chế.
- Người có nhu cầu sử dụng sáng chế không đạt được thỏa thuận với người nắm độc quyền sử dụng sáng chế về việc ký kết hợp đồng sử dụng sáng chế mặc dù trong một thời gian hợp lý đã cố gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại thỏa đáng.
- Người nắm độc quyền sử dụng sáng chế bị coi là thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.
- Việc sử dụng sáng chế nhằm đáp ứng nhu cầu về dược phẩm để phòng, chữa bệnh của quốc gia khác có đủ điều kiện nhập khẩu theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

***1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.



**TỜ KHAI**  
**YÊU CẦU BẮT BUỘC CHUYỂN GIAO**  
**QUYỀN SỬ DỤNG SÁNG CHẾ**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây đề nghị bắt buộc chuyển giao  
quyền sử dụng sáng chế<sup>2</sup>

<b>①</b>	<b>NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển giao quyền sử dụng sáng chế)
Tên đầy đủ:	
Địa chỉ:	
Số căn cước công dân (nếu có):	Điện thoại: Email:
<b>②</b>	<b>ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b>
<input type="checkbox"/> là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn	
<input type="checkbox"/> là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền của người nộp đơn	Mã số đại diện:
<input type="checkbox"/> là người khác được uỷ quyền của người nộp đơn	
Tên đầy đủ:	
Địa chỉ:	
Điện thoại:	Email:
<b>③</b>	<b>ĐỐI TƯỢNG CHUYỂN GIAO</b>
Tên sáng chế:	
Số văn bằng bảo hộ:	
Ngày cấp:	
<b>④</b>	<b>CHỦ SỞ HỮU VĂN BẰNG BẢO HỘ</b>
Tên đầy đủ:	
Số căn cước công dân (nếu có):	Điện thoại: Email:
<b>⑤ CHỮ ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA CHỦ ĐƠN KÝ TÊN</b>	

<sup>1</sup> Tên cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc.

<sup>2</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn phải đặt dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.



⑤ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i>
<input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm.....trang	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh cơ sở đề nghị chuyển giao sáng chế, gồm.....trang	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Văn bản uỷ quyền bằng tiếng.....	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt, gồm.....trang	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> bản gốc	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> bản sao ( <input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:.....)	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ)	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Tài liệu khác, cụ thể:	<input type="checkbox"/>

Cán bộ nhận đơn  
*(ký và ghi rõ họ tên)*

⑥	CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN
	<p>Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.</p> <p style="text-align: right;">Khai tại:.....ngày..... tháng.....năm.....</p> <p style="text-align: right;">Chữ ký, họ tên chủ đơn/đại diện của chủ đơn  <i>(ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</i></p>



## **21. Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc**

### **a. Trình tự thực hiện:**

#### **- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ**

+ Đối với các trường hợp mà việc sử dụng sáng chế nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng bệnh, chữa bệnh, dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội hoặc nhằm đáp ứng nhu cầu về dược phẩm để phòng, chữa bệnh của quốc gia khác có đủ điều kiện nhập khẩu theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên: Nộp hồ sơ yêu cầu cho Bộ và các cơ quan ngang Bộ quản lý lĩnh vực liên quan (cơ quan đã ra quyết định bắt buộc chuyển giao).

+ Đối với các trường hợp khác: nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu đến Cục Sở hữu trí tuệ.

#### **- Bước 2: Thẩm định hồ sơ**

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ (yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc không có căn cứ xác đáng):

+ Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ/Bộ trưởng hoặc Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ra thông báo dự định từ chối (có nêu rõ lý do) và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người nộp hồ sơ có ý kiến;

+ Nếu người nộp hồ sơ không có ý kiến hoặc có ý kiến không xác đáng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ/Bộ trưởng hoặc Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ra thông báo từ chối yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc;

Trường hợp hồ sơ hợp lệ:

+ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ra quyết định chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc.

+ Ghi nhận quyết định vào Sổ đăng ký quốc gia về chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp trong vòng 01 tháng và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ký quyết định.

### **b. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc;



+ Tài liệu chứng minh căn cứ dẫn đến việc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc không còn tồn tại và không có khả năng tái xuất hiện, đồng thời việc chấm dứt sử dụng sáng chế không gây thiệt hại cho người được chuyển giao quyền sử dụng theo quyết định bắt buộc;

+ Văn bản uỷ quyền (nếu nộp yêu cầu thông qua đại diện);

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** 02 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc.

**h. Phí, lệ phí:** Không quy định

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Căn cứ dẫn đến việc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc không còn tồn tại và không có khả năng tái xuất hiện;

- Việc chấm dứt sử dụng sáng chế không gây thiệt hại cho người được chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;

- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.



## **22. Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp**

### **a. Trình tự thực hiện:**

#### **- Bước 1: Tiếp nhận đơn**

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

#### **- Bước 2: Xử lý đơn**

+ Trong trường hợp yêu cầu cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đáp ứng các quy định, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp và ghi nhận vào mục đăng bạ của Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp tương ứng trong Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp;

+ Trong trường hợp yêu cầu cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp không đáp ứng được các quy định, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo và ấn định thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra thông báo để người yêu cầu sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản hồi. Nếu kết thúc thời hạn nêu trên, người yêu cầu không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối không xác đáng, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (có nêu rõ lý do).

### **b. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **- Thành phần hồ sơ, bao gồm:**

+ Tờ khai cấp phó bản/cấp lại văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 09 tại Phụ lục 2 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP;

+ Giấy uỷ quyền (nếu nộp hồ sơ thông qua đại diện);

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).



**d. Thời hạn giải quyết:** 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp
- Quyết định từ chối cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.

**h. Phí, lệ phí:** Không quy định

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai cấp phó bản/cấp lại văn bằng bảo hộ đối tượng sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 09 tại Phụ lục II Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Trong trường hợp sau đây, các đồng sở hữu Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp có thể yêu cầu cấp phó bản, cấp lại vGiấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:

- Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp thuộc sở hữu chung, Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp sẽ chỉ được cấp cho người đầu tiên trong danh sách những người nộp đơn chung. Các chủ sở hữu chung khác có thể yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ cấp phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp với điều kiện phải nộp phí cấp phó bản;
- Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp bị mất hoặc bị hỏng, rách, bẩn, phai mờ đến mức không sử dụng được, bị tháo rời không giữ được dấu niêm phong, chủ sở hữu đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp /phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp có thể yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp /phó bản Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, với điều kiện phải nộp phí tương ứng.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;



- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.



**TỜ KHAI**  
**CẤP PHÓ BẢN/CẤP LẠI VĂN BẰNG BẢO HỘ**  
**ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

*DẤU NHẬN ĐƠN*  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>43</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu cấp phó bản/cấp lại<sup>44</sup>

<b>① NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp phó bản/cấp lại)	
Tên đầy đủ: Địa chỉ: Số căn cước công dân (nếu có):                      Điện thoại:                      Email:	
<b>② ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> <input type="checkbox"/> là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn <input type="checkbox"/> là tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp được uỷ quyền của người nộp đơn                      Mã số đại diện: <input type="checkbox"/> là người khác được uỷ quyền của người nộp đơn Tên đầy đủ: Địa chỉ: Điện thoại:                      Email:	
<b>③ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÓ BẢN/CẤP LẠI</b> <input type="checkbox"/> Bằng độc quyền sáng chế <input type="checkbox"/> Bằng độc quyền giải pháp hữu ích <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn <input type="checkbox"/> Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Số văn bằng bảo hộ:      Số Giấy chứng nhận đăng ký Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp:
<b>④ NỘI DUNG YÊU CẦU</b> <input type="checkbox"/> Cấp phó bản văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận (cho đồng chủ sở hữu chung) <input type="checkbox"/> Cấp lại văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận (số lần đã được cấp:.....) <input type="checkbox"/> Cấp lại phó bản văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận (Phó bản số:..... số lần đã được cấp:.....) <b>Lý do xin cấp lại:</b> <input type="checkbox"/> Văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận bị mất <input type="checkbox"/> Văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ...) <input type="checkbox"/> Lý do khác	
<b>⑤ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>	

<sup>43</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

<sup>44</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.



⑤ PHÍ, LỆ PHÍ		
Loại phí, lệ phí	Số đối tượng tính phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Phí cấp phó bản/cấp lại văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận <input type="checkbox"/> Văn bằng bảo hộ có trên 4 trang (từ trang thứ 5 trở đi)	văn bằng bảo hộ ..... trang	
<input type="checkbox"/> Phí đăng bạ quyết định cấp phó bản/cấp lại văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận	văn bằng bảo hộ	
<input type="checkbox"/> Phí công bố quyết định cấp phó bản/cấp lại văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận	quyết định	
<b>Tổng số phí, lệ phí nộp theo đơn là:</b>		
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):		
<b>⑥ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>  <input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm.....trang <input type="checkbox"/> Bản gốc văn bằng bảo hộ/giấy chứng nhận bị hỏng <input type="checkbox"/> Mẫu đối tượng sở hữu công nghiệp trùng với mẫu trong văn bằng bảo hộ gốc <input type="checkbox"/> mẫu nhãn hiệu, gồm.....mẫu (đối với nhãn hiệu) <input type="checkbox"/> bộ ảnh chụp hoặc bản vẽ, gồm.....bộ (đối với kiểu dáng công nghiệp) <input type="checkbox"/> Văn bản uỷ quyền bằng tiếng..... <input type="checkbox"/> bản dịch tiếng Việt, gồm.....trang <input type="checkbox"/> bản gốc <input type="checkbox"/> bản sao ( <input type="checkbox"/> bản gốc sẽ nộp sau <input type="checkbox"/> bản gốc đã nộp theo đơn số:..... ) <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp) <input type="checkbox"/> Tài liệu khác, cụ thể:	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i>  <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;"> <b>Cán bộ nhận đơn</b>  <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i> </div>
<b>⑦ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b>  Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.  <div style="text-align: right;">           Khai tại ..... ngày ..... tháng ..... năm .....            Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn  <i>(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</i> </div>		



**23. Thủ tục giao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân khác**

**a. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức cá nhân có nhu cầu nộp đơn đề nghị giao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí tới cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thông báo theo quy định tại khoản 1 Điều 133a của Luật Sở hữu trí tuệ.

- Bước 2: Thẩm định hồ sơ

+ Kiểm tra tính hợp lệ của đơn đề nghị:

Trường hợp đơn đề nghị không hợp lệ thì trong thời hạn chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân và ấn định thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra thông báo để tổ chức, cá nhân sửa chữa thiếu sót;

- Bước 3: Xem xét ra quyết định:

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 133a của Luật Sở hữu trí tuệ, cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ báo cáo đại diện chủ sở hữu nhà nước ban hành quyết định giao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí cho tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện được giao.

+ Trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân đề nghị giao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí đều có đơn hợp lệ thì đại diện chủ sở hữu nhà nước thông báo dự định giao cho các tổ chức, cá nhân đó cùng thực hiện quyền đăng ký, cùng đứng tên là người nộp đơn đối với đơn đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí và ấn định thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo để các tổ chức, cá nhân có ý kiến về nội dung thông báo.

Nếu kết thúc thời hạn nêu trên mà tổ chức, cá nhân nộp đơn đề nghị giao quyền có văn bản phản hồi không đồng ý cùng đứng tên người nộp đơn hoặc không có văn bản phản hồi thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên, đại diện chủ sở hữu nhà nước ban hành quyết định giao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí cho tổ chức, cá nhân có văn bản đồng ý về thông báo dự định giao.

Tổ chức, cá nhân nhận giao quyền đăng ký có nghĩa vụ nộp đơn đăng ký xác lập quyền sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được quyết định giao.



**b. Cách thức thực hiện:**

- Nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí (đề nghị giao quyền) được tạo ra từ nhiệm vụ này.
- Nộp qua bưu điện hoặc trực tuyến về cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí (đề nghị giao quyền) được tạo ra từ nhiệm vụ này.

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:
  - + Đơn đề nghị giao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí theo Mẫu số 01 tại Phụ lục III Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.
  - + Giấy uỷ quyền (nếu nộp hồ sơ thông qua đại diện uỷ quyền);
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 133a Luật SHTT.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí (đề nghị giao quyền) được tạo ra từ nhiệm vụ này.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định giao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí.

**h. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị giao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước theo Mẫu số 01 tại Phụ lục III Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 65/2023 ngày 23/8/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.



**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIAO QUYỀN ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ, KIỂU DÁNG  
CÔNG NGHIỆP, THIẾT KẾ BỐ TRÍ LÀ KẾT QUẢ CỦA  
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Kính gửi<sup>1</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây đề nghị giao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước<sup>2</sup>

<b>①</b>	<b>NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> <i>(Tổ chức, cá nhân đề nghị giao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước)</i> Tên đầy đủ: Địa chỉ: Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân/Mã số doanh nghiệp <sup>3</sup> : Lĩnh vực hoạt động: Điện thoại: E-mail:
<b>②</b>	<b>ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> <input type="checkbox"/> là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn <input type="checkbox"/> là người khác được ủy quyền của người nộp đơn Tên đầy đủ: Địa chỉ: Điện thoại: E-mail:
<b>③</b>	<b>ĐỐI TƯỢNG ĐỀ NGHỊ GIAO QUYỀN ĐĂNG KÝ</b> Tên sáng chế/kiểu dáng công nghiệp/thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước <sup>4</sup> :  Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ:  Mã số nhiệm vụ khoa học và công nghệ:
<b>④</b>	<b>NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>

<sup>1</sup> Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

<sup>2</sup> Trong trang này và các trang sau, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

<sup>3</sup> Ghi số, ngày cấp, nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy tờ tương ứng của cá nhân nộp đơn; trường hợp là tổ chức thì ghi số, ngày cấp, nơi cấp một trong các giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép hoặc các giấy tờ có giá trị như giấy phép theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

<sup>4</sup> Được công bố trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.



<p><b>④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG HỒ SƠ</b></p> <p><input type="checkbox"/> Đơn đề nghị giao quyền đăng ký</p> <p><input type="checkbox"/> Văn bản ủy quyền</p> <p><input type="checkbox"/> Tài liệu khác, cụ thể:</p>	<p><b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> (Dành cho cán bộ nhận đơn)</p> <div style="display: flex; align-items: center;"> <div style="margin-right: 10px;"> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; flex-grow: 1;"> <p>Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)</p> </div> </div>
<p><b>⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b></p> <p><i>Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.</i></p> <p style="text-align: right;">Khai tại: .....ngày..... tháng.....năm.....</p> <p style="text-align: right;">Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn (Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</p>	

**24. Thủ tục cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước**

**a. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân yêu cầu cho phép sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Bước 2: Thẩm định hồ sơ

Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì trong thời hạn chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân và ấn định thời hạn 20 ngày kể từ ngày ra thông báo để tổ chức, cá nhân sửa chữa thiếu sót.



- Bước 3: Xem xét ra quyết định

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông báo về yêu cầu cho phép sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí cho người nắm độc quyền sử dụng và ấn định thời hạn tối đa là 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người nắm độc quyền sử dụng trả lời bằng văn bản trừ yêu cầu thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 133a của Luật Sở hữu trí tuệ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ không phải thông báo cho người nắm độc quyền sử dụng.

+ Sau thời hạn nói trên, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ xử lý yêu cầu cho phép sử dụng và ý kiến của người nắm độc quyền sử dụng trên cơ sở hồ sơ, ý kiến do các bên cung cấp.

+ Trường hợp yêu cầu cho phép sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí không có căn cứ xác đáng theo quy định tại khoản 3 Điều 133a của Luật Sở hữu trí tuệ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ ra quyết định từ chối và nêu rõ lý do từ chối. Trường hợp xét thấy yêu cầu cho phép sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là có căn cứ xác đáng, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ ban hành quyết định cho phép sử dụng.

***b. Cách thức thực hiện:***

- Nộp trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Nộp qua bưu điện hoặc trực tuyến về cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn yêu cầu cho phép sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước theo Mẫu số 02 tại Phụ lục III Nghị định số 65/2023/NĐ-CP;

+ Tài liệu chứng minh yêu cầu cho phép sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước là có căn cứ xác đáng;

+ Văn bản uỷ quyền (nếu nộp hồ sơ thông qua đại diện).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***d. Thời hạn giải quyết:*** 01 tháng 12 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.



**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định cho phép sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; hoặc
- Quyết định từ chối cho phép sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

**h. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn yêu cầu cho phép sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước theo Mẫu số 02 tại Phụ lục III Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người nắm độc quyền sử dụng không thực hiện trong một thời gian hợp lý các biện pháp hiệu quả để sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà Nhà nước hỗ trợ trên 30% tổng số vốn. Trong đó thời gian hợp lý được xác định:

+ Kết thúc 04 năm kể từ ngày nộp đơn đăng ký sáng chế hoặc kết thúc 03 năm kể từ ngày cấp Bằng độc quyền sáng chế, tùy theo thời hạn nào kết thúc muộn hơn;

+ Kết thúc 03 năm kể từ ngày nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí hoặc kết thúc 02 năm kể từ ngày cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, tùy theo thời hạn nào kết thúc muộn hơn.

- Việc sử dụng nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng bệnh, chữa bệnh, bảo đảm dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết khác của xã hội.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;.



- Nghị định số 65/2023 ngày 23/8/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.



**ĐƠN YÊU CẦU CHO PHÉP SỬ DỤNG SÁNG CHẾ, KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP,  
THIẾT KẾ BỐ TRÍ LÀ KẾT QUẢ CỦA NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Kính gửi<sup>50</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây đề nghị cho phép sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước<sup>51</sup>

<b>① NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Tổ chức, cá nhân yêu cầu cho phép sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước)  Tên đầy đủ: Địa chỉ: Số căn cước công dân (nếu có):                      Điện thoại:                      Email:
<b>② ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b>  <input type="checkbox"/> là người đại diện theo pháp luật của người nộp đơn <input type="checkbox"/> là người khác được uỷ quyền của người nộp đơn Tên đầy đủ: Địa chỉ: Điện thoại:                      E-mail:
<b>③ ĐỐI TƯỢNG YÊU CẦU CHO PHÉP SỬ DỤNG</b>  Tên sáng chế/kiểu dáng công nghiệp/thiết kế bố trí: Số Văn bằng bảo hộ: Ngày cấp:
<b>④ CHỦ SỞ HỮU VĂN BẰNG BẢO HỘ</b> Tên đầy đủ: Điện thoại:                      E-mail:
<b>⑤ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>

<sup>50</sup> Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

<sup>51</sup> Trong trang này và các trang sau, người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.



<p><b>5</b></p> <p><input type="checkbox"/> Tờ khai, gồm.....trang</p> <p><input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh cơ sở yêu cầu cho phép sử dụng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, gồm.....trang</p> <p><input type="checkbox"/> Văn bản uỷ quyền</p> <p><input type="checkbox"/> Tài liệu khác, cụ thể:</p>	<p style="text-align: center;"><b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b></p> <p style="text-align: center;">(Dành cho cán bộ nhận đơn)</p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-top: 10px;"> <p style="text-align: center;">Cán bộ nhận đơn</p> <p style="text-align: center;">(Ký và ghi rõ họ tên)</p> </div>
--	--

<p><b>6</b></p> <p style="text-align: center;"><b>CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b></p> <p>Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.</p> <p style="text-align: right; margin-top: 20px;"> <i>Khai tại:.....ngày..... tháng.....năm.....</i>  <i>Chữ ký, họ tên người nộp đơn/đại diện của người nộp đơn</i>  <i>(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</i> </p>	
---	--



## **25. Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp**

### **a. Trình tự thực hiện:**

#### **- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ**

Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

#### **- Bước 2: Xử lý hồ sơ**

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Sở hữu trí tuệ xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ thông báo cho người nộp hồ sơ về việc đủ điều kiện tham dự kỳ kiểm tra, đồng thời thông báo về dự kiến thời gian, địa điểm, lịch kiểm tra;

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ thông báo các thiếu sót của hồ sơ và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót;

- Trường hợp người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối chấp nhận đơn đăng ký dự kiểm tra, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

### **b. Cách thức thực hiện:**

- Trực tuyến qua Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 01 tại Phụ lục V Nghị định số 65/2023/NĐ-CP;

+ Bản sao bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương quy định tại điểm c khoản 2 Điều 155 của Luật Sở hữu trí tuệ (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);

+ Một trong các tài liệu sau:

\* Bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp được Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận nhận quy định tại Điều 62 của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực); hoặc



\* Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động và tài liệu khác (có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi công tác) chứng minh thời gian ít nhất 05 năm trực tiếp làm công tác thẩm định đơn đăng ký sở hữu công nghiệp tại cơ quan quốc gia hoặc quốc tế về sở hữu công nghiệp hoặc công tác pháp luật về sở hữu công nghiệp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 155 của Luật Sở hữu trí tuệ, bao gồm công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm sát, xét xử, pháp chế, tư vấn pháp luật, quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp; nghiên cứu khoa học (có chức danh nghiên cứu viên) và giảng dạy về sở hữu công nghiệp (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực).

+ 02 ảnh 3x4 (cm);

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ.

Việc kiểm tra được tổ chức định kỳ 02 năm/lần.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Thông báo đủ điều kiện tham dự kỳ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp/Quyết định từ chối chấp nhận đơn đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp.

- Thông báo kết quả kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp.

- Thông báo kết quả phúc tra (nếu có).

**h. Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định hồ sơ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 300.000 đồng.

- Phí phúc tra kiểm tra kết quả nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 150.000 đồng.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đăng ký tham dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 01 tại Phụ lục V Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Điều kiện đăng ký dự kỳ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

- Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Thường trú tại Việt Nam;



- Có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương đối với trường hợp hành nghề trong lĩnh vực nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, chống cạnh tranh không lành mạnh, bí mật kinh doanh; có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương chuyên ngành khoa học tự nhiên hoặc khoa học kỹ thuật đối với trường hợp hành nghề trong lĩnh vực sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí;
- Đã trực tiếp làm công tác pháp luật về sở hữu công nghiệp từ năm năm trở lên hoặc đã trực tiếp làm công tác thẩm định các loại đơn đăng ký sở hữu công nghiệp tại cơ quan quốc gia hoặc quốc tế về sở hữu công nghiệp từ năm năm trở lên hoặc đã tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền công nhận;
- Không phải là công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp.

#### ***1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo các Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04/5/2020.



**TỜ KHAI**  
**ĐĂNG KÝ DỰ KIỂM TRA NGHIỆP VỤ**  
**ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>52</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây đề nghị được tham dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp<sup>53</sup>

<b>① NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Cá nhân đề nghị tham dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp)	
Tên đầy đủ:	
Địa chỉ:	
Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân:	
Điện thoại:	Email:
<b>② LĨNH VỰC HÀNH NGHỀ ĐĂNG KÝ DỰ KIỂM TRA</b>	
<input type="checkbox"/> Sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí	
<input type="checkbox"/> Nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, chống cạnh tranh không lành mạnh, bí mật kinh doanh	
<b>③ PHÍ, LỆ PHÍ</b>	
<b>Loại phí, lệ phí</b>	<b>Số tiền</b>
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp (theo môn)	
<input type="checkbox"/> Môn số 1: .....	
<input type="checkbox"/> Môn số 2: .....	
<input type="checkbox"/> Môn số 3: .....	
<input type="checkbox"/> Môn số 4: .....	
<input type="checkbox"/> Môn số 5: .....	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):	
<b>④ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>	

<sup>52</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

<sup>53</sup> Trong Tờ khai này, Người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.



<p><b>④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b></p> <p><input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu</p> <p><input type="checkbox"/> Bản sao Bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương  <input type="checkbox"/> Bản chính để đối chiếu</p> <p><input type="checkbox"/> Bản sao Giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo về pháp luật sở hữu công nghiệp  <input type="checkbox"/> Bản chính để đối chiếu</p> <p><input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh 05 năm liên tục làm công tác sở hữu công nghiệp:  <input type="checkbox"/> Bản sao Quyết định tuyển dụng (<input type="checkbox"/> Bản chính để đối chiếu)  <input type="checkbox"/> Bản sao Hợp đồng lao động (<input type="checkbox"/> Bản chính để đối chiếu)  <input type="checkbox"/> Tài liệu khác (có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi công tác)</p> <p><input type="checkbox"/> 02 ảnh 3 x 4 (cm)</p> <p><input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp)</p>	<p style="text-align: center;"><b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b>  (Dành cho cán bộ nhận đơn)</p> <div style="display: flex; align-items: center; justify-content: center;"> <div style="display: flex; flex-direction: column; gap: 5px;"> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 10px; margin-left: 10px; text-align: center;"> Cán bộ nhận đơn  (Ký và ghi rõ họ tên) </div> </div>
<p><b>⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b></p> <p>Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.</p> <p style="text-align: right; margin-top: 20px;"> <i>Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ...</i>  Chữ ký, họ tên người nộp đơn </p>	



## **26. Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp**

### **a. Trình tự thực hiện:**

#### **- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ**

Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

#### **- Bước 2: Xử lý hồ sơ**

Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Sở hữu trí tuệ xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trong đó ghi rõ họ tên, ngày sinh, địa chỉ thường trú, số chứng minh nhân dân/căn cước công dân, số Chứng chỉ và lĩnh vực hành nghề của người được cấp chứng chỉ; ghi nhận việc cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp, Cổng thông tin điện tử của cơ quan đó trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định;

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ thông báo các thiếu sót của hồ sơ và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót;

- Trường hợp người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

### **b. Cách thức thực hiện:**

- Trực tuyến qua Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **- Thành phần hồ sơ, bao gồm:**

+ Tờ khai yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 02 tại Phụ lục V Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ;

+ Bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp và bản sao Thẻ luật sư đối với trường hợp đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 2a Điều 155 của Luật Sở hữu trí tuệ (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);



+ 02 ảnh 3x4 (cm);

+ Bản sao Chứng minh nhân dân (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực), trừ trường hợp Tờ khai yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đã có thông tin về số Căn cước công dân;

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

**d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định cấp/từ chối cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;

- Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 03 tại Phụ lục V Nghị định số 65/2023/NĐ-CP .

**h. Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng.

- Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 200.000 đồng.

- Lệ phí công bố Quyết định cấp chứng chỉ: 150.000 đồng.

- Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 150.000 đồng

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 02 tại Phụ lục V Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

+ Cá nhân:

- Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Thường trú tại Việt Nam;

- Có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương đối với trường hợp hành nghề trong lĩnh vực nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, chống cạnh tranh không lành mạnh, bí mật kinh doanh; có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương chuyên ngành khoa học tự nhiên hoặc khoa học kỹ thuật đối với trường hợp hành nghề trong lĩnh vực sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí;



- Đã trực tiếp làm công tác pháp luật về sở hữu công nghiệp từ năm năm trở lên hoặc đã trực tiếp làm công tác thẩm định các loại đơn đăng ký sở hữu công nghiệp tại cơ quan quốc gia hoặc quốc tế về sở hữu công nghiệp từ năm năm trở lên hoặc đã tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền công nhận;
  - Không phải là công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp;
  - Đã đạt yêu cầu tại kỳ kiểm tra về nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp do cơ quan có thẩm quyền tổ chức.
- + Công dân Việt Nam là luật sư được phép hành nghề theo quy định của Luật Luật sư, thường trú tại Việt Nam thì được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trong lĩnh vực nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, chống cạnh tranh không lành mạnh, bí mật kinh doanh nếu đã tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

#### ***1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo các Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04/5/2020.

### **TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

Kính gửi<sup>54</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp<sup>55</sup>

**Phụ lục V – Mẫu số 02**  
**Nghị định số 65/2023/NĐ-CP**  
**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

<sup>54</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

<sup>55</sup> Trong Tờ khai này, Người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.



<b>① NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Cá nhân nộp đơn yêu cầu cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp)	
Tên đầy đủ: _____ Địa chỉ: _____ Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân: _____ Điện thoại: _____ Email: _____	
<b>② LĨNH VỰC HÀNH NGHỀ</b>	
<input type="checkbox"/> Sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí <input type="checkbox"/> Nhân hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, chống cạnh tranh không lành mạnh, bí mật kinh doanh	
<b>③ PHÍ, LỆ PHÍ</b>	
<b>Loại phí, lệ phí</b>	<b>Số tiền</b>
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Lệ phí đăng bạ quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Lệ phí công bố quyết định cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp): _____	
<b>⑥ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>	
<b>④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b> <input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu <input type="checkbox"/> Bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp khoá đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp và bản sao Thẻ luật sư đối với trường hợp đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 2 <sup>a</sup> Điều 155 của Luật Sở hữu trí tuệ <input type="checkbox"/> Bản chính để đối chiếu <input type="checkbox"/> 02 ảnh 3 x 4 (cm)	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> (Dành cho cán bộ nhận đơn) <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>



<input type="checkbox"/> Bản sao Chứng minh nhân dân (trường hợp không có thông tin về số Căn cước công dân tại mục 1 Tờ khai này). <input type="checkbox"/> Bản chính để đối chiếu <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp)	<input type="checkbox"/>   <input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/>	Cán bộ nhận đơn <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i>
<p><b>⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b></p> <p>Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.</p> <p style="text-align: right;"> <i>Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ...</i>            Chữ ký, họ tên của người nộp đơn         </p>		





(Ảnh 3 x 4)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ**  
**DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**  
**Số:       /Năm-CCDD**

Họ và tên:  
Ngày sinh:  
CMND/CCCD:  
Địa chỉ thường trú:  
Lĩnh vực hành nghề:

Chữ ký của  
người được cấp Chứng chỉ

**THỦ TRƯỞNG**  
**CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**  
**(Ký và đóng dấu)**

1. Chứng chỉ này được cấp theo Quyết định số ..... ngày ..... tháng ..... năm ....., trên cơ sở khoản 2 và 2a Điều 155 Luật Sở hữu trí tuệ, khoản 1 Điều 64 Nghị định số ...../2023/NĐ-CP.
2. Người được cấp Chứng chỉ này có quyền hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trong lĩnh vực hành nghề đã được ghi nhận và trong một tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, theo các quy định tại Chương XI Luật Sở hữu trí tuệ.
3. Chứng chỉ này bị thu hồi trong trường hợp người được cấp Chứng chỉ:
  - a) Không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 và 2a Điều 155 Luật Sở hữu trí tuệ;
  - b) Bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.



## **27. Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp**

### **a. Trình tự thực hiện:**

#### **- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ**

Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

#### **- Bước 1: Xử lý hồ sơ**

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Sở hữu trí tuệ xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trong đó ghi rõ họ tên, ngày sinh, địa chỉ thường trú, số chứng minh nhân dân/căn cước công dân, số Chứng chỉ và lĩnh vực hành nghề của người được cấp lại chứng chỉ; ghi nhận việc cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp, Cổng thông tin điện tử của cơ quan đó trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định;

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ thông báo các thiếu sót của hồ sơ và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót;

- Trường hợp người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

- Trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp bị lỗi do Cục Sở hữu trí tuệ gây ra thì cơ quan này có trách nhiệm cấp lại Chứng chỉ hành nghề đại diện sở hữu công nghiệp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được cấp Chứng chỉ, không thu phí khi cấp lại Chứng chỉ.

### **b. Cách thức thực hiện:**

- Trực tuyến qua Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 04 tại Phụ lục V Nghị định số 65/2023/NĐ-CP;



+ 02 ảnh 3x4;

+ Bản sao Chứng minh nhân dân (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực), trừ trường hợp Tờ khai yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đã có thông tin về số Căn cước công dân, đối với trường hợp quy định tại điểm a1 khoản này;

+ Tài liệu chứng minh đã khôi phục đủ điều kiện được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đối với trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề do không còn đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 2 và 2a Điều 155 của Luật Sở hữu trí tuệ.

+ Chứng chỉ cũ (trong trường hợp Chứng chỉ bị hỏng, rách,...).

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định cấp/từ chối cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;

- Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 03 tại Phụ lục V Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

**h. Phí, lệ phí:** Áp dụng tương tự như trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.

- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng.

- Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 200.000 đồng.

- Lệ phí công bố Quyết định cấp chứng chỉ: 150.000 đồng.

- Lệ phí đăng bạ Quyết định cấp chứng chỉ: 150.000 đồng

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 04 tại Phụ lục V Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Điều kiện cấp lại chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:



- Thông tin trong Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đã có sự thay đổi;
- Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp bị mất, bị lỗi hoặc bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ, v.v...) đến mức không sử dụng được;
- Đã khôi phục đủ điều kiện được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề do không còn đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 2 và 2a Điều 155 của Luật Sở hữu trí tuệ.

**1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo các Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04/5/2020.

**Phụ lục V – Mẫu số 04**  
**Nghị định số 65/2023/NĐ-CP**

**TỜ KHAI**  
**YÊU CẦU CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ**  
**DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

Kính gửi<sup>56</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp<sup>57</sup>

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

**①**

**NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Cá nhân nộp đơn yêu cầu cấp lại chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp)

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân:

Điện thoại:

Email:

<sup>56</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

<sup>57</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.



Số chứng chỉ hành nghề:													
<div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: center;"> <span>②</span> <span><b>LÝ DO CẤP LẠI CHỨNG CHỈ</b></span> </div> <div style="margin-top: 5px;"> <input type="checkbox"/> Chứng chỉ hành nghề bị mất, bị lỗi, bị hỏng  <input type="checkbox"/> Thông tin cá nhân của người đại diện thay đổi  <input type="checkbox"/> Lĩnh vực hành nghề của người đại diện thay đổi  <input type="checkbox"/> Đã khôi phục đủ điều kiện được cấp Chứng chỉ hành nghề         </div>													
<div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: center;"> <span>③</span> <span><b>PHÍ, LỆ PHÍ</b></span> </div> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-top: 5px;"> <thead> <tr> <th style="width: 70%; text-align: center; padding: 5px;">Loại phí, lệ phí</th> <th style="width: 30%; text-align: center; padding: 5px;">Số tiền</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="padding: 5px;"><input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp</td> <td style="height: 30px;"></td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;"><input type="checkbox"/> Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp</td> <td style="height: 30px;"></td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;"><input type="checkbox"/> Phí đăng bạ quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp</td> <td style="height: 30px;"></td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;"><input type="checkbox"/> Phí công bố quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp</td> <td style="height: 30px;"></td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;"><b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b></td> <td style="height: 30px;"></td> </tr> </tbody> </table> <p style="margin-top: 5px;">Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):</p>		Loại phí, lệ phí	Số tiền	<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp		<input type="checkbox"/> Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp		<input type="checkbox"/> Phí đăng bạ quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp		<input type="checkbox"/> Phí công bố quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp		<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	
Loại phí, lệ phí	Số tiền												
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp													
<input type="checkbox"/> Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp													
<input type="checkbox"/> Phí đăng bạ quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp													
<input type="checkbox"/> Phí công bố quyết định cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp													
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>													
<div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: center;"> <span>④</span> <span><b>NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b></span> </div> <div style="height: 40px;"></div>													



<p><b>④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b></p> <p><input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu</p> <p><input type="checkbox"/> 02 ảnh 3 x 4 (cm)</p> <p><input type="checkbox"/> Bản sao Chứng minh nhân dân (trường hợp không có thông tin về số Căn cước công dân trong mục 1 Tờ khai này) đối với trường hợp thông tin trên Chứng chỉ hành nghề thay đổi.</p> <p><input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp)</p>	<p><b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> (Dành cho cán bộ nhận đơn)</p> <div style="display: flex; align-items: center;"> <div style="flex: 1;"> <input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; flex: 1; text-align: center;"> <p>Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)</p> </div> </div>
<p><b>⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b></p> <p>Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.</p> <p style="text-align: right;">Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ... Chữ ký, họ tên của người nộp đơn</p>	



## **28. Thủ tục thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp**

### **a. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

- Bước 2: Xử lý hồ sơ

Trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu, Cục Sở hữu trí tuệ thông báo bằng văn bản về yêu cầu này cho người được cấp Chứng chỉ hành nghề và ấn định thời hạn là 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người đó có ý kiến. Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề hoặc quyết định từ chối thu hồi Chứng chỉ hành nghề và gửi cho các bên; ghi nhận Quyết định vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định.

### **b. Cách thức thực hiện:**

- Trực tuyến qua Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Đơn yêu cầu thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;

- Tài liệu chứng minh căn cứ thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.

### **d. Thời hạn giải quyết: 03 tháng**

01 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu, Cục Sở hữu trí tuệ thông báo bằng văn bản về yêu cầu này cho người được cấp Chứng chỉ hành nghề và ấn định thời hạn là 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người đó có ý kiến.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

### **g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định thu hồi/từ chối thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.

### **h. Phí, lệ phí:**



Không quy định.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

Không có mẫu tờ khai.

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

Căn cứ khẳng định người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 và 2a Điều 155 của Luật Sở hữu trí tuệ.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo các Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;



## **29. Thủ tục ghi nhận Người đại diện sở hữu công nghiệp**

### **a. Trình tự thực hiện:**

#### **- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ**

Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu ghi nhận Người đại diện sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

#### **- Bước 2: Xử lý hồ sơ**

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Sở hữu trí tuệ xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định ghi nhận Người đại diện sở hữu công nghiệp; ghi nhận trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp, Cổng thông tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định;

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ thông báo các thiếu sót của hồ sơ và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót;

- Trường hợp người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối ghi nhận Người đại diện sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

### **b. Cách thức thực hiện:**

- Trực tuyến qua Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

#### **- Thành phần hồ sơ, bao gồm:**

+ Tờ khai yêu cầu ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 06 tại Phụ lục V Nghị định số 65/2023/NĐ-CP;

+ Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của tổ chức đối với người có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).



**d. Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định ghi nhận/Quyết định từ chối ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp.

**h. Phí, lệ phí:**

Không quy định

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai yêu cầu ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 06 tại Phụ lục V Nghị định số 65/2023/NĐ-CP .

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;
- Hoạt động cho một tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo các Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.



**TỜ KHAI**  
**YÊU CẦU GHI NHẬN NGƯỜI ĐẠI DIỆN SỞ HỮU**  
**CÔNG NGHIỆP**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>58</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp<sup>59</sup>

<b>①</b>	<b>NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Cá nhân yêu cầu ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp)
Tên đầy đủ:	
Địa chỉ:	
Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân:	
Điện thoại:	E-mail:
Số Chứng chỉ hành nghề:	
<b>②</b>	<b>NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ</b>
<input type="checkbox"/> Đề nghị ghi nhận vào tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:	
Tên tổ chức:	
Mã số đại diện:	
<b>③</b>	<b>PHÍ, LỆ PHÍ</b>
<b>Loại phí, lệ phí</b>	<b>Số tiền</b>
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Lệ phí đăng bạ quyết định ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Lệ phí công bố quyết định ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):	
<b>© NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>	

<sup>58</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

<sup>59</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.



<p><b>④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b></p> <p><input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu</p> <p><input type="checkbox"/> Bản sao quyết định tuyển dụng/hợp đồng lao động của Tổ chức với người có chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp</p> <p><input type="checkbox"/> Bản chính đề đối chiếu</p> <p><input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp)</p>	<p><b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> (Dành cho cán bộ nhận đơn)</p> <div style="display: flex; align-items: center;"> <div style="flex: 1;"> <input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; flex: 1;"> <p>Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)</p> </div> </div>
<p><b>⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b></p> <p>Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.</p> <p style="text-align: right;">Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ... Chữ ký, họ tên người nộp đơn</p>	

### 30. Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

#### a. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ



Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

**- Bước 2: Xử lý hồ sơ**

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Sở hữu trí tuệ xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; ghi nhận trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp, Cổng thông tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định;

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ thông báo các thiếu sót của hồ sơ và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót;

- Trường hợp người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

***b. Cách thức thực hiện:***

- Trực tuyến qua Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 05 tại Phụ lục V Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ;

+ Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động của tổ chức đối với người có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ);

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***d. Thời hạn giải quyết:*** 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ.

***d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Cục Sở hữu trí tuệ.



**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định ghi nhận/Quyết định từ chối ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.

**h. Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng.

- Lệ phí công bố Quyết định ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng.

- Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 05 tại Phụ lục V Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, trừ tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam;

- Có ít nhất 01 cá nhân có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp hoạt động dưới danh nghĩa của tổ chức.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo các Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022;

- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04/5/2020.

**Phụ lục V - Mẫu số 06  
Nghị định số 65/2023/NĐ-CP**



**TỜ KHAI**  
**YÊU CẦU GHI NHẬN TỔ CHỨC DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN**  
**SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

**ĐẦU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>60</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp<sup>61</sup>

<b>①</b>	<b>NGƯỜI NỘP ĐƠN</b>	
	(Tổ chức yêu cầu ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp)	
	Tên đầy đủ:	
	Địa chỉ:	
	Mã số doanh nghiệp:	
	Điện thoại:	E-mail:
	Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:	
	<input type="checkbox"/> Sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí	
	<input type="checkbox"/> Nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, chống cạnh tranh không lành mạnh, bí mật kinh doanh	
	Người có Chứng chỉ hành nghề được tổ chức ủy quyền (kèm theo giấy ủy quyền):	
	Họ tên:	
	Số Chứng chỉ hành nghề:	
<b>②</b>	<b>PHÍ, LỆ PHÍ</b>	
	<b>Loại phí, lệ phí</b>	<b>Số tiền</b>
	<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
	<input type="checkbox"/> Lệ phí đăng bạ quyết định ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
	<input type="checkbox"/> Lệ phí công bố quyết định ghi nhận Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
	<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	
	Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):	
<b>③ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>		

<b>③</b>	<b>CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b>
----------	----------------------------------	-----------------------------------

<sup>60</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

<sup>61</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.



<input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu <input type="checkbox"/> Bản sao quyết định tuyển dụng/hợp đồng lao động của Tổ chức với người có chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp <input type="checkbox"/> Bản chính để đối chiếu <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp) <input type="checkbox"/> Tài liệu khác: ...	(Dành cho cán bộ nhận đơn)  <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)
<p><b>④ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b></p> <p>Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.</p> <p style="text-align: right;"> <i>Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ...</i>  <i>Chữ ký, họ tên người nộp đơn</i>  <i>(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</i> </p>		



### **31. Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp**

#### **a. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

- Bước 2: Xử lý hồ sơ

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Sở hữu trí tuệ xem xét hồ sơ theo quy định sau đây :

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; ghi nhận trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp, Cổng thông tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định;

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ thông báo các thiếu sót của hồ sơ và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót;

- Trường hợp người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

#### **b. Cách thức thực hiện:**

- Trực tuyến qua Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

#### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin về tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 07 tại Phụ lục V Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ;

+ Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được sửa đổi của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trong trường hợp thay đổi tên, địa chỉ (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực), trừ trường hợp Mã số doanh nghiệp đã được khai trong Tờ khai yêu cầu ghi nhận thay đổi về tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;



+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định ghi nhận/từ chối ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.

**h. Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng.

- Lệ phí công bố Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng

- Lệ phí đăng bạ Quyết định ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 07 tại Phụ lục V Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Có sự thay đổi thông tin đã được ghi nhận trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp (bao gồm tên đầy đủ, tên giao dịch, tên viết tắt, địa chỉ của tổ chức, lĩnh vực kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, họ tên và số Chứng chỉ của người đại diện sở hữu công nghiệp hành nghề trong tổ chức).

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo các Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022;

- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04/5/2020.



**TỜ KHAI**  
**YÊU CẦU GHI NHẬN**  
**THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC DỊCH VỤ**  
**ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>62</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu ghi nhận sửa đổi thông tin về Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp<sup>63</sup>

**①**

**NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp yêu cầu ghi nhận thay đổi thông tin)

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Mã số đại diện:

Mã số doanh nghiệp:

Điện thoại:

E-mail:

**②**

**THÔNG TIN CẦN THAY ĐỔI VỀ TỔ CHỨC DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

☐ Tên tổ chức:

☐ Địa chỉ:

☐ Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

☐ Sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí

☐ Nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, chống cạnh tranh không lành mạnh, bí mật kinh doanh

☐ Người đại diện sở hữu công nghiệp hành nghề trong tổ chức:

Họ tên:

Số Chứng chỉ:

**③**

**PHÍ, LỆ PHÍ**

Loại phí, lệ phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu sửa đổi thông tin về tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Lệ phí đăng bạ quyết định sửa đổi thông tin về tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Lệ phí công bố quyết định sửa đổi thông tin về tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):	
<b>④ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>	

<sup>62</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

<sup>63</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.



<p><b>④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b></p> <p><input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu</p> <p><input type="checkbox"/> Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được sửa đổi của Tổ chức, trừ trường hợp thông tin về mã số doanh nghiệp đã có trong mục 1 Tờ khai này (trường hợp thay đổi tên, địa chỉ của Tổ chức)</p> <p><input type="checkbox"/> Bản chính để đối chiếu</p> <p><input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp)</p>	<p><b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> (Dành cho cán bộ nhận đơn)</p> <div style="display: flex; align-items: center;"> <div style="flex: 1;"> <input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; flex: 1;"> <p>Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)</p> </div> </div>
<p><b>⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b></p> <p>Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.</p> <p style="text-align: right;">Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ...</p> <p style="text-align: right;">Chữ ký, họ tên người nộp đơn</p> <p style="text-align: right;">(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</p>	



## **32. Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp**

### **a. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

- Bước 2: Xử lý hồ sơ

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Sở hữu trí tuệ xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp, Cổng thông tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định;

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ thông báo các thiếu sót của hồ sơ và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót;

- Trường hợp người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

### **b. Cách thức thực hiện:**

- Trực tuyến qua Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 08 tại Phụ lục V Nghị định số 65/2023/NĐ-CP;

+ Tài liệu chứng minh tổ chức không còn đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).



**d. Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định xóa tên/từ chối xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.

**h. Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng.

- Lệ phí công bố Quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng

- Lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai yêu cầu xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 08 tại Phụ lục V Nghị định số 65/2023/NĐ-CP .

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp từ bỏ, chấm dứt kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;

- Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 154 của Luật Sở hữu trí tuệ.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo các Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022;

- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04/5/2020.



**TỜ KHAI**  
**YÊU CẦU XOÁ TÊN TỔ CHỨC DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN**  
**SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>64</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu xoá tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp<sup>65</sup>

<b>① NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp yêu cầu xoá tên)	
Tên đầy đủ:	
Địa chỉ:	
Mã số đại diện:	
Điện thoại:	E-mail:
<b>② LÝ DO ĐỀ NGHỊ XOÁ TÊN</b>	
<input type="checkbox"/> Từ bỏ, chấm dứt kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Không còn đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<b>③ PHÍ, LỆ PHÍ</b>	
<b>Loại phí, lệ phí</b>	<b>Số tiền</b>
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xoá tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Lệ phí đăng bạ quyết định xoá tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Lệ phí công bố quyết định xoá tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):	
<b>④ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b>	

<sup>64</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

<sup>65</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.



<p><b>④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b></p> <p><input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu</p> <p><input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh tổ chức không còn đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp</p> <p><input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp)</p>	<p><b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b></p> <p><i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i></p> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin-top: 10px;"> <p><b>Cán bộ nhận đơn</b> <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i></p> </div>
<p><b>⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b></p> <p>Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.</p> <p style="text-align: right;"> <i>Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ...</i>  <i>Chữ ký, họ tên người nộp đơn</i>  <i>(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</i> </p>	



### **33. Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp**

#### **a. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

- Bước 2: Xử lý hồ sơ

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Sở hữu trí tuệ xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp; xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp, Cổng thông tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định;

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ thông báo các thiếu sót của hồ sơ và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người nộp hồ sơ sửa chữa thiếu sót;

- Trường hợp người nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối yêu cầu xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

#### **b. Cách thức thực hiện:**

- Trực tuyến qua Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

#### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai yêu cầu xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 09 tại Phụ lục V Nghị định số 65/2023/NĐ-CP;

+ Tài liệu chứng minh người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không đáp ứng điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 155 của Luật Sở hữu trí tuệ (quyết định chấm dứt hợp đồng lao động hoặc các tài liệu khác);

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).



- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định xóa tên/từ chối xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp.

**h. Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng.

- Lệ phí công bố Quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng

- Lệ phí đăng bạ Quyết định xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp: 150.000 đồng.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai yêu cầu xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 09 tại Phụ lục V Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng điều kiện hành nghề theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 155 của Luật Sở hữu trí tuệ.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo các Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16/6/2022;

- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04/5/2020.



**TỜ KHAI**  
**YÊU CẦU XOÁ TÊN NGƯỜI ĐẠI DIỆN SỞ HỮU**  
**CÔNG NGHIỆP**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>66</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu xoá tên người đại diện sở hữu công nghiệp<sup>67</sup>

**① NGƯỜI NỘP ĐƠN**  
(Người đại diện sở hữu công nghiệp yêu cầu ghi nhận xoá tên)

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Số Chứng chỉ hành nghề:

Điện thoại:

E-mail:

**② LÝ DO ĐỀ NGHỊ XOÁ TÊN**

☐ Không còn hoạt động cho tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Mã số đại diện (nếu có):

**③ PHÍ, LỆ PHÍ**

Loại phí, lệ phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu xoá người đại diện sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Lệ phí đăng bạ quyết định xoá tên người đại diện sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Lệ phí công bố quyết định xoá tên người đại diện sở hữu công nghiệp	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	

Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):

© NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN

<sup>66</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

<sup>67</sup> Trong Tờ khai này, người nộp đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.



<p><b>④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b></p> <p><input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu</p> <p><input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không đáp ứng điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp</p> <p><input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp)</p>	<p><b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> (Dành cho cán bộ nhận đơn)</p> <div style="display: flex; align-items: center;"> <div style="flex: 1;"> <input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; flex: 1;"> <p>Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)</p> </div> </div>
<p><b>⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b></p> <p>Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.</p> <p style="text-align: right;">Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ... Chữ ký, họ tên người nộp đơn</p>	



### **34. Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp**

#### **a. Trình tự thực hiện:**

##### **- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ**

Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ .

##### **- Bước 2: Xử lý hồ sơ**

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm xử lý hồ sơ theo quy định sau đây:

+ Trường hợp hồ sơ có đủ các tài liệu theo quy định và người đăng ký đáp ứng đủ điều kiện tham dự kiểm tra, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ kế hoạch kiểm tra;

+ Trường hợp hồ sơ có thiếu sót hoặc người đăng ký không đáp ứng đủ điều kiện tham dự kiểm tra, Cục sở hữu trí tuệ ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng để người đăng ký sửa chữa hoặc có ý kiến phản đối. Nếu người đăng ký không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng thì Cục sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối chấp nhận hồ sơ (có nêu rõ lý do).

#### **b. Cách thức thực hiện:**

- Trực tuyến qua Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

#### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 01 tại Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP;

+ Bản sao Bằng tốt nghiệp trình độ đại học hoặc sau đại học (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);

+ Bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động và tài liệu khác chứng minh thực tế hoạt động chuyên môn (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);

+ 02 ảnh 3x4 (cm);



+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Thông báo chấp nhận hồ sơ đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp/ Quyết định từ chối chấp nhận đơn đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp;

- Thông báo kết quả kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp;

- Thông báo kết quả phúc tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp (nếu có).

**h. Phí, lệ phí:**

- Phí kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 300.000 đồng.

- Phí phúc tra kết quả kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp (mỗi môn): 150.000 đồng.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 01 tại Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Thường trú tại Việt Nam;

- Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học các ngành khoa học tự nhiên hoặc khoa học kỹ thuật đối với chuyên ngành giám định sáng chế và thiết kế bố trí; có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học ngành bất kỳ đối với các chuyên ngành giám định khác;

- Không bị xử lý vi phạm hành chính do vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp hoặc về hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp và không thuộc diện bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích;

- Đã trực tiếp làm công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại, thanh tra, kiểm tra, pháp chế, tư vấn pháp luật về sở hữu công nghiệp, nghiên cứu khoa học có chức danh nghiên cứu viên, giảng dạy về sở hữu công nghiệp có chức danh giảng viên từ 05 năm trở lên, hoặc những người đã trực tiếp làm công tác giải thích, hướng dẫn thi hành các quy định pháp luật, xây dựng quy chế, trực tiếp thực hiện hoặc xét duyệt kết quả thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế (gồm cả giải pháp hữu ích), hoặc đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, hoặc đơn đăng ký nhãn hiệu hoặc đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý (gồm cả tên



gọi xuất xứ hàng hoá) tại các cơ quan sở hữu công nghiệp quốc gia hoặc quốc tế từ 05 năm trở lên, hoặc những người đã hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp từ 05 năm trở lên.

***1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.



**TỜ KHAI**  
**ĐĂNG KÝ DỰ KIỂM TRA NGHIỆP VỤ**  
**GIÁM ĐỊNH SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>68</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp<sup>69</sup>

<p><b>① NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Cá nhân đề nghị tham dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp)</p> <p>Tên đầy đủ: Địa chỉ: Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân: Điện thoại: Email:</p>															
<p><b>② CHUYÊN NGÀNH GIÁM ĐỊNH ĐĂNG KÝ DỰ KIỂM TRA</b></p> <p><input type="checkbox"/> Sáng chế và thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn <input type="checkbox"/> Kiểu dáng công nghiệp <input type="checkbox"/> Nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý <input type="checkbox"/> Các quyền sở hữu công nghiệp khác</p>															
<p><b>③ PHÍ, LỆ PHÍ</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Loại phí, lệ phí</th> <th>Số tiền</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp (theo môn)</td> <td></td> </tr> <tr> <td><input type="checkbox"/> Môn: .....</td> <td></td> </tr> <tr> <td><input type="checkbox"/> Môn: .....</td> <td></td> </tr> <tr> <td><input type="checkbox"/> Môn: .....</td> <td></td> </tr> <tr> <td><input type="checkbox"/> Môn: .....</td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="2"><b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b></td> </tr> </tbody> </table> <p>Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):</p>		Loại phí, lệ phí	Số tiền	<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp (theo môn)		<input type="checkbox"/> Môn: .....		<input type="checkbox"/> Môn: .....		<input type="checkbox"/> Môn: .....		<input type="checkbox"/> Môn: .....		<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	
Loại phí, lệ phí	Số tiền														
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp (theo môn)															
<input type="checkbox"/> Môn: .....															
<input type="checkbox"/> Môn: .....															
<input type="checkbox"/> Môn: .....															
<input type="checkbox"/> Môn: .....															
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>															
<p><b>⑥ NGƯỜI NỘP ĐƠN/ĐẠI DIỆN CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN KÝ TÊN</b></p>															

<sup>68</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

<sup>69</sup> Trong Tờ khai này, người đăng ký đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp



④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU (Dành cho cán bộ nhận đơn)	
<input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu <input type="checkbox"/> Bản sao văn bằng tốt nghiệp trình độ đại học hoặc sau đại học <input type="checkbox"/> Chuyên ngành kỹ thuật; khoa học vật lý, hoá học, sinh học <input type="checkbox"/> Chuyên ngành khác <input type="checkbox"/> Bản gốc để đối chiếu <input type="checkbox"/> Bản sao Quyết định tuyển dụng (hoặc hợp đồng lao động) và tài liệu xác nhận thực tế hoạt động chuyên môn <input type="checkbox"/> Bản gốc để đối chiếu <input type="checkbox"/> 02 ảnh 3 x 4 (cm) <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (nếu nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp)	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	<div data-bbox="1145 365 1460 633" style="border: 1px solid black; padding: 5px; text-align: center;"> Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên) </div>
<div data-bbox="145 633 1460 683" style="text-align: center;"> <b>⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> </div> <p data-bbox="145 683 1460 728">Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.</p> <p data-bbox="702 705 1204 750" style="text-align: center;"><i>Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ....</i></p> <p data-bbox="774 739 1125 784" style="text-align: center;">Chữ ký, họ tên người nộp đơn</p>		



### **35. Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp**

#### **a. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ

- Bước 2: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Sở hữu trí tuệ xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định cấp Thẻ giám định viên, trong đó ghi rõ họ tên, ngày sinh, địa chỉ thường trú, số Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân, số Thẻ giám định và chuyên ngành giám định của người được cấp Thẻ; ghi nhận việc cấp Thẻ vào Sổ đăng ký quốc gia về giám định sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp, cổng thông tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ đó trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định;;

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Khi hết thời hạn đã ấn định mà người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng thì Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp Thẻ giám định viên, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

#### **b. Cách thức thực hiện:**

- Trực tuyến qua Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

#### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 02 tại Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP;

+ Bản sao Chứng minh nhân dân (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực), trừ trường hợp Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp đã có thông tin về số Căn cước công dân;

+ 02 ảnh 3x4 (cm);



+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

**d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định cấp/từ chối cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp;

- Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 04 tại Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

**h. Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 02 tại Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Điều kiện cấp thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp:

- Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Có nơi thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về nơi cư trú;

- Không bị xử lý vi phạm hành chính do vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp hoặc về hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp và không thuộc diện bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xoá án tích;

- Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học các ngành khoa học tự nhiên hoặc khoa học kỹ thuật đối với chuyên ngành giám định sáng chế và thiết kế bố trí; có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học ngành bất kỳ đối với các chuyên ngành giám định khác;

- Đã trực tiếp làm công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại, thanh tra, kiểm tra, pháp chế, tư vấn pháp luật về sở hữu công nghiệp, nghiên cứu khoa học có chức danh nghiên cứu viên, giảng dạy về sở hữu công nghiệp có chức danh giảng viên từ 05 năm trở lên, hoặc những người đã trực tiếp làm công tác giải thích, hướng dẫn thi hành các quy định pháp luật, xây dựng quy chế, trực tiếp thực hiện hoặc xét duyệt kết quả thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế (gồm cả giải pháp hữu ích), hoặc đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, hoặc đơn đăng ký nhãn hiệu hoặc đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý (gồm cả tên gọi xuất xứ hàng hoá) tại các cơ quan sở hữu công nghiệp quốc gia hoặc quốc tế từ 05



năm trở lên, hoặc những người đã hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp từ 05 năm trở lên;

- Đạt yêu cầu của kỳ kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp.

***1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;

- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.



**TỜ KHAI**  
**YÊU CẦU CẤP THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN**  
**SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>70</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp<sup>71</sup>

<b>① NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Cá nhân nộp đơn yêu cầu cấp thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp)	
Tên đầy đủ: Địa chỉ: Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân: Điện thoại: Email:	
<b>② CHUYÊN NGÀNH GIÁM ĐỊNH</b> <input type="checkbox"/> Sáng chế và thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn <input type="checkbox"/> Kiểu dáng công nghiệp <input type="checkbox"/> Nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý <input type="checkbox"/> Các quyền sở hữu công nghiệp khác	
<b>③ PHÍ, LỆ PHÍ</b>	
<b>Loại phí, lệ phí</b>	<b>Số tiền</b>
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Phí, lệ phí khác:	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):	
<b>④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b> <input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu <input type="checkbox"/> Bản sao Chứng minh nhân dân, trừ trường hợp thông tin về số Căn cước công dân đã có trong mục 1 Tờ khai này <input type="checkbox"/> 02 ảnh cỡ 3 x 4 cm <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp)	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> (Dành cho cán bộ nhận đơn) <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<b>⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. <div style="text-align: right;">           Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm...            Chữ ký, họ tên người nộp đơn         </div>	

<sup>70</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

<sup>71</sup> Trong Tờ khai này, người yêu cầu đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

Số: /Năm-TGDV

(Ảnh 3 x 4)

Họ và tên:

Ngày sinh:

Số CMND/CCCD:

Địa chỉ thường trú:

Chuyên ngành giám định:

Chữ ký của  
người được cấp Thẻ

**THỦ TRƯỞNG**  
**CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**  
(Ký và đóng dấu)

1. Thẻ này được cấp theo Quyết định số .../QĐ-... ngày... tháng... năm... của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.
2. Người được cấp Thẻ này được hành nghề giám định sở hữu công nghiệp theo chuyên ngành giám định đã được ghi nhận và có nghĩa vụ yêu cầu cấp lại Thẻ khi có thay đổi thông tin liên quan đã được ghi nhận trong Thẻ.
3. Thẻ này bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:
  - a) Có chứng cứ khẳng định Thẻ được cấp trái với quy định pháp luật;
  - b) Người được cấp Thẻ không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;
  - c) Người được cấp Thẻ bị xử phạt bằng hình thức thu hồi Thẻ giám định viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;
  - d) Người được cấp Thẻ từ bỏ hoạt động giám định.



### **36. Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp**

#### **a. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

- Bước 2: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Sở hữu trí tuệ xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ ra quyết định cấp lại Thẻ giám định viên; ghi nhận việc cấp Thẻ vào Sổ đăng ký quốc gia về giám định sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp, cổng thông tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng để người yêu cầu sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối. Nếu người yêu cầu không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc có ý kiến phản đối nhưng không xác đáng, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ ra quyết định từ chối cấp lại Thẻ giám định viên.

#### **b. Cách thức thực hiện:**

- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

#### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 03 Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP;

+ Bản sao Chứng minh nhân dân (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực), trừ trường hợp Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp đã có thông tin về số Căn cước công dân đối với trường hợp cấp lại do thông tin trong Thẻ giám định thay đổi;

+ 02 ảnh 3x4;

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).



- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định cấp lại/từ chối cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp.

- Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 04 tại Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

**h. Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 03 Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Điều kiện cấp lại thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp:

- Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp bị mất, bị lỗi, bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ...) đến mức không sử dụng được;

- Có sự thay đổi về thông tin đã được ghi nhận trong Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04/5/2020.



**TỜ KHAI**  
**YÊU CẦU CẤP LẠI THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN**  
**SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>72</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp<sup>73</sup>

<b>① NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Cá nhân nộp đơn yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp)	
Tên đầy đủ: Địa chỉ: Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân: Điện thoại: <span style="float: right;">Email:</span> Số Thẻ giám định viên:	
<b>② LÝ DO CẤP LẠI THẺ</b>	
<input type="checkbox"/> Thẻ bị mất <span style="margin-left: 100px;"><input type="checkbox"/> Thẻ bị lỗi</span> <span style="margin-left: 100px;"><input type="checkbox"/> Thẻ bị hỏng</span> <input type="checkbox"/> Thông tin cá nhân ghi nhận trong Thẻ thay đổi: <input type="checkbox"/> Bổ sung chuyên ngành giám định:	
<b>③ PHÍ, LỆ PHÍ</b>	
<b>Loại phí, lệ phí</b>	<b>Số tiền</b>
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Phí, lệ phí khác:	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):	
<b>④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b> <input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu <input type="checkbox"/> Bản sao Chứng minh nhân dân, trừ trường hợp số Căn cước công dân đã có trong mục 1 Tờ khai này (trong trường hợp có sự thay đổi thông tin trong Thẻ giám định) <input type="checkbox"/> Bản chính để đối chiếu <input type="checkbox"/> 02 ảnh cỡ 3 x 4 cm <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp)	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> (Dành cho cán bộ nhận đơn) <div style="display: flex; align-items: center; justify-content: center; height: 150px;"> <div style="display: flex; flex-direction: column; align-items: center; gap: 10px;"> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>  <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 10px; margin-left: 20px; text-align: center;"> <b>Cán bộ nhận đơn</b> (Ký và ghi rõ họ tên)                 </div> </div>
<b>⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b>	
Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.  <div style="text-align: right;">                     Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm....                      Chữ ký, họ tên người nộp đơn                 </div>	

<sup>72</sup> Tên cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

<sup>73</sup> Trong Tờ khai này, người yêu cầu đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp; Trường hợp yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên thì chỉ phải khai những thông tin liên quan đến lý do yêu cầu cấp lại Thẻ.





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**  
**Số:        /Năm-TGDV**

Ảnh 3 x 4)

Họ và tên:  
Ngày sinh:  
Số CMND/CCCD:  
Địa chỉ thường trú:  
Chuyên ngành giám định:

Chữ ký của  
người được cấp Thẻ

**THỦ TRƯỞNG**  
**CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**  
(Ký và đóng dấu)

1. Thẻ này được cấp theo Quyết định số .../QĐ-... ngày... tháng... năm... của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.
2. Người được cấp Thẻ này được hành nghề giám định sở hữu công nghiệp theo chuyên ngành giám định đã được ghi nhận và có nghĩa vụ yêu cầu cấp lại Thẻ khi có thay đổi thông tin liên quan đã được ghi nhận trong Thẻ.
3. Thẻ này bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:
  - a) Có chứng cứ khẳng định Thẻ được cấp trái với quy định pháp luật;
  - b) Người được cấp Thẻ không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;
  - c) Người được cấp Thẻ bị xử phạt bằng hình thức thu hồi Thẻ giám định viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;
  - d) Người được cấp Thẻ từ bỏ hoạt động giám định.



### **37. Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp**

#### **a. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

- Bước 2: Thẩm định hồ sơ

+ Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo bằng văn bản về yêu cầu này cho người được cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp và ấn định thời hạn là 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để người đó có ý kiến.

+ Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp hoặc quyết định từ chối thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp cho các bên;

#### **b. Cách thức thực hiện:**

- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

#### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn yêu cầu thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp;

+ Chứng cứ chứng minh căn cứ đề nghị thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** 03 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định thu hồi/từ chối thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp;

**h. Phí, lệ phí:**

Không quy định

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**



Không quy định.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Điều kiện thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp:

- Có chứng cứ khẳng định rằng Thẻ giám định viên được cấp trái với quy định pháp luật;
- Người được cấp Thẻ giám định viên không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;
- Người được cấp Thẻ giám định viên từ bỏ hoạt động giám định;
- Người được cấp Thẻ giám định viên bị xử phạt bằng hình thức thu hồi Thẻ giám định viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.



### **38. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp**

#### **a. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

- Bước 2: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Sở hữu trí tuệ xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp; ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về giám định sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp, Cổng thông tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu sót, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng để tổ chức nộp hồ sơ sửa chữa hoặc có ý kiến phản đối. Nếu tổ chức nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót, hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng, Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp trong đó nêu rõ lý do từ chối.

#### **b. Cách thức thực hiện:**

- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ tại Hà Nội hoặc 2 Văn phòng đại diện của Cục tại TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

#### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 05 tại Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP;

+ Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên sở hữu công nghiệp hoạt động cho tổ chức (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.



**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định cấp/từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp;
- Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 07 tại Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

**h. Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 05 Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Các đơn vị sự nghiệp là tổ chức khoa học và công nghệ đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ tại Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Có ít nhất một cá nhân có Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp hoạt động cho tổ chức đó.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.



**TỜ KHAI**  
**YÊU CẦU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC**  
**GIÁM ĐỊNH SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

Kính gửi<sup>74</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu cấp Giấy chứng nhận  
tổ chức giám định sở hữu công nghiệp<sup>75</sup>

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

<b>① NGƯỜI NỘP ĐƠN</b>	
(Tổ chức yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp)	
Tên đầy đủ: Mã số doanh nghiệp: Địa chỉ: Điện thoại: Email: Chuyên ngành giám định:	
<b>② DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN THUỘC TỔ CHỨC</b>	
STT	Họ và tên      Số Thẻ giám định viên      Chuyên ngành
<b>③ PHÍ, LỆ PHÍ</b>	
Loại phí, lệ phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Phí, lệ phí khác:	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):	
<b>④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>  <input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu <input type="checkbox"/> Bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên thuộc tổ chức <input type="checkbox"/> Bản chính để đối chiếu <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan cấp Giấy chứng nhận)	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> (Dành cho cán bộ nhận đơn)  <div style="display: flex; align-items: center;"> <div style="margin-right: 10px;"> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> </div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; flex-grow: 1;">                         Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)                     </div> </div>
<b>⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b>	
Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.  <div style="text-align: right;">                     Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ...                      Chữ ký, họ tên người nộp đơn                      (Ghi rõ chức vụ và đóng dấu)                 </div>	

<sup>74</sup> Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

<sup>75</sup> Trong Tờ khai này người khai đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp; trường hợp yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp thì chỉ phải khai những thông tin liên quan đến lý do yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận.



**[CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN] CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CN- [chữ viết tắt tên cơ quan cấp  
Giấy chứng nhận]

Hà Nội, ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**Tổ chức giám định sở hữu công nghiệp**

**[THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN]**

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của [Cơ quan cấp Giấy chứng nhận] ban hành theo Quyết định số ... ngày... của...;*

*Căn cứ điểm c3 khoản 2 Điều 110 của Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.*

**CHỨNG NHẬN:**

Tổ chức giám định sở hữu công nghiệp:

Tên đầy đủ:

Tên giao dịch:

Địa chỉ:

Chuyên ngành giám định của tổ chức:

Danh sách giám định viên sở hữu công nghiệp là thành viên của tổ chức:

STT	Họ và tên	Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân	Số Thẻ giám định viên	Chuyên ngành

Giấy chứng nhận này được cấp theo Quyết định số... ngày ... tháng...năm... của [Thủ trưởng cơ quan ban hành Quyết định].

**[THỦ TRƯỞNG**  
**CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN]**

**39. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp**

**a. Trình tự thực hiện:**



**- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ**

Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

**- Bước 2: Thẩm định hồ sơ**

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Sở hữu trí tuệ xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp; ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về giám định sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo Sở hữu công nghiệp, Cổng thông tin điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày ra quyết định.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu sót, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng để tổ chức nộp hồ sơ sửa chữa hoặc có ý kiến phản đối. Nếu tổ chức nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót, hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định từ chối cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp trong đó nêu rõ lý do từ chối.

**b. Cách thức thực hiện:**

- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ.

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 06 tại Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được sửa đổi của tổ chức giám định sở hữu công nghiệp trong trường hợp có sự thay đổi thông tin của tổ chức (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực), trừ trường hợp trong Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp đã có thông tin về Mã số doanh nghiệp;

+ Bản sao Quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên sở hữu công nghiệp hoạt động cho tổ chức trong trường hợp có sự thay đổi về giám định viên sở hữu công nghiệp (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Cục Sở hữu trí tuệ).



- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định cấp lại/từ chối cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp;

- Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.

**h. Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp theo Mẫu số 06 tại Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Điều kiện cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp:

- Giấy chứng nhận bị mất, bị lỗi, bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ...) đến mức không sử dụng được;

- Có sự thay đổi về thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016.



**TỜ KHAI**  
**YÊU CẦU CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

Kính gửi<sup>76</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp<sup>77</sup>

<b>① NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Tổ chức giám định sở hữu công nghiệp yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận)	
Tên đầy đủ: Mã số doanh nghiệp: Địa chỉ: Điện thoại: Email: Chuyên ngành giám định: Số Giấy chứng nhận:	
<b>② LÝ DO CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN</b>	
<input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận bị mất <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận bị lỗi <input type="checkbox"/> Giấy chứng nhận bị hỏng <input type="checkbox"/> Thông tin của tổ chức được ghi nhận trong Giấy chứng nhận thay đổi <input type="checkbox"/> Thay đổi chuyên ngành giám định <input type="checkbox"/> Thay đổi giám định viên thuộc tổ chức	
<b>DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN THUỘC TỔ CHỨC</b>	
STT	Họ và tên
Số Thẻ giám định viên	Chuyên ngành
<b>③ PHÍ, LỆ PHÍ</b>	
Loại phí, lệ phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Phí, lệ phí khác:	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):	
<b>④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> <i>(Dành cho cán bộ nhận đơn)</i>
<input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu <input type="checkbox"/> Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, trừ trường hợp Mã số doanh nghiệp đã có trong mục 1 của Tờ khai này (trường hợp có sự thay đổi thông tin của tổ chức)	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>

<sup>76</sup> Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

<sup>77</sup> Trong Tờ khai này người khai đơn đánh dấu "x" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp; trường hợp yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp thì chỉ phải khai những thông tin liên quan đến lý do yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận.



<input type="checkbox"/> Bản chính để đối chiếu <input type="checkbox"/> Bản sao Quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động hoặc Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên thuộc tổ chức (trong trường hợp có sự thay đổi về giám định viên) <input type="checkbox"/> Bản chính để đối chiếu <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (nếu nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan cấp Giấy chứng nhận)	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)
<p><b>⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b></p> <p>Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.</p> <p style="text-align: right;">Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ...</p> <p style="text-align: right;">Chữ ký, họ tên người nộp đơn</p> <p style="text-align: right;">(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu)</p>		



**[CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN] CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CN- [chữ viết tắt tên cơ quan cấp  
Giấy chứng nhận]

Hà Nội, ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**Tổ chức giám định sở hữu công nghiệp**

**[THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN]**

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của [Cơ quan cấp Giấy chứng nhận] ban hành theo Quyết định số ... ngày... của...;*

*Căn cứ điểm c3 khoản 2 Điều 110 của Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.*

**CHỨNG NHẬN:**

Tổ chức giám định sở hữu công nghiệp:

Tên đầy đủ:

Tên giao dịch:

Địa chỉ:

Chuyên ngành giám định của tổ chức:

Danh sách giám định viên sở hữu công nghiệp là thành viên của tổ chức:

STT	Họ và tên	Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân	Số Thẻ giám định viên	Chuyên ngành

Giấy chứng nhận này được cấp theo Quyết định số... ngày ... tháng...năm... của [Thủ trưởng cơ quan ban hành Quyết định].

**[THỦ TRƯỞNG**  
**CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN]**

**40. Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp**

**a. Trình tự thực hiện:**



**- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ**

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp đến Cục Sở hữu trí tuệ.

**- Bước 2: Thẩm định hồ sơ**

+ Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp, Cục Sở hữu trí tuệ ra thông báo bằng văn bản về yêu cầu này cho tổ chức được cấp Giấy chứng nhận và ấn định thời hạn là 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để tổ chức đó có ý kiến.

+ Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp hoặc quyết định từ chối thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp cho các bên.

**b. Cách thức thực hiện:**

- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ.

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp;

+ Chứng cứ chứng minh căn cứ đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** 03 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Sở hữu trí tuệ.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định thu hồi/từ chối thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.

**h. Phí, lệ phí:**

Không quy định

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Không quy định.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**



Điều kiện thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp:

- Có chứng cứ khẳng định rằng Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp được cấp trái với quy định pháp luật;
- Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;
- Tổ chức giám định sở hữu công nghiệp chấm dứt hoạt động giám định;
- Tổ chức giám định sở hữu công nghiệp vi phạm quy định pháp luật bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị xử lý bằng hình thức thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.

#### **I. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.



## **II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP ĐỊA PHƯƠNG**

### **1. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp**

#### **a. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 2: Thẩm định hồ sơ:

Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp và thông báo cho Cục Sở hữu trí tuệ về việc cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày ra quyết định;

+ Trường hợp hồ sơ thiếu sót, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng để tổ chức nộp hồ sơ sửa chữa hoặc có ý kiến phản đối. Nếu tổ chức nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót, hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (nêu rõ lý do).

#### **b. Cách thức thực hiện:**

- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh.

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.

#### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (Mẫu số 05 - Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP);

+ Bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên sở hữu công nghiệp hoạt động cho tổ chức (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

#### **d. Thời hạn giải quyết:** 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.



**d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định cấp/từ chối cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp;
- Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (Mẫu số 07 - Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP) (Mẫu kèm theo).

**h. Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (Mẫu số 05 - Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP) (Mẫu kèm theo).

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Điều kiện thành lập Tổ chức giám định:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp, tổ chức hành nghề luật sư được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, trừ tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam;
- Có ít nhất một cá nhân có Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp hoạt động cho tổ chức đó.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.



**TỜ KHAI**  
**YÊU CẦU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN TỔ CHỨC**  
**GIÁM ĐỊNH SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

Kính gửi<sup>78</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu cấp Giấy chứng nhận  
tổ chức giám định sở hữu công nghiệp<sup>79</sup>

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

<b>① NGƯỜI NỘP ĐƠN</b> (Tổ chức yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp)	
Tên đầy đủ: Mã số doanh nghiệp: Địa chỉ: Điện thoại: Email: Chuyên ngành giám định:	
<b>② DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN THUỘC TỔ CHỨC</b>	
STT	Họ và tên
Số Thẻ giám định viên	Chuyên ngành
<b>③ PHÍ, LỆ PHÍ</b>	
Loại phí, lệ phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Phí, lệ phí khác:	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	
Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):	
<b>④ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN</b>	<b>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU</b> (Dành cho cán bộ nhận đơn)
<input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu <input type="checkbox"/> Bản sao Quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên thuộc tổ chức <input type="checkbox"/> Bản chính để đối chiếu <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan cấp Giấy chứng nhận)	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<b>⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b>	
Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.  <div style="text-align: right;">                     Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ...                      Chữ ký, họ tên người nộp đơn                      (Ghi rõ chức vụ và đóng dấu)                 </div>	

<sup>78</sup> Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

<sup>79</sup> Trong Tờ khai này người khai đơn đánh dấu “x” vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp; trường hợp yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp thì chỉ phải khai những thông tin liên quan đến lý do yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận.



**[CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN] CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CN- [chữ viết tắt tên cơ quan cấp  
Giấy chứng nhận]

Hà Nội, ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**Tổ chức giám định sở hữu công nghiệp**

**[THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN]**

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của [Cơ quan cấp Giấy chứng nhận] ban hành theo Quyết định số ... ngày... của...;*

*Căn cứ điểm c3 khoản 2 Điều 110 của Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.*

**CHỨNG NHẬN:**

Tổ chức giám định sở hữu công nghiệp:

Tên đầy đủ:

Tên giao dịch:

Địa chỉ:

Chuyên ngành giám định của tổ chức:

Danh sách giám định viên sở hữu công nghiệp là thành viên của tổ chức:

STT	Họ và tên	Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân	Số Thẻ giám định viên	Chuyên ngành

Giấy chứng nhận này được cấp theo Quyết định số... ngày ... tháng...năm... của [Thủ trưởng cơ quan ban hành Quyết định].

**[THỦ TRƯỞNG  
CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN]**



## **2. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp**

### **a. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 2: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hồ sơ theo quy định sau đây:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp;

+ Trường hợp hồ sơ thiếu sót, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ ra thông báo dự định từ chối chấp nhận hồ sơ, nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng để tổ chức nộp hồ sơ sửa chữa hoặc có ý kiến phản đối. Nếu tổ chức nộp hồ sơ không sửa chữa thiếu sót, hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu, không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định từ chối cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp trong đó nêu rõ lý do từ chối.

### **b. Cách thức thực hiện:**

- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh.

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.

### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (Mẫu số 06 - Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP);

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được sửa đổi của tổ chức giám định sở hữu công nghiệp trong trường hợp có sự thay đổi thông tin của tổ chức (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực), trừ trường hợp trong Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp đã có thông tin về Mã số doanh nghiệp;

+ Bản sao Quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên sở hữu công nghiệp hoạt động cho tổ chức trong trường hợp có sự thay đổi về giám định viên sở hữu công nghiệp (xuất trình bản chính để đối chiếu, trừ trường hợp bản sao đã được chứng thực);

+ Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).



**d. Thời hạn giải quyết:** 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định cấp lại/từ chối cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp;
- Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (Mẫu số 07 - Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP) (Mẫu kèm theo).

**h. Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp: 250.000 đồng.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp (Mẫu số 06 - Phụ lục VI Nghị định số 65/2023/NĐ-CP) (Mẫu kèm theo).

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Điều kiện cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp:

- Giấy chứng nhận bị mất, bị lỗi, bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ...) đến mức không sử dụng được;
- Có sự thay đổi về thông tin đã được ghi nhận trong Giấy chứng nhận.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;
- Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 31/2020/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2020.



**TỜ KHAI**  
**YÊU CẦU CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

**DẤU NHẬN ĐƠN**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

Kính gửi<sup>80</sup>: .....

Người nộp đơn dưới đây yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp<sup>81</sup>

①

**NGƯỜI NỘP ĐƠN**

(Tổ chức giám định sở hữu công nghiệp yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận)

Tên đầy đủ:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Email:

Chuyên ngành giám định:

Số Giấy chứng nhận:

②

**LÝ DO CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN**

- ☐ Giấy chứng nhận bị mất      ☐ Giấy chứng nhận bị lỗi      ☐ Giấy chứng nhận bị hỏng  
☐ Thông tin của tổ chức được ghi nhận trong Giấy chứng nhận thay đổi  
☐ Thay đổi chuyên ngành giám định  
☐ Thay đổi giám định viên thuộc tổ chức

DANH SÁCH GIÁM ĐỊNH VIÊN THUỘC TỔ CHỨC			
STT	Họ và tên	Số Thẻ giám định viên	Chuyên ngành

③

**PHÍ, LỆ PHÍ**

Loại phí, lệ phí	Số tiền
<input type="checkbox"/> Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	
<input type="checkbox"/> Phí, lệ phí khác:	
<b>Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:</b>	

Số chứng từ (trường hợp nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp):

④

**CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN**

**KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU**  
(Dành cho cán bộ nhận đơn)

- ☐ Tờ khai theo mẫu  
☐ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, trừ trường hợp Mã số doanh nghiệp đã có trong mục 1 của Tờ khai này (trường hợp có sự thay đổi thông tin của tổ chức)

☐  
☐

<sup>80</sup> Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

<sup>81</sup> Trong Tờ khai này người khai đơn đánh dấu “x” vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp; trường hợp yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp thì chỉ phải khai những thông tin liên quan đến lý do yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận.



<input type="checkbox"/> Bản chính để đối chiếu <input type="checkbox"/> Bản sao Quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động hoặc Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động giữa tổ chức và giám định viên thuộc tổ chức (trong trường hợp có sự thay đổi về giám định viên) <input type="checkbox"/> Bản chính để đối chiếu <input type="checkbox"/> Bản sao chứng từ nộp phí, lệ phí (nếu nộp phí, lệ phí qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của cơ quan cấp Giấy chứng nhận)	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	Cán bộ nhận đơn (Ký và ghi rõ họ tên)
<p><b>⑤ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP ĐƠN</b></p> <p>Tôi xin cam đoan các thông tin, tài liệu trong đơn là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.</p> <p style="text-align: right;"> <i>Khai tại: ..... ngày ... tháng ... năm ...</i>  <i>Chữ ký, họ tên người nộp đơn</i>  <i>(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu)</i> </p>		



**[CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN] CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CN- [chữ viết tắt tên cơ quan cấp  
Giấy chứng nhận]

Hà Nội, ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**Tổ chức giám định sở hữu công nghiệp**

**[THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN]**

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của [Cơ quan cấp Giấy chứng nhận] ban hành theo Quyết định số ... ngày... của...;*

*Căn cứ điểm c3 khoản 2 Điều 110 của Nghị định số .../2023/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.*

**CHỨNG NHẬN:**

Tổ chức giám định sở hữu công nghiệp:

Tên đầy đủ:

Tên giao dịch:

Địa chỉ:

Chuyên ngành giám định của tổ chức:

Danh sách giám định viên sở hữu công nghiệp là thành viên của tổ chức:

STT	Họ và tên	Số chứng minh nhân dân/căn cước công dân	Số Thẻ giám định viên	Chuyên ngành

Giấy chứng nhận này được cấp theo Quyết định số... ngày ... tháng...năm... của [Thủ trưởng cơ quan ban hành Quyết định].

**[THỦ TRƯỞNG**  
**CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN]**



### **3. Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp**

#### **a. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 2: Thẩm định hồ sơ

+ Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra thông báo bằng văn bản về yêu cầu này cho tổ chức được cấp Giấy chứng nhận và ấn định thời hạn là 01 tháng kể từ ngày ra thông báo để tổ chức đó có ý kiến;

+ Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp hoặc quyết định từ chối thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp cho các bên.

#### **b. Cách thức thực hiện:**

- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh.

- Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh.

#### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn yêu cầu thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp;

+ Chứng cứ chứng minh căn cứ đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d. Thời hạn giải quyết:** 03 tháng kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định thu hồi/từ chối thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.

#### **h. Phí, lệ phí:**

Không quy định

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Không quy định.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**



Điều kiện thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp:

- Có chứng cứ khẳng định rằng Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp được cấp trái với quy định pháp luật;
- Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;
- Tổ chức giám định sở hữu công nghiệp chấm dứt hoạt động giám định;
- Tổ chức giám định sở hữu công nghiệp vi phạm quy định pháp luật bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị xử lý bằng hình thức thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.

**I. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung theo các Luật số 36/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022;
- Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ....